

Hồi hướng công đức
Thanh Đồng Tròn, Quán Đức-Me”
đã tích-cực phục-hưng Đạo Mẫu.

Cụ bà **Bùi Thị Mùi,**
Pháp danh **Diệu- Hương**
Cúng dường ấn tống.

Đạo Mẫu

Quán Đức Me * 2020 ĐẠO MẪU

Việt Lịch 4899

Canh-Tí - 2020
Quán Đức Me

Đạo Mẫu

Tái Bản Lần Thứ Ba
Hiệu đính & Tu bổ
2020

Đạo Mẫu

Theo tư-tưởng Việt, ngay về mặt sinh-lý, chết không có nghĩa là hết, những tế-bào truyền-chủng chỉ có sự phân tán để tạo ra những kiến-trúc mới trong những cơ-duyên gặp-gỡ với những kiến-trúc khác. Vì thế, con cái có những nét giống cha mẹ, cháu có những nét ông bà nội ngoại, và phân-biệt sắc-tộc: Việt ra Việt, Nhật ra Nhật,...Dân Âu Châu ra dân Âu Châu, Mỹ, Phi Châu cũng vậy...

Thấy sản-nghiệp là thấy *tiền-nhân*, *hồn thiêng sông núi*.

Tư-tưởng và những nét trong nếp sống không tan-rã theo với cái tan-rã của một cơ-thể mà đã in dấu và lưu-truyền ở cháu con. Ở dân-tộc là cả những gì gọi là quốc-hồn, quốc-túy, là tinh-thần là văn-hóa dân-tộc,...

Khôi-phục *Hồn Việt*, phát-huy *Hồn Nước* là phục-hưng và phục-hoạt đức tin vào giá-trị nguồn gốc mình, làm cháy bùng lên một hào-khí *Dân-Tộc*.

Thái-độ tự-ty, tự hạ, thô-thiển cận lợi chỉ nhìn thấy cái sống vật-lý và sinh-lý nhất thời trong giới-hạn bản thân và gia-đình nhỏ hẹp, không biết có cái sống lưu-truyền và tinh-hoa của dòng sống tiềm-ẩn trong mọi người và bao trùm cả tập-thể. Đó là thái-độ vô trách-nhiệm, tự-khi, thụ-động, tất-cả sinh-hoạt giới-hạn trong chuyện kiếm ăn và hưởng-thụ. Với thái-độ này sẽ làm suy-tàn Dân-Tộc.

Thái-độ mang màu sắc triết-lý lạc lương-tri, lãnh-đạm trước mọi mất còn, thịnh suy cũng làm nguy vong cho đất nước...



Đức Văn Nương Thánh Mẫu
hay
TIÊN CHÚA LIỄU HẠNH



Chùa Thượng Ngàn
(tranh dân gian)

*Gió Động Đình Mẹ ru con ngủ,
Chấn Tiên Đường ấp-ủ năm canh.
Tiết trời thu lạnh-lành-lanh,
Cỏ hoa khóc lệ, cây cành thương đông!
Bồng-bồng-bông, bồng-bồng bông,
Võng dào Mẹ bế con Rồng cháu Tiên...*

(Văn châu Tứ Phủ Công Đồng)

Thay Lời Tựa

Hồn Việt là một thực-thể, chứ không phải một danh-tù trống rỗng vô nghĩa. Hồn Việt dính liền với nếp sống sinh-hoạt của quốc-dân Việt, với mệnh-vận của dân-tộc, với suốt dòng lịch-sử Việt...

Hồn Việt ở ngay trong những hình ảnh:

*Mẹ Việt Nam không son, không phấn
Mẹ Việt-Nam chân lấm, tay bùn.*

Ở làn khói lam chiều ngút nhẹ trên những mái tranh nghèo nơi thôn-dã; ở lũy tre xanh bao-bọc quanh làng, ở con đò ngang đợi bên sông chờ đưa lũ-khách mau trở về nhà; ở những lời thơ thăm-thiết:

*“Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non...¹
Dù cho sông cạn đá mòn
Còn non còn nước hãy còn thề xưa
Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra biển lại mưa về nguồn...”*

(Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu)

1- Nhân cách hóa: nước là dân tộc, non là tổ quốc hay Mẹ V.N. mới thấu hiểu ý nghĩa của bài thơ. Hai câu đầu nói lên sự trách mắng: con cháu ngày một lạc hướng, chưa chịu quay về với Mẹ Việt Nam!!!

Hồng-hồng dòng Nhị Thủy.
Cuồn-cuồn khúc Cửu-Long.
Rì-rào tre Phù-Đồng.
Nghỉ-ngút khói Tràng-An

Bắc Quan trăng ngời chiếu,
Sáng rực mũi Cà-Mâu.
Hạt minh-châu Đông-Hải.
Viên ngọc cỏi trời Nam.

Bách-Việt nay cháu, con,
Trăm họ một lòng son.
Đài gương tươi nhiều phủ.
Uống nước nhớ ngọn nguồn.
Công ơn khai dòng giống,/
Đời-đời khắc công ơn.

*

1- 5 lạy: Đối với chư Thánh, đứng đầu chư Thánh là Ngọc Hoàng Thượng Đế (O. Trời)

4 lạy: Đối với tứ thân phụ mẫu.

3 lạy: Đối với Tiên, Thần, Phật, Chúa.

2- Phải dứt khoát vứt bỏ tư tưởng thuần phục rợ phương Bắc (Tàu). Ái này ở phương Bắc của nước Việt Nam nên phải gọi, và viết là Bắc quan.

Nhân-loại tiến-hóa không phải do sức sống một dòng sống, mà cần sự chung đụng của nhiều dòng giao-tiếp nhau.

*Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu.
(Ca Dao)*

Không có tự-hành tập-thể, tôn-trọng cái gốc của mình thì đâu có giao-tiếp cũng không có những thành-đạt lớn. Bởi có tinh-thần tự-hành Dân-tộc mới có động-cơ mạnh thúc-đẩy những nỗ-lực vượt qua những khó-khăn nhất thời, hay dài hạn.¹

Tóm lại, chúng ta phải khẳng-định ngày nào chưa lấy lại được hồn Việt thì ngày đó khoan luận bàn đến việc cứu dân, cứu nước. Thiếu hồn nước lấy gì để khơi động, thúc đẩy tinh-thần đấu tranh quang phục quê hương?

Đây cũng là món quà hay phần thưởng cho dân tộc Việt để đánh dấu cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ thứ 21, nếu phục hồi và chấn hưng đạo cổ truyền của nòi Việt.

Kính cẩn,

Đinh Khang Hoat

[]

1- Hoài Nguyên, “Vấn Đề Văn-Hóa Việt”, xb. 94



Một bọc trăm con.

I.- Phần Nghi-Thức



Thập ba nén nhang

Lạy năm lạy

Rồi khấn:

Kính lạy Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế

Kính lạy Tam Tòa Thánh Mẫu

Kính lạy Chư Thánh, Tiên, Thần

thuộc Tứ Phủ Công Đồng

Lòng thành dâng tâm hương,

Thơm ngát tỏa mười phương

Ngược về non Ngũ-Lĩnh

Đượm trên đất Kinh-Dương

Bao quanh hồ Động-Đình

Tụ nơi đầm Dạ-Trạch

Vòng quanh núi Tản-Viên

Lượn theo dãy Trường-Sơn.

nàng tiên, sinh Lộc Tục. Vua Đế Minh lập đài tế cáo trời đất, phong con trưởng làm vua phương Bắc, tức Đế Nghi; Phong con thứ là Lộc Tục làm vua phương Nam, lấy núi Ngũ Lĩnh làm cương giới. Hai người làm vua hai nước nhưng vốn cùng gốc ở ta...”

Xét thời đại Thần Nông, khởi từ năm 3118 trước Dương lịch, đến đây chia làm hai:

1- Triều-đại Thần Nông Bắc:

* Đế Nghi (2889-2884 tr. D.L.)

* Đế Lai (2883-2794 tr. D.L.)

* Vua Ly (2795-2751 tr. D.L.)

* Vua Du Vông (2752-2696 tr. .L.)¹

2- Triều đại Thần Nông Nam:

Thái tử Lộc Tục lên làm vua năm Nhâm Tuất (2879 tr. D.L.), hiệu là Kinh Dương. Sau này người Việt lấy năm này làm kỷ nguyên lập quốc. Nếu cộng chung cho đến nay (2879 + 2020 = 4899 năm), vì vậy người Việt hằng tự hào đã có gần năm ngàn năm văn hiến.

Xét về cương giới, cổ sử chép: “Thái tử Lộc Tục lên ngôi, lấy hiệu là Kinh Dương, tên nước là Xích Quỷ. Vua Kinh Dương lấy con gái vua Đông

1- Thiên đài là ngọn đồi nhỏ, cao 170 mét, đỉnh tròn, có đường thoai thoải đi lên, nằm gần bên bờ Tương Giang. Cổ thời, trên đỉnh núi chỉ có thiên đài thờ vua Đế Minh, vua Kinh Dương. Đến thời Đông Hán, một tướng của vua Bà (Trung Vương) tên Đào Hiên Hựu được lệnh rút khỏi Trường Sa. Khi rút tới Quế Dương, ông cùng nghìn quân lên Thiên Đài lễ, nghe người giữ đền kể sự tích xưa, ông cùng quân sĩ nhất quyết tử chiến, khiến Lưu Longhiết mấy vạn quân mới chiếm được núi. Về đời Đường để xóa vết tích Việt, các quan được sai sang đo hộ Lĩnh Nam mới cho xây ngôi chùa tại đây.

(Trần Đại Sỹ, “Biên Cương Nước Cổ Việt”, ghi lại theo “Thiên Đài Di Sử Lục” do Trịnh Quán tiến sĩ Chu Minh Văn soạn, lưu tại Thư viện Hồ Nam.)

II.- Vào Đề

II-1/ Đạo Mẫu có từ lâu đời, nhưng bị lu mờ vì những thiên-kiến sai-lầm xưa nay:

Thật là một vinh-dự vô cùng lớn-lao cho **Đạo Mẫu** nói chung, và cho nhóm Đồng phục-hồi và chấn-hưng *đền* nói riêng, ngày hôm nay được trình-bày về chân-lý của **Đạo Mẫu**, việc đã từng áp-ủ trong tâm tư qua nhiều thế-kỷ.

Đạo Mẫu do tổ-tiên Việt đã dày công sáng-lập từ thời cổ sơ, (có thể nói nhiều ngàn năm trước, từ thời văn-hóa Hòa-Bình?). Đạo Mẫu với lịch-sử Việt-Nam keo sơn, gắn-bó như hình với bóng, và chỉ khi nào hình mất thì bóng mới không còn.

Nước Việt có Đạo từ cổ xưa, chân-lý của Đạo ẩn-tàng một nền minh-triết cao quý, thế mà tại sao con dân Việt lại không biết đến?

Nhiều người đã có thiên-kiến không đẹp về Đạo Mẫu, phần vì do đọc sách, truyện của nhóm tân-học như Tự-Lực Văn-Đoàn hay độc-lập như Vũ Trọng-Phụng... phần do sự quan-sát tận mắt những cảnh thiếu nghiêm-trang nơi thờ phụng...

Trong số này, có nhiều vị đã phát từ một cách “vong bản”: “Đạo đồng bóng quàng xiên” (do cố tình phát âm chệch, từ “Đồng Bóng Quàng Then”).

Sự thiên kiến sai-lầm này có nguyên-ủy và mưu-đồ hiểm độc của những ngoại lực, nhất là được sự cấu-kết tận lực yểm-trợ của một số tôn giáo ngoại nhập.

Đã gọi là Đạo tất-nhiên phải có giáo chủ, chân-lý, giáo-diệu, kỷ-cương, kinh sách và nghi-lễ... Trái lại, hầu hết các thanh đồng khi được hỏi, chỉ biết hai điều duy nhất:

- Số mạng bắt-buộc phải theo, không theo sẽ bị phạt như bệnh tật, điên khùng, v.v... Dĩ kiện này chứng tỏ là tà giáo, chứ đâu phải chánh Đạo!!!

- Bày bàn thờ hay nghi-thức tế bái, mỗi đền làm theo một kiểu, cánh nào làm theo cánh đó! Cảnh bày biện lung-tung giống như tiệm چاپ-phô! Nếu có ai hỏi về ý nghĩa của bàn thờ thì chính vị đồng đền (*người lập đền*) cũng không giải thích được!!! Và đây là kinh nhật-tụng để trả lời mỗi khi bị chất-vấn cặn-kề: *“Các cụ ngày xưa làm sao, bây giờ chúng tôi cứ theo thế mà làm.”*

Một Đạo thiếu kinh-diển để lại, thiếu tổ-chức thống-nhất, đồng-thời nghi-lễ thể-hiện một cách phức-tạp - thế thì tại sao tôi lại có thể tin-tưởng và theo được? -Vậy ắt có động-lực và nguyên-nhân nào để thúc-đẩy? - Xin thưa ngay là có, với những điều không những ly-kỳ, mà còn lạ-lùng vô cùng.

Và đây là những yếu-tố và sự-kiện đã dẫn-dắt tôi lần theo ánh *Đạo Nội*.

II-2/ Nguyên Nhân và Động Lực Thúc Đẩy Trở Về Với Đạo Mẫu:

Vào một ngày thứ Bảy, cách đây bốn năm, nể lời người thân, tôi đến đền của những người Đồng Bồng, tọa-lạc tại đường Machado. Sau khi thụ lộc làm một giấc dài, tỉnh dậy thấy vẫn hầu

vẫn chưa xong. Tôi lân-la tới chỗ hầu, vừa vén màn ngó vào bị ngay người lên đồng truyền phán: *“Này anh Tròn (vì thân hình tôi hơi mập), anh có tâm, ta giúp anh theo đạo. Đây ta phát lộc cho anh”*. Ngượng-ngùng và mắc cỡ vô cùng, tôi thầm nghĩ: *“Ta có cần lộc đâu mà cho.”* Nhưng quan-sát chung-quanh, tất-cả mọi người đều nghiêm-trang, cung-kính, tôi đành phải vào quỳ nhận lộc. Ngước nhìn lên bàn thờ, hai luồng chớp nhoáng đánh thẳng vào nhãn-quan của tôi:

-Bảng đền Đức Vua Bát Hải Động-Đình

-Chân dung Đức Thánh Trần.

Tinh-thần của tôi lúc đó vô cùng căng-thẳng về hai điều trên, tôi thầm nghĩ: *“Bát Hải Long Vương, Động-Đình hồ có nghĩa là 8 con sông chảy vào hồ Động-Đình, chính địa-danh này là nơi phát-tích khởi-thủy của con Tiên cháu Rồng khi chưa bị rợ phương Bắc đẩy về phía Tây Nam, sử-kIỆN này được minh-chứng qua lời dặn-dò thồn-thức của Tổ-tiên trong tiếng hát ru con:*

“Công Cha ở núi Thái Sơn

Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.”

Căn-cứ theo các chứng-tích của các nhà khảo-cổ ngoại quốc, Bách Việt xưa là phần đất 2/3 nước Tàu.

Dựa vào cổ sử như “Đại Việt Sử Ký”, “Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục”, “An Nam Chí Lược”, và nhiều lần công-tác tại Trung Quốc, Yên Tử cư-sĩ Trần Đại Sỹ đã trình-bày trong bài tham luận “Biên Cương Nước Cổ Việt”:

“Đế Minh, cháu ba đời vua Thần Nông đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh, kết hôn với một

Sử sách ghi nhận các nước Hồ Việt (ở Hồ Nam), U Việt ở Triết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Quảng Tây, Điền Việt ở Vân Nam, Lạc Việt (Bắc Việt Nam), Chiêm Việt (đảo Hải Nam), v.v., Các nước này nằm kề tiếp nhau từ nam sông Dương Tử, qua lưu vực sông Hồng, xuống tận bình-nguyên sông Mã. Nói chung, các xứ Việt nằm kế tiếp từ hữu ngạn Dương Tử giang qua lưu-vực Việt Giang, Hồng Hà tới tận bình-nguyên sông Mã. Khu-vực này được ghi nhận vào cuối đời Chiến quốc ở Trung Hoa (thế kỷ 3 trước Công nguyên).



== Lãnh-thổ Trung-Quốc thời Hiên-Viên Hoàng-Đế

Đình là Long Nữ, sinh ra thái tử Sùng Lãm. Sùng lãm kết hôn với Âu Cơ con vua Đế Lai. Sùng Lãm sau nối ngôi tức vua Lạc Long, đặt tên nước là Văn Lang.

Địa bàn nước Văn Lang: Bắc tới hồ Động Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn, Tây giáp Ba Thục, Đông giáp biển Đông Hải.

Như vậy, tộc Việt sống rải-rác từ phía Nam sông Trường Giang: Đông tới biển, Tây tới Tứ Xuyên, Nam tới vịnh Thái Lan. Người Việt từ Ngô Việt di cư xuống phương Nam, người Mân Việt đi xuống Giao Chỉ - Người Việt di cư từ Nam sông Trường Giang tránh lạnh xuống Bắc Việt, đó là những cuộc di cư của tộc Việt trong lãnh thổ Việt, chứ không phải họ là tộc khác tới đất Việt.

Căn cứ vào lịch trình lập quốc của Trung Quốc, cổ sử Việt cũng như cổ sử Trung Hoa, địa bàn của Trung Quốc và Bách Việt được phân định rõ-rệt.

- Lãnh thổ Trung quốc trong thời kỳ lập quốc (2697 tr. C.N.) cũng chỉ tới sông Trường Giang (trong vùng Tây Bắc Hoa Trung ngày nay, giữa trung lưu hai sông Hoàng Hà và Dương Tử). Trong khi đó, Bắc từ Đông Đình hồ, Nam giáp nước Hồ Tôn, Ba Thục tiếp phía Tây, Đông cận biển Đông Hải là địa bàn của Kinh Dương vương (Vua của vùng Châu Kinh và

1- Hồ Động Đình thuộc phía Nam sông Trường Giang, địa khu Bắc Trường Giang được gọi là tỉnh Hồ Bắc, tức đất Kinh Châu thuở xưa. Địa khu phía Nam Trường giang gọi là tỉnh Hồ Nam. Hồ Động Đình nằm trong tỉnh Hồ Nam.

Các nhà biên khảo xưa, vì cho rằng Hùng vương là con cháu của Kinh Dương vương (nhân vật được coi là thủy tổ của Bách Việt) mà suy đoán đất nước của Hùng Vương bao gồm lên tới Động Đình hồ và Ba Thục. Thực ra, nước Văn Lang nằm trong khối Bách Việt, và chỉ gồm một vùng từ Hoành Sơn cho đến miền Nam Quảng Đông, Quảng Tây từ biển Đông cho đến biên giới Việt - Lào ngày nay.

Châu Dương thuộc họ Hồng Bàng với quốc hiệu là **Xích Quỷ** (Sau Lạc Long Quân đổi là **Văn Lang**). Địa bàn này bao gồm nhiều thị tộc trong khối Bách Việt (*Ngô Việt, Mân Việt, U Việt, Âu Việt, Đông Việt, Nam Việt, v.v...*).

Theo sử gia Phạm Văn Sơn, tác giả Việt Sử Tân Biên, trang 75 có ghi: “Vào thế kỷ thứ 30 trc. C.N., dân Hoa sống ở dọc sông Hoàng Hà. Tại lưu vực sông Dương Tử có dân bản thổ, phía Bắc có dân Miên, Man; phía Nam vùng Động Đình và Phiên Dương có dân Việt ở rải-rác đến Ngũ Lĩnh, các dân này có trình độ xã-hội canh nông...”

Trong cuốn “Trăm Việt Trong Vùng Định Mệnh”, xuất bản tại Hoa Kỳ 1997, tác giả Phạm Việt Châu đã viết:

“Theo Từ Hải, danh xưng Bách Việt là tiếng để chỉ “chỗ hỗn tạp gồm bảy tám ngàn dặm của trăm giống Việt từ Giao Chỉ đến Cối Kê, mỗi xứ đều có dòng họ riêng”.

Theo Ngô Thời Sĩ: “Xét theo thiên Vĩ Công, nước Việt ở về phía nam đất Dương Châu. Theo sách Thiên-quan từ sao Đẩu mười một độ qua sao Khiên-ngư đến sao Chức-nữ bảy độ là tỉnh kỳ. Kể về sao thì ở về ngôi Sửu, cùng một phận với nước Ngô. Cối Mân Việt, Lạc Việt, cho nên gọi là **Bách Việt**. Bởi vì miền này ở về phía nam Dương Châu nên gọi là Nam Việt. Vùng đất từ núi Ngũ Lĩnh xuống phía nam thuộc về Nam Việt.

Đào Duy Anh kể rõ thêm một số địa điểm “U Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phước Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở An Nam.

Gần đây, Lãng Thuần Thành (Ling Shun Sheng), giáo sư đại học Đài Loan còn ghi thêm một vùng nữa cho dân Bách Việt, đó là tỉnh Hồ

Nam là Việt môn, có rất nhiều nước như Âu Việt, ^ Nam, nơi trước kia vào thế kỷ 3 trước Công-nguyên, Tam Lư Đại Phu nước Sở là Khuất Nguyên đã bị đày tới. Trong khi bị đày, Khuất Nguyên đã phóng tác ra Cửu Ca (trong bộ Sở từ), và theo họ Lãng, nếu xét kỹ Cửu Ca, người ta sẽ nhận ra những hình ảnh mô-tả các cuộc tế lễ tại địa-phương này giống hệt hình-ảnh đã được vẽ trên trống đồng Đông Sơn của dân Lạc Việt.

Lãng Thuần Thành cũng chủ-trương rằng “trước kia trung-tâm đồng bằng Dương Tử là nơi cư ngụ của giống người Indonesian mà sử sách Trung Hoa gọi là **Bách Việt** hay Lạc Việt”.

Trong sử sách Tàu từ đời Hạ Vũ trở về trước đã thành một nghi-vấn về văn-minh quá-khứ của dân Việt. “Số tự Nam Viêm hữu diện tứ chi quốc”, Viêm đây là Viêm đế, hoặc như “Việt Thường hiến chim trĩ, vua Hùng hiến vua Nghiêu con thần quy, rồi do đó người Tàu chế ra quy lịch. Người Lào, Xiêm, Miến Điện nhận giống Thái (Tày, Nùng, Dao) là do gốc ở Thái Sơn tràn xuống. Sách Chúc Phươg Thi cũng công-nhận từ Dương Tử Giang xuống Nam, các dân-tộc không phải là Hán, các dân ấy là Cửu Mân (9 giống dân Việt), Bát Lạc (8 giống Lạc), Lạc Việt, Tam Ân (3 giống Ân), và Bách Việt (nhiều giống Việt không đủ tên gọi).

Tóm lại, **Bách Việt** trong sách sử Trung Hoa dùng để chỉ sắc dân cư ngụ tại miền Nam sông Dương Tử mà người Hoa Hán phải chiến đấu khi họ bành trướng từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam. Lãnh thổ của các bộ tộc Bách Việt theo huyền sử là nước Xích Quỷ bắc giáp Hồ Nam, nam giáp Chiêm Thành, tây giáp Tứ Xuyên, đông giáp biển Đông. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc khoảng thế kỷ III trước T.L.

Hơn nữa, sự khám-phá của các nhà khảo-cổ đã làm đảo-lộn hết cả những điều hiểu biết về trước, nhất là về phương-diện lịch-sử giữa Việt-Nam với Tàu. Vòng lẩn-quẩn này đã được biện-minh ngay đường thẳng lối, cũng như sự nhận vợ, lấy của người làm của mình cũng đã bị phanh-phui:

-Theo giáo sư Wolfram Eberhard trong tác phẩm “A History of China, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971 đã viết: “*Không còn coi Trung quốc là một nước văn minh đồ sộ với chung quanh là những sắc dân man rợ...*” (*No longer see China as a great civilization surrounded by Barbarians...*)

-Theo tiến sĩ Stephen Oppenheimer: Từ khoảng 9,000 đến 10,000 năm về trước, tổ tiên người Việt đã kiến tạo một nền văn minh Hòa Bình trồng lúa nước.¹

Tương tự, học giả Peter Bellwood đã cổ võ cho thuyết “*lúa nước phải ở vùng nhiệt đới từ Đông Dương xuống Mã Lai, Miến Điện.*”

1- “As previously mentioned, the only remaining clue to the identity and language of the first-rice growers in this part of the world (Sakai cave dwellers of Southern Thailand 9260-7620 years ago. Surin Pookajotn) come from the present day Austro-Asiatic speaking. The so-called Hoabinhians the Pre-Neolithic inhabitants of Indo-China from at least 10,000 years ago, are usually thought to have been ancestors of Austro Asiatic speakers and are presumed to have learnt their agricultural skills thousands years later by diffusion from Early Neolithic culture, further North in China”

(S. Oppenheimer, “Eden in the East, The Drowned Continent of Southeast Asia”, Phoenix London, 1998.

Khi nhìn thấy di ảnh Đức Trần Hưng-Đạo, ngài có công lớn với đất nước: ba lần đánh bại quân xâm-lăng Mông-Cổ (Nguyên) để cứu dân và giữ nước. Oai-linh của Ngài vang động khắp năm Châu, bốn bể. Con dân Việt đều biết và kính phục vô cùng. Tại sao người ta lại an-vị Ngài nơi quá khiêm nhường như vậy? Phía hữu của bàn thờ chú không phải chính giữa? Đây là một chuyện lạ.

Lén nhìn người lên đồng, trời ơi, nơi phàm trần sao lại có người đẹp đến thế! Nhất là đôi mắt tinh-anh kỳ-lạ. Vấn hầu thực đồng, thực bóng thì sắc-diện của vị hầu Thánh mới đổi thay rất đẹp. Một kẻ bướng-bỉnh như tôi đã bao lần vào sinh ra tử, từ Bắc vô Nam, trong khoảng thời-gian gần 24 năm quân-ngũ, mà sao khi đó tôi không đủ can-đảm ngó thẳng? Tâm thần của tôi giao-động thật bàng-hoàng và rối-loạn vô cùng! Nhân-quan thực-sự đã bị các luồng thánh điện áp-đảo hoàn-toàn, bên tai lại văng-vẳng lời văn: “*Nhà sàn dưới ánh trăng thanh...*”

Ngay lúc đó những kỷ-niệm xưa, khi hành-quân trên miền Cao-nguyên Trung phần lại sống động trong tâm-thức của tôi. Còn cảnh nào đẹp bằng những khi dừng quân nơi ruộng Thuợng, ngồi lan-can nhà sàn, ngắm ánh trăng sông, hưởng gió mát và nghe nước suối chảy róc-rách...

Mãn vấn hầu, tôi ngắm lại bà lên đồng, sắc-diện hoàn-toàn thay đổi, không đẹp như lúc hầu. Tuổi tác của bà đã cao trên ngũ tuần và giá về truyền phán cho tôi là giá Thánh Cô Đôi. Sau

này tôi được đặt tên Thánh là thanh-đồng “Tròn” (hầu hết các thanh đồng không có thánh tên).

Linh-tính đã thúc-đẩy tính tò-mò và cưỡng-bách tôi phải quyết-tâm tìm ra sự thật, vì đồng bóng có những điều hết sức kỳ-lạ, mập-mờ ẩn-hiện những sự liên-hệ mật-thiết với lịch-sử Việt. Vì vậy, tôi tự thiết-lập đường lối hành-động theo nguyên-tắc: Sưu-tầm tài-liệu, phân-tích, nhận-xét và đánh giá, thể-hiện đúng câu “*Muốn bắt cọt con phải vào hang cọt*”.

Như đã trình-bày ở trên, tôi đi tù thất-vọng này tới thất-vọng kia, vì:

Thứ nhất: không tìm kiếm được kinh sách để đọc.

Thứ nhì: Hỏi các vị có đồng lại càng bức mình thêm. Vẫn câu: “*Các cụ ngày trước làm sao thì nay chúng tôi cứ thế mà làm, việc theo Đạo hoàn-toàn bị cưỡng-bách do nghiệp số, căn mạng!!!*”

Thưa quý vị:

Thất-vọng thì thất-vọng thật, nhưng không dám bỏ cuộc, vì hình-ảnh Đức Thánh Trần còn kia, hơn nữa khi đã nói: *hy-sinh phải chấp-nhận đấn thân*. Cuối-cùng tôi đã được khai thông, khai sáng, dẫn lối chỉ đường: “*Tâm thành, ngồi thiền trước bàn thờ, kêu xin và vận-dụng giác-quan thứ sáu để cố-gắng bắt được các luồng thánh điện thì sẽ được toại-nguyện.*”

Với thời-gian gần hai năm trường, tôi tự nguyện tôn nhang và trình đồng. Kết-quả tôi đã

lần-lần khai-thông được nhiều thắc-mắc trước đây. Xin được đơn-cử thí-dụ điển-hình: Một đồng tân, lính mới, một kẻ tin sau và theo muện như tôi làm sao có đủ khả-năng để thuyết-trình trước quý vị như ngày hôm nay, trong số quý vị có những người nếu so về thời gian theo đạo hơn tôi gấp bội phần, vì đời này tiếp nối đời trước.

Điều linh-ứng lạ-lùng, trong thời-gian ra công tìm kiếm tài-liệu thì có một ân-nhân (xin miễn nêu danh do sự yêu-cầu của vị đó) đem đến đền Đức Vua cho chúng tôi một quyển sách nhan đề: “*Việt Giáo Phục Hưng*”. Rất nhiều những điển-tích viết trong sách đúng-đắn với các nhận-định mà tâm-linh của chúng tôi khi được khai thông, khai sáng.

Cận đây, chúng tôi lại được đọc một số sách triết của linh-mục kiêm triết-gia Kim Định. Các điều nêu trong sách rất chính-xác vì căn-cứ trên các dữ-kiện và chứng-tích đã tìm ra do các nhà khảo-cổ, cổ-học thế-giới khi khai-quật các vùng đất của Tàu và đặc-biệt những lập-luận đó lại liên-hệ mật-thiết với Đạo Mẫu của chúng tôi, nhất là cuốn *Hưng Việt Và Hồn Nước Với Lễ Gia-Tiên*.

Vậy, kính xin quý vị hãy hướng lên bàn thờ để cùng nhận-định:

-Bàn thờ gia tiên, chỉ có tầm mức hạn hẹp, thờ cúng tổ-tiên của một dòng họ, nhưng lại là nền móng căn bản của Đạo Mẫu.

-Bàn thờ Đạo Mẫu, nghĩa rộng lớn hơn, thờ cúng tổ-tiên của một nước.

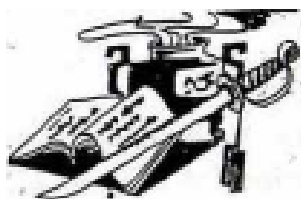
Như vậy chứng tỏ dân tộc Tàu không biết lễ phép, cũng giống như dân tộc Pháp dùng TOI, MOI hay dân Anh, Mỹ dùng YOU và ME, không những cho người, mà còn cho thú vật nuôi trong nhà như chó, mèo, v.v...

Trái lại, trẻ nhỏ tại nước Việt, nếu dùng cách xưng hô này với cha mẹ, ông bà sẽ bị đánh đòn ngay.

Chúng tôi phải dài dòng đôi chút trên phần đất của triết-gia Kim-Định vì hai mục-đích:

-Đùng tin-tưởng tuyệt-đối vào câu ``*Nói có sách*'' mà nhầm-lẫn, nhất là sách viết về lịch-sử thời xưa, vì căn-cứ vào sách của quân xâm-lăng và kẻ thù của dân-tộc. Muốn đúng-đắn phải xử-dụng phần sau ``*Mách có chứng*''.

-Văn-hóa nông-nghiệp của nòi Việt ẩn-tàng một nền minh-triết đã và đang được khám-phá bởi các nhà khảo-cổ, cổ-học và ngôn-ngữ học. Nghĩa của triết là chân-lý và là đạo. Như vậy đã chứng-minh nước Việt có Đạo từ lâu rồi, trước tất cả các đạo ngoại nhập: Khổng, Phật, Lão trên dưới 5000 năm.



Hai nhận định này coi như được giải-quyết dứt khoát nhờ khảo cổ gia Surin Pookajorn tìm được hạt lúa ở hang Sakai, có niên đại C-14 cách ngày nay 9260-7620 năm.

-Tù văn-hóa nông-nghiệp của nòi Việt, Tàu sắp-đặt lại cho có lớp-lang rồi nhận là văn-minh của mình. Cũng như văn-minh ``*Trống Đồng*'' hoàn-toàn của Việt-Nam vì tìm thấy rất nhiều tại làng Đông Sơn thuộc tỉnh Thanh-Hóa.

-Kể đến chữ Tàu hiện nay cũng vậy, khởi-thủy là chữ chân chim (Tiên) và chữ lăng-quảng (Rồng). Tiên Rồng là hai biểu-tượng của nòi Việt.

-Tiếp, biểu-tượng Rồng, Tàu cũng lấy của Việt-Nam. Trước đây, Tàu đã lấy rất nhiều vật làm biểu-tượng: khởi-thủy là chim Cú, đời Thương còn mang cờ bạch hổ, và từ đời Đường tới nay mới lấy rồng.

-Sau cùng là đạo, Tàu theo đạo Khổng mà Khổng đã học với Di Nho tức Nghiêu Thuấn, mà Thuấn là Đông Di Chi Nhân (người thuộc Đông Di) gốc-gác của nòi Việt (*Hùng-Việt, trang 65.*). Ngay các kinh sách (Tứ Thư & Ngũ Kinh) của Nho giáo, nếu suy xét sâu xa cho thấy rất gần gũi với dân Việt hơn là gốc dân “du mục” Trung quốc, và ngay đến Không Tử cũng đã xác nhận “*Thuật Nhi bất tác*” (thuật lại chứ không sáng tác).

- Theo Sử ký Tư Mã Thiên, (*Nhượng Tống dịch, 1944*): “*Năm Tân Mão tức năm 1110 trc. C.N. nước Việt Thường đã cử sứ-giả, dùng người thông-ngôn ba lần mà tới, dâng chim trĩ trắng. Chu công Đán đã thay vua Thành vương tiếp sứ-giả. Qua câu: “Ơn đức không đến, quân-tử không hưởng lễ*

của họ. **Chính lệnh không tới, quân tử không coi họ là người bấy tôi.**” Điều này chứng-tỏ nhà Chu xác-nhận sự độc-lập hoàn-toàn của nước Việt. Do đó, điều mà các học-giả Tàu như Chu Hy **cho nước Việt là chư hầu của nhà Chu là điều cường tử áp lý.**

- Ngoài ra, cũng trong Sử Ký Tư Mã Thiên, Cổ Công (Đản Phụ) có con trưởng là Thái Bá, thứ là Ngu Trọng. Thái Khương sinh con nhỏ tên là Quý Lịch. Quý Lịch lấy Thái Nhậm, đó là người đàn bà hiền thực, sinh ra Xương, Xương có thánh đức. Cổ Công nói: “Đời ta có thể hưng thịnh là nhờ thằng bé này. Con trưởng là Thái Bá cùng con thứ là Ngu Trọng biết Cổ Công muốn lập Quý Lịch tiếp ngôi, hai người bèn đến sống ẩn với dân Man, cắt tóc ngắn, xâm mình, nhằm mục-đích nhường ngôi cho Quý Lịch. = (Cổ Công hữu trưởng tử viết Thái Bá, thứ viết Ngu Trọng. Thái Khương sinh thiếu tử Quy Lịch. Quy Lịch thú Thái Nhậm. Giai hiền phụ nhân. Sinh Xương. Hữu thánh đoan. Cổ Công viết: “Ngã thế đương hữu hưng giả, kỳ tại Xương hồ?” Trưởng tử Thái Bá, Ngu Trọng tri Cổ Công dục lập Quý Lịch dĩ truyền Xương. Nãi nhị nhân vong như Kinh(?) Man. Văn thân, đoạn phát, dĩ như tượng Quý Lịch.}. Chứng tỏ đất Nam có nền văn hóa tốt đẹp. (Trích theo “Việt Nam Suối Nguồn Văn Minh Đông Phương của Du Miên Lê Thanh Hoa)



-Như đã đề cập ở phần trên (trang 11), tại sao phải dùng núi Thái Sơn mà không xử dụng dãy Trường Sơn.

-Xin đi sâu vào chi tiết để nhận định. Núi Thái Sơn là một núi không cao lắm nếu so sánh với các núi khác ở bên Tàu, nhưng là núi cao nhất tại nước Lỗ, nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

-Tiền nhân Việt dùng địa danh núi Thái Sơn để nhắc-nhở con cháu sau này, hiểu biết nơi “chôn đau cắt đốn” của giống dòng Bách Việt, chứ không phải vọng ngoại. Hơn nữa, biên cương lãnh thổ của dân Bách Việt ngày xưa là 2/3 đất Tàu hiện tại. Thánh Mẫu Âu Cơ là mẹ của Bách Việt vì hiện tượng sinh trăm trứng.

-Chú tâm suy nghĩ ý nghĩa câu trên sẽ nảy sinh những điều lý thú và đặt thành vấn đề qua các câu hỏi:

1/ Nơi chôn đau cắt đốn của dòng giống Bách Việt tại núi Thái Sơn, thuộc nước Lỗ. Ông Khổng Tử cũng sinh ra tại nước Lỗ, vậy ông Khổng Tử là người Tàu hay Việt???

2/ Ông Khổng Tử đã dạy:”Tiên học lễ, hậu học văn” nghĩa sơ-lược là trẻ nhỏ đi học đến trường, trước khi học chữ nghĩa, văn chương v.v... bắt buộc phải học lễ phép.

Tại sao cách xưng hô trong gia-đình Tàu, kể từ khi có ông Khổng cho đến ngày nay, con cháu kêu bố mẹ, ông bà bằng TAO, MÀY (nỉ, ngỗ)?

* Ý nghĩa của chữ **hiếu** thực bao-la vô cùng tận, tu được vẹn chữ hiếu là đạt được tất cả. Chữ hiếu có thể ví như cả căn nhà, mà các chữ khác như: từ-bi, bác-ái, vị-tha, đạo-đức, v.v... chỉ là vật dụng bày-biện trang-hoàng trong căn nhà đó.

Vì vậy mới có câu: **Thứ nhất là tu tại gia**”.

Thật vậy còn gì hợp tình và vững lý bằng:

-Không ai thương mình thực tâm bằng cha mẹ mình.

-Hãy lấy người sinh thành dưỡng-dục mình trước, rồi lấy người khác sau.

Ý niệm nhớ ơn tiền nhân bắt nguồn từ ăn một chén cơm phải nhớ đến công lao người cày cấy, uống một ngụm nước cũng phải nhớ đến ngọn nguồn của nước.

Ca-dao có câu:

*“Ơn ai một chút chớ quên,
Phiền ai một chút để bên cạnh lòng.”*

Hay:

*“Thờ cha mẹ, ở hết lòng
Ấy là chữ hiếu, dạy trong luân thường.
Chữ để nghĩa là chữ nhường,*

*Nhường anh, nhường chị, lại nhường người
trên.*

*Ghi lòng, tạc dạ chớ quên,
Con em phải giữ lấy nền con em.”*

(Ca Dao)

Và những câu tuy đơn sơ, nhưng tràn đầy ân tình:

*Mẹ ơi đừng đánh con đau
Để con hát bội, làm đào mẹ coi !
Bao giờ cá lý hóa long*

III/- Nội Dung



A- Đạo Mẫu là gì ?

Đạo giải-nghĩa nô-m-na là đường đi.

Mẫu là Mẹ, người mang nặng đẻ đau sinh ra ta, và nuôi dưỡng ta.

Đạo Mẫu là đạo do chính Mẹ Việt (Thánh Mẫu Âu Cơ) đã dày công khai hóa từ thời cổ sơ, nhằm mục-đích dẫn-dắt con cháu hậu thế trở thành “*Người*”, làm điều lành, tránh điều dữ và hữu-ích cho gia-đình, cũng như cho dân-tộc, nhất là tiếp nối sự-nghiệp của Tổ Tiên.

Thời thượng-cổ, nước ta theo chế-độ ‘mẫu hệ’ (*tập-tục này vẫn còn duy-trì nơi đồng-bào Thượng*). Theo họ Mẹ, Mẹ là chủ, là nữ tướng, là vua chứ không phải là nội-trợ như hiện nay do tiêm-nhiễm văn-minh du-mục ‘trọng nam khinh nữ’.

Đường mà Mẫu Tổ xưa xây đắp lên gồm ba đoạn và cuối đường là tiên cảnh, nơi ngụ của Mẫu Tổ.



B- Chân Lý Của Đạo Mẫu:

孝 忠 仁

Hiếu Trung Nhân

Tuy không có mặt tại đây, chúng tôi cũng xin phép nhóm Hưng-Thế-Nguyên, lớp người tiên-phong viết sách về Đạo Mẫu được đưa chữ “Hiếu” lên đầu, như vậy lập-luận mới vững-vàng, vì tuổi thơ-ấu chưa học được chữ Hiếu, chưa biết công ơn sinh thành dưỡng-dục của cha mẹ thì làm sao biết tới ông bà, tổ tiên và dân-tộc.

Hiếu (nghĩa) : Hiếu với cha mẹ, ông bà và Tổ-tiên.

Nghĩa với vợ chồng, con cái anh em, họ hàng, v.v....

Trung (thành): Trung-thành với đất nước, nơi mà mình đã sinh ra, với nguồn-gốc giống dòng, với tín-ngưỡng truyền-thống, với Thượng-đế và chư Thánh, tiên, thần, với đạo-đức cổ-truyền và lịch-sử oai-hùng của dân-tộc Việt.

Nhân (đức) : Hàm-súc ý-nghĩa rất rộng lớn, người có đạo nhân không làm điều gì trái lẽ công-bằng, không ích-kỷ tham-lam, không lộng ngôn, lộng quyền. Hành sử thuận ý trời, đất và coi tha nhân đồng-bào, đồng-loại như máu thịt của mình. Tu tâm sửa tính để trở thành người hữu ích cho dân-tộc và nhân-loại hầu đạt tới điểm cao cùng cực: **Đại Ngã Tâm Linh**.

Rằng sao trong tiết thanh minh,
 Mà đây hương khói vắng tanh thế mà!
 Vương Quan mới dẫn gần, xa
 Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi,
 Nổi danh tài sắc một kỳ,
 Xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yến anh.
 Kiếp hồng nhan có mong-manh,
 Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương.
 Có người khách ở viễn phương
 Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
 Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
 Thì đà trâm gãy, bình rơi bao giờ!

.....
 (Kiều)

Sau khi nghe Vương Quan kể lễ sự tình, Kiều đã:

Lòng đau sẵn mối thương tâm,
 Thoắt nghe Kiều đã dầm-dầm châu sa...
 (Kiều)

Lòng nhân ái của người Việt không phải chỉ đối với tình đồng hương, nghĩa đồng bào “lá lành đùm lá rách”, mà còn áp-dụng cả đến quân thù xâm-lãng đất nước.

Để thấy rõ điều này, ta hãy đọc bài “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi viết sau khi đại thắng quân Minh:

Tương mắng:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân; quân điếu phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào-khết đời nào cũng có.
 Vậy nên:

Đền ơn cha mẹ ấm lòng ngày xưa.

(Ca Dao)

Thật vậy:

Khôn ngoan nhờ ấm cha ông,
 Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ.
 Đạo làm con chớ hững-hờ,
 Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.

(Ca Dao)

Đời người trăm năm làm mốc,

Cây khô chưa dễ mọc chồi,
 Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta.

(Ca Dao)

Cho nên:

Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi,
 Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.

(Ca Dao)

Nhiều khi sẵn-sàng hy sinh cuộc sống riêng tư,

Ơn hoài thai như biển,
 Ngãi dưỡng dục tựa sông.
 Em nguyện ở vậy không chồng,
 Lo nuôi cha mẹ hết lòng đạo con.

(Ca Dao)

Dù gặp cảnh nghèo nàn, nhưng tình thần nơi con cháu:

Mẹ già ở tấm lều tranh,
 Sớm thăm, tối viếng mới đành dạ con.

(Ca Dao)



*** Chữ Trung”:**

Đối với đời sống bình-dân, tuy không đòi hỏi một nền luân lý cao-siêu, phần đông là cốt dạy người ta thành một người lương thiện, hiểu biết những lý-sự đương-nhiên.

- Để tránh mang tiếng xấu là kẻ “*vô ơn bạc nghĩa*” tục-ngữ có câu:

“*Ăn cây nào, rào cây ấy*”.

- Ở đời, yếu-tố vật chất là điều-kiện cần, nhưng nhiều khi yếu-tố thể chất phải nhường cho yếu-tố tinh-thần. Bởi vậy mới nói:

- *Tốt danh hơn lành áo*”.

- *Sống đục sao bằng thác trong*.”

- *Giấy rách phải giữ lấy lề*”.

(Tục ngữ)

Theo giáo sư W.J.F. Jenner đã khẳng-định trong cuốn “*The Roots of China’s Crisis*”, trang 26: “*Trung Quốc không có khái-niệm công dân, vì từ đời nhà Tần, dân chúng đã thừa-hưởng một khái niệm duy chính quyền trung-ương mà thôi... Ngoài ra, nhà Tần còn truyền thừa là người dân không có một lãnh vực riêng tư nào có thể ngăn chặn khi chính quyền trung ương có ý định can-thiệp vào.*”

Trái lại đối với Việt Nam, theo nhà Việt học Paul Mus cho rằng cấu-trúc xã-hội nông nghiệp qua tính-chất *phân quyền, dân chủ* (“*Phép vua thua lệ làng*”) mà dân tộc Việt đã bảo-tồn từ thời lập quốc cho đến nay, và “*Làng xã đã là yếu-tố cấu thành quốc-gia Việt Nam, và chỉ qua làng xã trong lúc lâm nguy mới có thể hiểu được tinh-thần dân-tộc của người Việt.*”

Người Việt rất trọng “*Tổ tông*”, các vị anh hùng dân tộc,

“*Uống nước nhớ nguồn.*”

(Tục ngữ)

Thấy sản nghiệp là thấy tiền nhân, là thấy hồn thiêng sông núi. Tổ tông và những nét trong nếp sinh-hoạt không tan rã theo thời gian, theo cơ thể mà in sâu và lưu-truyền nơi con cháu. Ở dân tộc là cả những gì gọi là quốc hồn, quốc túy...

“*Cây có gốc mới xanh cành, tươi ngọn,*

Nước có nguồn mới biển cả, sông sâu.”

(Ca Dao)

*** Chữ Nhân:**

Theo kinh-nghiệm của nhà nông, *nước* là vật có thể thu-nhận tất-cả, bất-cứ thứ gì ném vào nước, dơ hay sạch, mùi-vị hay màu-sắc nào cũng mặc, đều chấp-nhận cả.

Tinh-thần này, theo Phật-giáo nói là “*từ bi, hỉ xả*”, đạo Thiên Chúa gọi là “*bác-ái*”, với Nho học là “*lòng nhân*”,...

Nhờ thực-chứng tính chất dung-nạp không phân-biệt (*vô lượng thụ biệ*t), cùng sức nuôi dưỡng vạn vật của *nước* mà người Việt nêu cao lượng bao dung “*Thương người như thể thương thân*”,

(Tục ngữ)

hay: *Thương người, người lại thương ta,*

Ghét người, người lại hóa ra ghét mình.

(Ca Dao)

mà sẵn-sàng: *Gặp người đói rách tả-tơi,*

Mở lòng đùm bọc, giúp người sa cơ.

(Ca Dao)

Tương-tự, trong dịp tiết “*thanh minh*”, khi chị em Kiều du xuân gặp:

Sè-sè nắm đất bên đường

Rầu-rầu ngọn cỏ nửa vàng, nửa xanh.

*lại mình; kiền khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế
xây nên chắc chắn, then nghìn thu rửa sạch lâu
lâu. Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng che
chở, giúp đỡ cho nước ta vậy.*

Than ôi!

*Vấy vùng một mảnh nhung y, nên công đại
định, phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh thanh.
Bá cáo xa gần; ngỏ cùng nghe biết.*

Bùi Kỷ dịch.

Hiếu - Trung - Nhân nêu trên. tiếc thay các
triều đại “Đế Chế Cực Quyền” Trung Hoa đã mạo
hóa và xuyên-tạc (xin đọc phần chứng minh ở trang
145)-148).

Lý tưởng “Bốn Bể Một Nhà ” (Tứ hải giai
huynh đệ) thực-sự chỉ là cái bình-phong che đậy
ý đồ xâm-lăng và Hán hóa. Dân Hán xưa nay, vốn
tự tôn tự đại, coi các sắc dân chung quanh là “Tứ
Di” (Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch và Nam Man).
Góc bên trái lá cờ Trung Cộng có 4 ngôi sao nhỏ
chầu một ngôi sao lớn, tiếp tục truyền thống tự
tôn và xâm lăng của Trung Quốc! Bốn ngôi sao
nhỏ không những nhắc lại quan niệm “tứ di”, và
cũng nói lên ý nghĩ ngạo-mạn “Trung Quốc là trung
tâm điểm văn minh của thế giới, bốn biển chầu về
Trung Quốc”!



*Lưu Cung sợ uy mất vía, Triệu Tiết nghe tiếng
giật mình. Cửa Hàm Tử giết Toa Đô, sông Bạch
Đằng bắt sống Ô Mã. Xét xem cổ tích đã có minh
trưng. Vì họ Hồ chính sự phiến hà, để trong nước
nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ
trừ ngược, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con
đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn
nghàn khoe, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân
nghĩa nát cả càn khôn, nặng khóa liềm vết không
sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể
mò châu; nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim
chả. Tàn hại cả côn trùng, thảo mộc, neho nhóc
thầy! quan quả điên điên. Kẻ há miệng, đứa nhe
răng, mầu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà,
mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng
nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề
canh cửi. Độc ác thay! trúc rừng không ghi hết
tội; dơ bẩn thay ! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ
nào trời đất tha cho; ai bảo thần nhân nhịn được.*

Ta đây:

*Lam Sơn dấy nghĩa; chốn hoang dã nương
mình. Ngẫm non sông căm nỗi thế thù; Thề sống
chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng nhức óc,
chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai,
há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách
lược thảo suy xét đã tinh, ngẫm trước đến nay, lẽ
hưng phế dần đo càng kỹ. Những trần trọc trong
cơn mộng mị, chỉ bữa-khoăn một nỗi đồ hồi. Vừa
khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.*

Lại ngặt vì:

*Tuấn kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như
lá mùa thu. Việc bốn tẩu thiếu kẻ đỡ đần; nơi duy
ác hiểm người bàn bạc. Đôi phen vùng vẫy, vẫn*

*đăm-đăm con mắt đục đông; mấy thuở đợi chờ,
luống đàng-đẵng cỗ xe hư tả.*

*Thế mà trông người, người càng vắng ngắt,
vẫn mịt mù như kẻ vọng dương; thế mà tự ta, ta
phải lo toan, thêm vội vã như khi chứng nghiệm. Phần
thì giận hung đồ ngang dọc, phần thì lo quốc bộ
khó khăn. Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần; khi
Khôi huyện quân không một lữ. Có lẽ trời muốn
trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên
ma. cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất
sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phát phối,
ngóng vân nghệ bốn cõi đàn hồ; mở tiệc quân,
chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ
tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi; quân
giặc nhiều ta ít mà ta được luôn.*

Dọn hay:

***Đem đại nghĩa để thắng hung tàn; lấy chí
nhân thay cường bạo.*** Trận Bồ Đằng sấm vang sét
dậy, miền Trà Lân trúc phá tre bay. Sĩ khí đã hăng,
quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía
chạy tan; Phương Chính Lý An tìm đường trốn
tránh. Đánh Tây kinh phá tan thế giặc; lấy Đông
Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh Kiều máu chảy thành
sông, bến Tuy Động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp
đã thiệt mạng, Lý Lương lại phơi thây. Vương
Thông hết cấp lo lường; Mã Anh không đường cứu
đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính
sao; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà
người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ,
hiếu lễ tới lui; ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương
gây mầm tội nghiệp. Cậy mình là phải, chỉ quen
đổ vạ cho người, tham công một thời, chẳng bỏ
bày trò dơ dúa. Đến nỗi đưa trẻ ranh như Tuyên
Đức, nhảm vô không thôi; lại sai đồ nhút-nhát như
Thạnh, Thăng, đem đầu chữa cháy. Năm Đinh

*mùi tháng chín, Liễu Thăng Khâu Ôn tiến sang;
lại năm nay tháng mười, Mộc Thạnh tự Vân Nam
kéo đến. Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối
Bắc quân; ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt
đường lương đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở
Chi Lăng, hai mươi Liễu Thăng chết ở Mã Yên.
Hai mươi nhăm Lương Minh tuyệt vọng, hai mươi
tám Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đương sắc, ngọn
giáo giặc phải lui. Lại thêm quân bốn mặt vây
thành; Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ tốt ra
oai tì hổ, thần thú đủ mặt thảo nhạ. Gươm mài đá,
đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải
cạn. Đánh một trận sạch không kinh ngạc; đánh
hai trận tan tác chim muông. Cơn gió to trút sạch
lá khô; tổ kiến hồng sụt toang dẽ cũ. Thôi Tụ
phải quỳ mà xin lỗi; Hoàng Phúc tự trói để ra
hàng. Lạng Giang, Lạng Sơn thầy chất đầy đồng;
Xương giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước. Ghé
góm thay! sắc phong vân cũng đổi; thảm đạm thay!
sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân Nam nghẽn
ở Lê Hoa, sợ mà mất mật; quân Mộc Thạnh tan
trung Cầu Trạ, chạy để thoát thân. Suối máu
Lãnh-câu, nước sông rền rĩ; thành xương Đan Xá,
cỏ nội đầm đìa. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn
chạy; các thành cùng khốn, cởi giáp xuống đầu.
Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội;
thể lòng trời bất sát; ta cũng mở đường hiếu sinh.
Mã Kỳ, Phương Chính cấp cho dăm trăm chiếc
thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực; Vương
Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về
đến Tàu còn đổ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa,
ngỏ lòng thu phục; ta muốn toàn quân là cốt, cả
nước nghỉ ngơi. Thế mới là mưu kế thật khôn, vả
lại suốt xưa nay chưa có. Giang sơn từ đây mở
mặt, xã tắc từ đây vững nền. Nhật nguyệt hỡi mà*

Vi, Hy Cương bên Tàu).

Vị thứ 1 là Lạc Long Quân.

Vị thứ 2 là Hùng Hiền Vương.

Vị thứ 3 là Hùng Quốc Vương.

- Theo giáo sư Đào văn Dương “**Khám Pha Mới trong Kinh Dịch**”, trang 218 đã kê khai:

Vị thứ 1 là Hùng Dương Vương tức Kinh Dương vương;

Vị thứ 2 là Hùng Hiền Vương tức Lạc Long Quân,

Vị thứ 3 là Hùng Hiền Vương.

Theo sử gia Phạm văn Sơn, “Việt Sử Tân Biên”, quyển 1, trang 86-92, Đại Nam xb. 1956:

1- Viêm Đế

2- Đế Minh

3- Lộc Tục (Kinh Dương vương)

4- Lạc Long quân (Hùng Hiền vương)

5- Hùng Quốc vương

6- Hùng Hiệp vương

7- Hùng Hy vương

8- Hùng Huy vương

9- Hùng Chiêu vương

10- Hùng Vi Vương

11- Hùng Định vương.

12- Hùng Uy vương.

13- Hùng Trịnh vương

14- Hùng Vũ vương.

15- Hùng Việt vương

16- Hùng Anh vương

17- Hùng Triệu vương

18- Hùng Tuấn vương.

C- Lịch Sử Đạo Mẫu

Theo truyền-thuyết “Thánh Mẫu, nguyên là công-chúa, con của Đức Ngọc-Hoàng Thượng-đế, vâng lệnh giáng trần để khai-sinh ra giống dòng Bách-Việt. Mối tình trên cánh đồng Tương giữa Tiên và Rồng (vì biểu tượng của Tiên là chim) nên mới có nhân-thoại sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra 100 người con trai (theo người Mường là 100 người con gái). Nhờ 50 người con theo Mẹ lên núi mới thành lập ra nước Văn-Lang (Việt-Nam xưa), vì vậy công ơn của Đức Quốc Mẫu





Hội Đình làng

Âu-Cơ đối với non sông Việt thật vô cùng to-tát.

Còn 50 người con theo bố Rồng xuống biển, không để lại một dấu tích nào lưu-truyền hậu thế (?). Đây là điều, lẽ ra chúng tôi sẽ nêu ở phần sau, nhưng vì yếu-tố nêu trên liên-hệ với lịch-sử Việt, nên chúng tôi xin được nói ngay và ước mong quý vị sẽ góp ý để làm sáng tỏ vấn đề: Ngày 10 tháng 3 Âm-lịch là ngày lễ Đức Quốc Tổ, vậy Tổ Mẫu hay Tổ Phụ? Sở dĩ chúng tôi đặt thành câu hỏi vì trong Đạo Mẫu có câu **“Tháng Tám hội Cha, tháng Ba hội Mẹ”**.

Căn cứ vào huyền sử, **Đức Quốc Tổ phải là Đức Quốc Mẫu Âu-Cơ** mới đúng, vì các lý-do sau:

a/ 50 người con theo Mẹ tiên lên núi mới thành lập nước Văn-Lang.

b/ Từ thời cổ-sơ cho đến Bắc thuộc lần thứ I, nước ta theo chế-độ *mẫu hệ*. Mẹ là chủ tất cả, từ gia-đình cho tới quốc-gia.

Các sử sách về sau, có lẽ đem thời đại **phụ hệ** chắm vào khoảng thời gian trên 2800 năm, thời đại *mẫu hệ*. Chính vì thế đã gây nhiều sơ hở, gây ra những nghi vấn:

1- 18 đời Hùng trị vì trên 2800 năm, nếu chia ra, mỗi vị vua trị vì, tính trung bình trên 155 năm, do đó là nghi vấn thứ nhất.

2- 18 triều Hùng vương, mỗi sách ghi một khác:

- Theo “*Tĩnh Hoa Sử Việt*” (trang 54 và 55) bài vị trên núi Hùng Sơn thuộc tỉnh Phú Thọ cũng như Ngọc Phả Hùng Vương (còn được lưu giữ ở Tiên,

- 7- Đắc thù về giống chó.
- 8- Tục linh thiêng ngọn núi.
- 9- Văn minh trống đồng.
- 10- Tục xâm mình.
- 11- Thuật sử dụng nỏ.
- 12- Đốt rừng làm rẫy.
- 13- Thuật làm quần áo bằng vỏ cây.
- 14- Hội hè trong hai mùa Xuân và Thu.
- 15- Thuật đào mương.
- 16- Thuần hóa trâu để cày.
- 17- Thờ cúng ông bà.
- 18- Giết heo để cúng.
- 19- Thuật làm khí giới có độc.
- 20- Trồng tre và sử dụng tre.
- 21- Kỹ thuật đúc sắt.
- 22- Tục cầu tự.
- 23- Kỹ thuật làm sơn mài.
- 24- Thuật làm mương, rẫy.
- 25- Văn minh trồng lúa nước.

Riêng dựa theo đặc tính và những kinh nghiệm thực tiễn của nền văn minh “trồng lúa nước”, trong cuốn “Hai Dòng Văn Chương Bác Học & Bình Dân”, xuất bản tại Hoa Kỳ, năm 2009, tác giả đã nêu ra 15 nguyên lý (đặc-tính) trong văn minh “trồng lúa nước”:

1.- Hiện-thực với siêu-nhiên là một :

Người Việt nhìn thế-giới sự vật đều nhìn qua khía cạnh tâm linh. Tin vào thần linh như một thế-lực siêu-nhiên thần-bí, huyền-nhiệm, bàng-bạc khắp nơi:

*Trông ra ngọn cỏ, lá cây,
Thấy hiu-hiu gió, rừng hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai...”*
(Kiều - Nguyễn Du)

Kiểm điểm ba danh sách nêu trên chỉ có 13 vị trùng tên, còn 5 vị khác tên nhau.

Một điều vô lý nữa làm nhức đầu người đọc: Nếu chấp nhận huyền thoại về cuộc chia tay trên cánh đồng Tương giữa Lạc Long Quân và bà Âu Cơ. Người lên núi là bà Âu Cơ với 50 người con, người xuống biển là Lạc Long Quân với 50 người con, thì:

a- Lạc Long quân đã cùng 50 con xuôi biển, sao còn ở lại để cai trị?

b- Truyện Đức Thánh Tản Viên xuống thăm thủy phủ được Lạc Long Quân cho quyển sách ước (chân kinh vô tự) và gây thần chín đốt. Như vậy, truyện này nghịch với các truyền thuyết trên?

3- Từ thời khai dân, lập quốc, nước Việt Nam đã theo chế độ phụ hệ? (nên mới có việc: cử con trai trưởng lên làm vua.)

Nếu vì chế-độ “phụ hệ”, mà bà Âu Cơ không thể xưng vương, sau khi đã lập lên cơ-đồ nhà Nam! Nhưng sau đó gần 3000 năm, hai bà Trưng khởi nghĩa đánh quân Đông Hán, lại dám xưng vương?

- Tiếp sau đó hơn 200 năm (248 Dương lịch) bà Triệu (Triệu Trinh nương) cũng khởi-nghĩa chống quân Đông Ngô. Tuy không xưng vương, nhưng dân chúng địa phương làng Phú Điền thuộc tỉnh Thanh Hóa (mộ và đền thờ bà ở chân núi Ái) vẫn xưng tụng là “Vua Bà”?

Qua những vấn nạn trên, ta có thể tin rằng thời cổ xưa, cũng như tiến-trình của nhân loại, nước Việt ta đã trải qua thời kỳ “mẫu hệ”, sau đó mới

chuyển sang “phụ hệ”.⁽¹⁾

(1) Theo tiến trình của nhân loại có 5 bước: Nhân loại sơ khai - Nhân đạo thành lập - Nhân loại tiến bộ - Nhân đạo ổn định và Nhân loại hòa hài.

Sau thời kỳ sơ khai (ăn sống ở hang), bước sang thời kỳ ăn chín (biết dùng lửa), biết tổ chức thành xã hội gọi là thời kỳ nhân đạo thành lập và cũng gọi là thời kỳ mẫu hệ - sang đến thời kỳ nhân đạo tiến bộ (phụ hệ).

Như vậy ngày 10 tháng 3 phải là ngày tưởng nhớ công đức Quốc Tổ mẫu vì :

- Phù hợp với cổ sử Việt, 50 con theo mẹ lên núi lập ra nước Văn Lang.

- Hợp với tiến trình hình-thành nhân-loại, giai đoạn mẫu hệ có trước, rồi mới sang phụ hệ.

- Thích-ứng với câu ca-dao xưa: Tháng tám hội Cha, tháng ba hội Mẹ. (10 tháng ba âm lịch).

- Về 18 triều đại Hùng vương:

Nếu tính tổng-cộng thời-gian từ 2879 đến 258 trước C.N. = 2621 năm, chia đều cho 18 đời Hùng, mỗi vị hưởng thọ trên 140 tuổi (145 năm) - Chính điều này làm nhiều sử gia, như sử thần Trần Trọng Kim trong Việt Nam Sử Lược cho là điều không thể tin được!

Để giải-tỏa vấn-nạn này, một giả-thuyết cho rằng **18 triều Hùng do 18 chi (mỗi chi có thể có nhiều vị đứng ra lãnh-đạo)** chứ không phải 18 triều có 18 vị đứng đầu cai-trị. Ngoài ra, theo “**Hùng Vương Ngọc Phả**”, đời vua, chữ nhỏ gọi là “**thế**”, không phải chỉ đời người, mà là một dòng vua, gồm nhiều đời. Do vậy, “**Hùng vương thập bát thế**” hiểu là 18 đời vua là sai. Cũng theo di-tích “**Ngọc Phả**”, thời Hùng vương gồm cả thấy 47 đời vua.

*

D- Nguyên Lý của Đạo Mẫu:

Qua các công trình khảo cổ học, nhân-chủng học, xã-hội học, địa -ý, chính-trị sử học,... thay vì trước đây đa số cho Việt chịu ảnh hưởng của Trung Hoa, nay ngược lại, Trung Hoa từ huyết-thống đến văn-hóa, gốc khởi đầu quá nửa là do dòng Việt.

Nhiều nhà khảo-cổ học và khoa học trên thế-giới đã công nhận những cư dân sống tại miền Bắc Việt Nam đã đạt được một nền văn hóa cao như:

- Tiến sĩ Mathews JM trong bài “*Văn Hóa Hòa Bình ở Đông Nam Á và Các Nơi Khác*”, năm 1964 đã coi Tứ Xuyên như một dạng địa-phương của văn hóa Hòa Bình.

- Học giả J. Aigner cho biết rằng ở Nam Trung Quốc đã tìm thấy đá cuội ghè và gổm là một bộ phận của phức hợp “Hòa Bình”.

Những di tích khảo cổ bổ-túc chính-xác cho những điều nhận xét của tiến sĩ Wilhelm Solheim II. “*Nền văn hóa Bắc Trung Hoa phát triển từ chi nhánh của nền văn hóa Hòa Bình vào khoảng 6 hay 7,000 TTL.*”

- Theo nhà sử học Joseph Needham trong cuốn “*Science and Civilization in China*” cho rằng văn hóa Việt có 25 điểm đặc-trưng:

- 1- Văn hóa biển và sông nước.
- 2- Kỹ thuật đóng thuyền dài.
- 3- Đặc điểm nhà làng, nơi dân làng sinh hoạt.
- 4- Tục đua thuyền.
- 5- Huyền thoại về rồng.
- 6- Thờ phụng rắn.



Chữ Hòa

Thiên-nhiên nhiều khi được nhân cách hóa.
Tục-ngữ Việt thường nói: Ông Xanh, bà Nguyệt, chú Cuội, chị Hằng,...

*Bác thang lên hỏi ông Trời,
Bắt bà Nguyệt Lão đánh mừa cẳng tay.*
(Ca Dao)

hay : *Cửa trời, trời lại lấy đi,
Dương hai mắt ếch làm chi được trời.*
(Ca Dao)

Trời trong trường-hợp được nhân-cách hóa, tượng-trưng cho *thiên lý đại đồng, bảo vệ, nuôi dưỡng vạn vật*. Đạo Trời không biệt lập, mà đồng nhất với bản tính tiên thiên của chúng sinh. Ý tưởng này đã ăn sâu vào tâm hồn người dân Việt,

“Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính”,

Chúng ta thường nghe nói: *Thổ thần, Đất thiêng, địa linh nhân kiệt, trời chu đất diệt, trời không chịu đất, đất chẳng chịu trời,...*

*Đất Bụt đem ném chim trời
Chim trời bay mất, đất rơi xuống đầu.*
(Ca Dao)

hay: *Em về ngoài Huế
Mướn ông thợ mộc
Đủ đục, đủ tròng
Mần một cái thang
Ba mươi sáu nấc
Bác tự dưới đất
Lên tới trên trời
Hỏi thăm duyên nợ đổi đời về đâu ?*
(Ca Dao)

và để: *Lâm râm khẩn vái Phật - Trời.
Xin cho cha mẹ ở đời với con.*
(Ca Dao)

Thái độ này “là một quá trình thực-hiện, tiến hóa sống động, chứ không phải một hệ-thống suy-luận đóng khung. Bởi thế, từ vật chất đến tinh thần, từ thực tế đến lý tưởng, là cả một quá-trình vận động tiến tới uyển-chuyển của sự sống hiện sinh, phải thích-ứng với hoàn-cảnh chứ không phải một khái-niệm hợp lý của tri thức. Bởi thế mà giáo sĩ L. Cardière cho rằng: “Người Việt sống không Thượng đế, nghĩa là quan-niệm về một đấng tối cao không được họ để ý” (la motion d’un Être suprême lui échappe) mà rất tín ngưỡng. Và chính cũng bởi thái-độ phản tri-thức ấy mà họ tiếp thụ cùng tiêu-hóa một cách tự-nhiên cởi-mở tất cả giáo-lý đã du nhập vào đất họ. Đạo Lão, đạo Nho, đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tổ Tiên, đạo Chư Vị, tất cả sống chung bên cạnh nhau thân-mật và cùng nhau hòa-hợp hỗ-tương nơi tâm hồn dân Việt một cách dễ-dàng, ít khi xung đột...”

* Nguyên-lý âm dương sinh sinh hóa hóa, biểu-hiện ra muôn hình vạn trạng. Cho nên, tinh-thần tìm nổi hiện-thực với siêu-nhiên còn thể-hiện qua Hang, Động.

* Hang động vốn âm-u được coi là nơi vắng lai của thần tiên bất tử, một thế giới “tàng ư mật”. Hang động không những được nhân dân đến hành hương, sùng bái, mà còn là đề-tài bất tận cho văn, nghệ sĩ. Cảnh thiên nhiên của hang động hướng tới một thế-giới siêu-nhiên.

Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh

(Núi nổi tiếng là nhờ có tiên, chứ không phải ở cao).

Núi và nước là hai yếu-tố tạo nên hồn khí trong thơ văn. Nguyễn Du đã tài-tình khi tả về hang động:

*Lần theo núi giả đi vòng,
Cuối tường đường có ngõ thông mới rào.
Sấn tay mở khóa Đông Đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên Thai...*



Hay

Thú Hương Sơn

*Bầu trời cảnh bụi, thú Hương Sơn,
Ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây,
Đệ nhất động, hỏi rằng đây có phải?
Thỏ-thỏ rừng mai chim cúng trái
Lũng-lơ dưới nước, cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.
Này suối giải oan, này chùa Cửa Võng,
Này am Phật Tích, này động Cửu Quỳnh
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh mây lối uốn thang mây...*

(Chu Mạnh Trinh)

Theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục viết trong “Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam”:

“Người phương Đông đem cái vô hình xuống cuộc đời hàng ngày của họ, họ sống với thế giới thần bí ấy nhờ có những cái gì họ tưởng đã thấy được. Trái lại, người Âu Tây sống bên lề cái vô hình và không thân mật với nó, phủ nhận nó nữa, vì không biết có nó.

“Ý thức thần-thoại thuộc vào cơ-cấu của sự nhận định vị trí giữa người với vũ trụ. Sự nhận

hội ở mọi sinh-hoạt, và luôn luôn nhờ tư tưởng dẫn dắt trong mọi hoạt động. Vì thế cả ba phương diện: *Vũ trụ - tư tưởng và xã hội thống nhất.*

4.- **Lạc quan về đời sống :**

Kinh nghiệm đời sống qua thời-gian lao tác với đất đai, và thời tiết, người nông dân nhận thấy mùa đông không bao giờ vĩnh-viễn, mà được kế tiếp bằng sự hồi sinh của thiên nhiên, *một biểu-hiện các trạng thái mới, và vô hạn của sự sống.* Không có gì chết vĩnh-viễn, tất cả đều quy vào điểm khởi-thủy để mở đầu cho một mùa xuân tươi đẹp.

Kinh nghiệm này gây nên tinh-thần lạc quan và yêu đời, liên-quan đến nguồn sống trường cửu (*sinh sinh chi vị dịch*) và sự tuần-hoàn qua thời tiết (*xuân, hạ, thu, đông*).

“Everything has sprung from immortal life and is vibrating with life, for life is immense” (Mọi vật đều từ nguồn sống trường cửu xuất-hiện và rung động với nguồn sống thì vô hạn, vô biên) R. Tagore.

Sự tuần hoàn nguyên-thủy phản chung (*bước đầu lại quay về chỗ cuối = phản phục trong Dịch lý*), tương-tự vòng tròn đầu cũng là khởi điểm và cũng là chung điểm. Đó là vòng tròn nói về phương diện toàn thể tuyệt đối, còn ở phương-diện phần bộ tương đối, hiện sinh thì luôn-luôn có sự đổi mới. Nói cách khác thì đây là một vòng tròn xoáy tròn ốc (vòng tròn từ tâm điểm xoáy rộng dần lên). Niềm tin-tưởng vào vòng tròn xoáy tròn ốc ngụ ý thâm-trầm về triết lý nhân sinh của văn hóa đồng ruộng, văn hóa thảo mộc, là thế giới luôn-luôn *biến hóa về lượng tính mà bất biến về phẩm tính.*

Sự tin tưởng này đã mang vào tinh thần dân tộc một niềm lạc quan yêu đời dù trải bao thử-thách.

định ấy quyết định cho cuộc sinh tồn của nhân loại trong hoàn-cảnh của nó. Ngay từ buổi đầu, sau khi nhận định vị-trí với hoàn cảnh, nhân loại ly khai khỏi cảnh hỗn nhất, mất cảnh thiên đường, thiên thai lạc lối (le paradis est perdu). Và chỉ muốn nhớ lại, muốn trở lại cái thiên-đàng nguyên lai để lại thấy được quân bình cho tâm hồn mà có thần thoại xuất hiện ở tất cả các xã hội bình dân.

“Tinh-thần tìm nơi hiện-thực với siêu-nhiên qua hang động, núi non. Hang động đã làm nguồn cảm hứng cho nghệ thuật cho văn sĩ Việt Nam dùng mỹ cảm kinh-nghiệm để thăng hoa tình cảm cá nhân vào thế giới siêu hình Bồng Lai, tiên cảnh, bất tử trường sinh. Từ Thức với Giáng Tiên mà sân khấu bắt đầu từ hạt Tiên Du, Bắc Ninh nơi có nhiều cổ mộ.

“Động thiên, sơn thủy ảnh hưởng thâm sâu vào tư tưởng Việt Nam, tư tưởng bình dân ở dòng Đạo Nội là một thứ Đạo giáo dân-tộc vì nó đã nối tục sùng-bái anh hùng dân tộc với sùng-bái thần tiên kiểu Lão giáo.”

Tóm lại, thần tiên trong con mắt nhân dân Việt Nam tự xưa đến nay, tượng-trưng cho sự sống lâu, đời sống vĩnh cửu.

“Chết là thể xác, còn là tinh anh”

(Nguyễn Du)

2.- **Tính không chấp (linh động)**

Nước không cố-chấp một hình thức nào, thích-nghi với mọi hoàn cảnh, *ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy.* Thời tiết lạnh ở 32⁰ F thì đọng lại thành đá cứng, trời bình thường ở thể lỏng, khi nóng bức thì bốc hơi; Muối hay đường bỏ vào trong nước đều bị hòa tan (*dễ dàng dung hóa*). Nước dung-nạp tất cả, nhưng

vẫn giữ được bản chất nước của mình.

“Chấp kinh thì phải tòng quyền”.

(Kiều)

Chính đức tính “*vô chấp*” đã cho thấy bản chất *bất định hình*, và *bất định thể* của nước, ảnh hưởng đến tính không chấp-nhặt vào một hệ-thống tư tưởng, một tín ngưỡng hay một chủ-nghĩa nào. Chính vì thế mà Nho - Lão - Phật tổng-hợp, hòa-hài dưới thời Lý - Trần (*Tam giáo đồng quy*). Từ đó, ông cha cũng ý thức được rằng mọi hành động muốn đạt kết-quả tốt phải biết *tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy người, (tùy thời chỉ nghĩa đại tai)*...

2.- Tương quan chặt chẽ giữa vũ trụ - con người - và xã hội:

Xã hội Việt vốn là xã hội nông nghiệp. Qua chế độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế độ quân điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-nhiên và xã-hội, nên tư tưởng của nông dân Việt là hài hòa, ***thống nhất vũ trụ - con người - và xã hội***:

Rủ nhau đi cấy đi cày.

Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu.

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa”

(Ca Dao)

Bức tranh lý tưởng của nông dân là bức tranh “thái hòa”, “an lạc”:

Làng ta phong cảnh hữu tình

Dân cư an khúc như hình con long

Nhờ trời hạ kế sang đông

Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi

Vụ năm cho đến vụ mười

Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề

Trời ra gắng, trời lặn về

Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân chuyên.

Dưới dân họ, trên quan viên,

Công bình giữ mực, cầm quyền cho hay.

(Ca Dao)

Đối với xã hội nông nghiệp, thiên nhiên ảnh hưởng quan trọng đến nhân sinh, cho nên mối liên-hệ giữa vũ trụ với nhân sinh cần có sự hòa đồng, chứ không đối lập. Trong Kinh Dịch có nói: “*Thiên Địa chi đại đức viết sinh = cái đức lớn của Trời đất là nguồn sống*”. Nói cách khác, Thiên - Nhân hợp nhất.

Trong sách “Trung Dung” của Nho học cũng đã bàn: “*Năng tận nhân chi tính, tắc tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ dĩ tán thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dĩ thiên địa tham hỷ*.” Nếu có thể đến cùng cái tính của người, thì có thể đến cùng cái tính của vật. Có thể đến cùng cái tính của vật thì có thể giúp sức vào công cuộc nuôi nấng sinh hóa của Trời Đất, đứng ở địa vị Tam tài Thiên - Địa - Nhân vậy.

Nhân sinh và vũ trụ, thực tế với lý tưởng, vật với tâm tưởng xung-đột mâu-thuẫn, nhưng đối dân Việt Nam vì điều kiện sống còn đã chứng-minh sự đồng nhất trong sự sống biến hóa vô cùng, sống một cách toàn diện và hiệu nghiệm.

Trên thực tế cho thấy đời sống con người có tương quan chặt-chẽ với vũ trụ (tự nhiên), đồng thời thường hằng tiếp-xúc với tha nhân trong xã

cái hay dở cùng chung trong một thể duy nhất. Họ khó tưởng tượng được có cái bao gồm được cả vuông tròn, đầy vơi vào một thể...

Lối tư duy đối ứng là tụ điểm hóa-giải đối lập, vượt thoát mâu thuẫn, đưa đến tổng hợp hòa hài (đối lập thống nhất). Thần tổ kép Tiên Rồng là biểu tượng đối ứng, diễn đạt quan niệm đối lập thống nhất trong tư duy người Việt cổ.

Có, không, không, có!

Có rằng không, không rằng có, cũng ừ.

Đố ai hay: Trời, Đất tự bao giờ ?

Thì mới biết non, sông là mấy tuổi.

Hỗn hỗn, nhất đại khối

Diệu diệu như nghị quân

Lọt lòng ra hai chữ quân, thân

Nợ mang lấy, nhẽ lân-khân không trả !

(Nguyễn Công Trứ)

Không những “hòa” với thiên nhiên mà còn hòa với đồng loại.

“Có người mà cũng có ta”,

hay:

“Phải người mà cũng phải ta”, nên mới nói

“Hòa cả làng”.

Đời sống Việt, nếp sống Việt hầu như gắn liền với những nguyên lý tương đối, cân bằng trung chính:

Trông người mà nghĩ đến ta,

Thử sờ lên gáy, xem xa xem gần.”

(Ca Dao)

Tương-đối đối-lập giữa các vật thể, tư kỷ liên-hệ tương đối với nhau mà vận-động cùng đi đến thế quân bình. Ở đời có dị biệt nên có mâu thuẫn. Song có dị biệt mới có kết-hợp hòa-hài như hai cực từ trường của một thỏi nam châm . Ấp

Nhờ tin tưởng truyền-thống của dân tộc có lai sinh nên qua các thời-đại, gặp các cảnh-ngộ éo-le, các nhà tư tưởng Việt vẫn tràn đầy hy vọng. Hoàng Quang, một danh sĩ thời Lê Mạt, thời tối-tầm của lịch sử dân tộc, trong bài “*Hoài Nam khúc*” đã cao ngâm: “*Đại hàn chi hậu, tất hữu dương xuân*”, (*Sau giá rét, ắt xuân sang*).

Sự tuần hoàn của thời tiết, “*xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn*” (*Xuân sinh-sôi nảy-nở, hạ trưởng thành, thu héo-hon, đông tàn*), ngay sau mùa đông là xuân sang, nên mới nói “*Xuân bất tận, trời cho có mãi.*” hay “*Xuân khứ, xuân lai xuân bất tận.*” Đó là lý do tin tưởng vào nguồn sống trường cửu.

Ngày nay tiếp cho ngày qua, ngày nay phải khắc phục và dự-liệu cho ngày mai. Vòng tiến hóa nhân loại xoáy theo **hình tròn ốc có nút tết** (có nút tết nghĩa là có tiến bộ, và không bị tụt lại tình trạng cũ)...

Người Việt không quan ngại đến sự “chết”. Chết không có nghĩa là hết, việc gì đến phải đến, (*Tận kỳ lực nhi tri thiên mệnh*). Thật là thái độ khôn ngoan mà người Tây phương không thể hiểu nổi.

Vất vất vợ-vợ cũng nực cười!

Cắm cắm, cúi cúi có hơn ai ?

Nay còn chị chị, anh anh đó

Mai đã ông ông, mụ mụ rồi.

Có có, không không lo hết kiếp

Khôn khôn, dại dại, chết xong đời.

Chi bằng lão-lão, lơ-lơ vậy

Ngủ ngủ, ăn ăn, nói chuyện chơi.

(Vô Danh)

và còn gì sáng-khoái hơn :

Hát cho lở đất long trời

*Cho đời biết mặt, cho người biết tên.
Hát từ chợ Phú hát lên,
Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.
Hát sao cho cạn dòng sông,
Cho non phải lở, cho lòng phải say.”*

(Ca Dao)

5.- Lý tương đối (Tư duy đối ứng) :

Âm - Dương tuy đối lập, nhưng thống nhất trên một trục, như hai cực Bắc Nam trên địa bàn, như cha với mẹ trong gia đình, là lý “*Thái hòa*” trong trời đất,...

Sự sống bắt nguồn từ nước. Nước cần thiết cho sự sống của con người, nhưng nước cũng là mối hiểm-họa đe dọa con người, nào là chết đuối, đắm thuyền, sóng thần, mưa bão, lũ lụt. Nước là một tai họa lớn mà dân Việt xưa đã phải lo chống đỡ vất-vả, nạn lũ-lụt ở đồng bằng sông Hồng đã phản-ảnh trong câu chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh...

Từ kinh nghiệm sống cụ-thể cho thấy nước có thể chở thuyền nhưng cũng có thể làm cho đắm thuyền. Triết lý sống đó được huyền thoại hóa và bác-học hóa qua biểu-tượng tổ kép Tiên Rồng với óc tưởng-tượng vô cùng phong-phú đầy sáng-tạo trên nền-tảng tư duy của đối ứng với cái nhìn liên tưởng : Tượng và dụng của Rồng là dương, nhưng thể của Rồng là âm (*ở dưới nước, tiềm phục*); tượng và dụng của Tiên là âm, nhưng thể lại là dương (*ở trên núi, tươi sáng*).

Bao quát trong vũ trụ, không một chốn nào, phút nào không có âm dương. Trong “*âm có dương, trong dương có âm*”. Diễn rộng ra: *non - nước, dương nóng - âm lạnh, cứng - mềm, động - tĩnh, ...* tuy hai mặt nhưng một thể. Bất cứ vật gì cũng có

“*âm và dương*”, cả hai là một, không thể tách rời nhau. Không có khí (*dương*) thì không có cái sinh, không có âm thì không có hình. Khi âm cực thì dương bắt đầu manh nha; ngược lại dương cực thì âm nảy nguồn (*Âm - dương tiêu trưởng, phản phục tuần hoàn*”, đó là lý vận hành của trời đất.)

Có lẽ thấm nhuần sâu xa quy luật này, nên ca-dao, tục ngữ Việt có những câu như:

*Chắc quá hóa lép,
Sướng lắm khổ nhiều,
Hết khôn đồn đến dại,
Giàu đâu ba họ, khó đâu ba đời.
Mưa đâu qua ngọ, gió đâu qua mùi.
Bĩ cực thái lai.
Khổ tận cam lai.
Nước có lúc đục, lúc trong
Người có lúc nhục, lúc vinh,...*

hay: *Kinh đô cũng có người rồ,
Man di cũng có sinh đồ trạng nguyên.”*

(Ca Dao)

“*Cùng tắc biến*”, “*Cực lạc sinh bi*” là trong tuyệt đối đã có tương đối vậy. Kết-quả của sự ngắm nhìn dòng nước. Những kinh-nghiệm nhận thức được trong khi quan-sát nước, và môi-trường sống, chuyển hóa vào tâm thức, phản-ảnh trong tư tưởng lối tư duy đối ứng và tổng hợp. Lối tư duy đối ứng này có thể gặp trong mọi lãnh-vực. *Chỉ cần xét đến ngôn ngữ của người Việt thì thấy ngay người Việt nói đến đất thì phải nghĩ đến nước, nói đến cha là nghĩ đến mẹ. Nào là non sông, nước non, vui buồn, sống chết, thành bại, đầy vơi, vuông tròn, hay dở, v.v...*

Tâm tư người Tây phương thích-hợp với luận lý đơn thuần, hay là hay, dở là dở, không có

Người Việt rất trọng “*Tổ tông*”, các vị anh hùng dân tộc,

Uống nước nhớ nguồn.

(Tục ngữ)

Thấy sản nghiệp là thấy tiền nhân, là thấy hồn thiêng sông núi. Tổ tông và những nét trong nếp sinh hoạt không tan rã theo thời gian, theo cơ thể mà in sâu và lưu-truyền nơi con cháu. Ở dân tộc là cả những gì gọi là quốc hồn, quốc túy...

*Cây có gốc mới xanh cành, tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả, sông sâu.*

(Ca Dao)

- Trong đời sống, con người cần dưỡng tính, tu tâm để đóng góp cho chiều hướng đồng tiến. Gia trị của tu tỉnh luôn luôn tiến từ gần đến xa, từ thấp lên cao. không phải chỉ có một đường duy nhất:

*Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha, kính mẹ, ấy là chân tu.*

(Ca Dao)

hay: “*Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*”

- Người Việt thận trọng lời nói:

*Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

(Ca Dao)

và chín-chấn suy nghĩ trước khi hành động:
“*Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở.*”

(Tục ngữ)

cùng các câu ca-dao dưới đây:

*“Làm người suy kỹ, xét xa
Cho tường gốc ngọn, cho ra vấn dãi.”*

*“Là trượng-phu, đừng thù mới đáng
Đắng anh-hùng, đừng oán mới hay.”*

dụng vào xã hội, chính trị, có chấp nhận dị biệt mới có tự do dân chủ.

Bàn về “*lý tương đối*”, trong kho tàng văn chương bình dân Việt còn để lại truyện “*Thầy Bói Sờ Voi*”.

Truyện kể lại: “*Một hôm có một đoàn xiếc đến một thành phố. Vì là đoàn xiếc nổi tiếng và có nhiều thú vật biểu-diễn những trò ngoạn mục. Khi đoàn xiếc vào thành phố, các trẻ em chạy coi rất đông, nhất là khi thấy đàn voi, con biết đưa vòi quăn người lên lưng voi, con biết quý hai gối trước, con biết đưa một chân trước để vẫy,...các em hoan-hô rầm trời làm mấy chú xẩm ngồi các hẻm phố cũng náo-nức muốn biết voi hình thù ra sao, là giống vật như thế nào mà tinh khôn đến thế.*”

Năm ông thầy bói mù (xẩm) liền rủ nhau đến rạp xiếc để coi voi (thực sự là đi sờ voi). Sau khi được chủ đoàn “*xiếc*” đồng ý, anh nài coi voi dẫn 5 ông thầy bói mù lại lều voi. Năm ông thầy bói mù, mỗi ông sờ một bộ phận của voi. Ông sờ vòi voi thì nói “*nó thun như con đĩa vĩ đại*”, ông sờ vào chân voi nói “*nó giống như cái cột nhà*”, ông sờ vào tai voi thì nói “*nó giống như cái quạt to*”, ông sờ vào đuôi voi nói “*nó giống như cái chổi*”, ông sờ vào ngà voi thì hô “*nó giống như cái đòn xóc gánh lúa*”. Thế là năm ông cãi nhau, ông nào cũng cho chỉ mình là đúng vì chính tay mình sờ thấy, kết quả cuối cùng năm ông dùng gậy dò đường đánh nhau! Quả là một ngụ ngôn lý thú!

Mỗi ông thầy bói đều nói đúng sự thực, đúng theo hiểu biết riêng mình, nhưng trớ-trêu là mỗi ông chỉ sờ được một bộ phận của voi!

Tìm kiếm chân-lý là nhu-yếu của tri thức. Trong sinh hoạt xã hội người có nhiều khuynh-

hướng. Chính nhờ vậy mà có tiến bộ. Năm thầy bói chỉ vì muốn cho mình là đúng, tương tự trong lịch sử tôn giáo thế giới đã nói lên những tàn hại về sự độc tôn, độc quyền tư tưởng!

Thầy bói sờ voi, nói cách khác “*anh mù*” có mắt cũng như không. Mù thì không thể nhìn sự vật một cách toàn thể. Tiếng Việt có nhiều tiếng để chỉ rõ từng trường-hợp: Khi không hiểu rõ thì gọi là “*mù mờ*”; khi cuồng-nhiệt tin-tưởng không còn biết phải, trái thì gọi là *mù quáng*; khi không nhìn thấy gì thì gọi là *mù mịt*, khi chìm ngập trong cảnh mê loạn thì gọi là *mê tín*, . . .

Đây là cơ sở ảnh hưởng sự hình thành tinh-thần tổng hợp và dung hóa của dân tộc Việt trên nền tảng của cái nhìn và là lối tư duy đối ứng. Tinh thần tổng hợp và dung hóa.

Nền tảng của đạo sống Việt phát-xuất từ kinh-nghiệm sống hòa-hài qua nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương dung đối ứng, nó hóa giải, điều-hợp các mâu-thuẫn giữa hai đầu cực đoan của cái biết phân biệt.

Cái biết phân biệt hai đầu cực-đoan - *có không, tốt xấu, thiện ác*, v.v... là nguyên-nhân phát-sinh các tư-tưởng “duy” (*duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần*,...) đối nghịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến tranh triền-miên khắp nơi. Nó cũng là nguyên nhân phát sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng-hoảng, bế-tắc trong xã-hội làm khổ lụy con người trong đời sống vật chất và tinh thần...

Truyện ngụ ngôn “*thầy bói mù sờ voi*” nhắc nhở cho chúng ta khi xem xét sự vật cần phải xem xét toàn diện, điều-nghiên kỹ-lưỡng, phê-phán cặn-kẽ từng hoàn cảnh. Chưa nắm được toàn diện thì chưa thể nói là hiểu biết vấn đề, chưa hiểu đúng vấn đề thì chưa nắm vững sự kiện. Khi chưa nắm

bắt được chân lý thì không thể ép buộc người khác nghe theo mình để rồi ẩu đả, chém giết nhau, làm trò cười cho thiên hạ.

Chân lý là để giải-đáp thắc-mắc của con người, để đối-thoại chứ không phải để đối đầu, nhờ đó mà hiểu nhau, thông cảm nhau hơn. Chính nhờ cội nguồn tư tưởng về “*lý tương đối*” mà lịch sử Việt chưa từng có chém giết nhau vì tôn giáo.

Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên, tín ngưỡng cổ truyền Việt có một đặc-điểm mà các tôn giáo khác không có. Đó là sự tiếp nhận một thờ phụng khác. Giáo lý của tôn giáo nào thì tín đồ của tôn giáo đó phải coi là sự thật tuyệt đối, nhưng trong tín ngưỡng “*Thờ Cúng Tổ Tiên*” của Việt Nam thì khác hẳn. Người thờ phụng tổ tiên, tư tưởng bao giờ cũng cởi mở, sẵn sàng tìm hiểu giáo lý của tôn giáo khác và nếu thấy được thuyết phục thì sẵn sàng theo.

Việt khác với Tàu, tuy nhận có tư kỷ, tư ngã nhưng cũng nhận có nhiều điểm tương đồng trong tập thể. Ông, bà, cha, mẹ, vợ chồng, con cái quây quần quanh mâm cơm biểu-hiện sự chia sẻ trọn vẹn ngọt bùi cũng như cay đắng. Ý nghĩa này nếu đem áp-dụng vào xã-hội sẽ san bằng được các dị biệt, sẽ ổn-định trong trật-tự an bình.

6.- Lòng hiếu, đức:

Ý niệm nhớ ơn tiền nhân bắt nguồn từ ăn một chén cơm phải nhớ đến công lao người cày cấy, uống một ngụm nước cũng phải nhớ đến ngọn nguồn của nước.

Ca-dao có câu:

“*Ơn ai một chút chớ quên,
Phiền ai một chút để bên cạnh lòng.*”

thừa. Như vậy đối trọng là tự xử, mình đối với mình. Chủ thể đối với chính mình thì phải nghiêm minh, đúng nguyên tắc.

“Sinh hoạt tức là thực hiện một chí hướng; như vậy còn gọi là thành tựu cuộc sống. Cái nguyện ước, ý chí này điều động, hướng dẫn sinh-hoạt thành một hệ thống liên quan chặt-chẽ với nhau. Trong mọi sinh hoạt thực tiễn thì nó là mục đích. Những ý chí, ước nguyện bản chất thuộc phạm vi tâm lý, nên còn gọi là cái tâm, có nghĩa là mọi sinh hoạt trong cuộc đời đều quy về điểm này, cho nên nó phải được lãnh hội một cách thật sáng suốt, thẳng thắn và trong sáng; Cái tâm được như vậy gọi là cái Tâm **minh, chính** và **thành**...”

“Nói ba vương là nói đến cái tâm **minh, chính, thành**, và “bấy tròn” chú ý đến cái sống giữa tập thể xã hội với nhau.

“Tròn hay tròn-chặn, trước hết là nhã-nhận, khoan hòa, có lễ-độ, không góc cạnh, gay-gắt, biết nể cái “ta” của người khác, khiến không-khí giao tình được ôn nhu.

“Tròn cũng còn có nghĩa là “trọn vẹn”, là đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong xã hội. Muốn người khác tròn trách-nhiệm của người ta, chính mình phải tròn trách-nhiệm của mình. Hay ít ra cũng biểu-lộ thành thực cái tinh thần trách-nhiệm của mình. Hơn nữa, nếu đối với mình phải “vuông” tức là hết lòng thực hiện trách nhiệm của mình thì đối với người, nói chung là ở cái thể tương quan không đòi hỏi sự vẹn toàn mà “chín bỏ làm mười”, khoan dung, độ lượng, không khe-khắt.

“Tuy nhiên trên căn bản nơi mọi người ý thức cuộc sống cần có một ý nghĩa, một vai gánh vác trong thế sự thì trên căn bản đó, bấy tròn là

7.- Nền luân-lý bình dân:

Đối với đời sống bình dân, tuy không đòi hỏi một nền luân lý cao siêu, phần đông là cốt dạy người ta thành một người lương thiện, hiểu biết những lý sự đương nhiên.

- Để tránh mang tiếng xấu là kẻ “vô ơn bạc nghĩa” tục ngữ có câu:

“Ăn cây nào, rào cây ấy”
(Tục ngữ)

- Ở đời, yếu-tố vật chất là điều-kiện cần, nhưng nhiều khi yếu-tố thể chất phải nhường cho yếu tố tinh thần. Bởi vậy mới nói:

- Tốt danh hơn lành áo”.
- Sống đục sao bằng thác trong.”
- Giấy rách phải giữ lấy lề”.
(Tục ngữ)

“Ăn mặn nói ngay,
Còn hơn ăn chay nói dối.”
“Ở hiền thì lại gặp lành
Nhược bằng ở dữ tan-tành cái con.”
“Dạy con từ thuở còn thơ,
Dạy vợ từ thuở bơ-vơ mới về.”
(Ca Dao)

- Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.
- Con hơn cha, nhà có phúc.
(Tục ngữ)

8.- Nghĩa “Vuông - tròn”:

Trăm năm tính cuộc vuông tròn
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông

Nói đến “*vuông - tròn*”, ta lại nhớ đến truyện bánh chưng “*vuông*”, bánh dày “*tròn*”.

Vào thời vua Hùng thứ VI, tuổi vua đã cao muốn chọn con hiền để nhường ngôi. Ngài bèn thử thách bằng gặn đến ngày tết, hoàng tử nào dâng lễ vật mà được ngài thích thì ngài sẽ truyền ngôi báu. Các hoàng tử đua nhau đi tìm đủ loại châu báu, sơn hào hải vị. Riêng hoàng tử Lang Liêu chỉ dâng một mâm đựng cặp bánh chưng vuông và bánh dày tròn. Hiến phẩm này được vua cha vui mừng tiếp nhận và phán Lang Liêu là người xứng đáng thay vua đảm trách việc nước. Qua truyện này, ta thấy:

Bánh chưng vuông (tượng trưng đất, giữa có nhân và chỉ 4 phương)

Bánh dày tròn (chỉ trời).

Cả hai thứ bánh không những nói lên vũ trụ quan và căn-bản của xã hội Việt là nông nghiệp, mà còn nói lên lẽ cư xử ở đời.

Quy luật “*vuông tròn*” này còn thể-hiện ở những hình ảnh bánh xe xưa. Tương-tự hình ảnh những đồng tiền kim loại cổ, cũng giống như lý chuyển động của trời - đất: Đất thể âm (-), tĩnh, bền vững, nên cái lý của đất là *vuông - trời* ở ngoài quay chung quanh đất thì lý của trời phải *tròn*. *Vuông -tròn* là cái lý chung của trời đất và vạn vật khi chuyển động, cho nên Nguyễn Du mới thắc mắc tương lai của Kiều:

“*Khuôn thiêng biết có vuông tròn cho chăng?*”

Ở giới bình dân Việt, quy luật này đã được phổ thông qua câu “*mẹ tròn con vuông*”, hay:

“*Ba vuông sánh với bảy tròn,
Đời cha vinh hiển, đời con sang giàu.*”
(Ca Dao)

Trong cuốn “*Ba Vấn Đề Khởi Đầu Văn Hóa Việt Trên Thế Giới*”, trang 273, ông Hoài Nguyên đã viết:

“*Trong vuông, ngoài tròn*” chính là câu tóm tắt khuyên cách cư xử trong xã hội để xã hội được tiến hóa trong hòa hài. Ý này được xây lên từ những bánh xe của một cái xe thô sơ thời xưa, vành ngoài tròn, giữa đục một lỗ vuông, tính toán vừa đủ cỡ để một trục vuông lùa vào chặt chẽ. Nhờ sự phối hợp của ngẫu lực: vuông để giữ vững, và tròn để lăn đi mà cái xe chuyển động vững-vàng.

“*Thế nào là 3 vuông sánh với 7 tròn trong cách cư xử của con người sống giữa thiên nhiên và xã hội?*”

“*Vuông là góc cạnh phân minh: chiều nằm rất là bằng, lấy mặt nước làm chuẩn; chiều đứng thật là ngay, lấy đường quả rọi làm mức. Hai đường cắt nhau thành góc đứng 90 độ. Mọi xây dựng dù muốn biến chế thì cũng phải lấy những góc vuông làm mực thước căn bản, bằng không thì việc xây cất không đứng vững được. Đây là nguyên tắc chính trong việc xây dựng.*”

“*Nhưng sống, sinh hoạt giữa thiên nhiên và xã hội cũng thường-trực là những giữ-gìn và xây-dựng. Gìn-giữ, xây-dựng ngay trong Ta; gìn-giữ, xây dựng giữa Ta và Người. Ta là trong, người là ngoài; ta là chủ, người là khách; cá nhân là chủ, xã-hội là khách. Như vậy sống sinh hoạt đã là gìn-giữ và xây-dựng mà còn là đối đãi, cư xử với cả trong và ngoài; Chủ xử với chính mình và chủ xử với khách. Câu nói của người xưa là “đối với trong thì phải vuông, đối với ngoài thì phải tròn.”*”

“*Ở trên, ta đã biết “ vuông” là dùng nguyên-tắc “ngang bằng, sổ ngay” không du-di thiếu hay*

Trò vui trong các hội xuân vừa là cơ hội để mọi người vui hòa trong cuộc sống cộng đồng, giải tỏa bớt những căng-thẳng tích góp trong những sinh hoạt thường nhật, vừa là cơ hội dành cho nam nữ gặp gỡ, trao tình, trao ý với nhau.

“Tạo cơ hội để nam nữ gặp nhau, trao tình, trao ý rõ ràng là nghịch với những giáo điều của Hán Nho : “Nam, nữ thụ thụ bất thân”, hay “Nam nữ bất đồng tịch”. Việt phong nhìn vấn đề nam nữ luyện ái là một sinh hoạt tâm lý tự nhiên và cần thiết khi đã đến tuổi trưởng thành.

“Khi chưa có tập quán Nho phong do bọn quan lại Tàu như Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp du nhập, áp đặt thì trên dưới xã hội Việt đều trọng tự do luyện ái (truyện Tiên Dung và Chử Đồng Tử). . .

“Như vậy, Việt học là một sự-khiến có thực, nội dung khác biệt với mọi học-thuật đã du nhập và thống trị xã hội Việt. Từ những học thuật cũ như Nho học, Phật học,... đến những học thuật mới như Christo-grec-Latin, và Mác-Xít - Lê-Nin.”

Để nói lên tính cách phóng khoáng giữa trai và gái của giới bình dân, ta có thể tìm thấy trong các bài ca-dao:

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Thời anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc, rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.

Và mạnh dạn hơn:

Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.

1- Hoài Nguyên, “Nhân thơ Đu Xuân của Hồ Xuân Hương, minh chứng Việt Phong khác với Nho Phong.” Vấn Đề Văn Hóa Việt, xb.1994.

Từ, khoáng, Kiến, Cần, Thận, Pháp và **Chỉnh** trong bảy (7) liên-hệ nhân quần (bằng hữu, nghề nghiệp), liên-hệ quốc gia, liên-hệ địa phương, liên-hệ làng xóm, liên-hệ gia tộc, liên-hệ gia đình (ông, bà, cha mẹ, anh em,...) và liên-hệ gia thất (vợ con).

“Trong bảy (7) tròn gồm: “từ” (từ ái). Từ ái ở đây không đối nghịch với “nhân” trong Nho học, “từ bi” trong Phật học và “bác ái” trong Thiên Chúa giáo, nhưng khác ở cái tâm “từ ái” không đào-tạo nên những ngài “quân tử” trong Khổng giáo, những sa-môn trong Phật giáo, những linh mục, mục sư trong Thiên Chúa giáo, mà chỉ đào-tạo những con người Phù Đổng, Tiên Dung, Chử Đồng Tử, Tản Viên Nguyễn Tuấn, Thi Sách, Trưng Trắc, con người Trúc Lâm Đầu Đà diệt Mông Cổ rồi chống gậy trúc đi lang-thang khắp nước...”

Hay như con người Nguyễn Khuyến, không phải một Nguyễn Khuyến “Tam nguyên ghe chéo lọng xanh ngồi bảnh chọe...” mà là một Nguyễn Khuyến bình dị,

“Bạn đến chơi đây ta với ta”

(Nguyễn Khuyến)

thân thiện, và hòa nhã:

“Chú Đáo xóm đình lên với tớ,
Ông từ trong xóm lại cùng ta...”

(Nguyễn Khuyến)

9.- Tình nam nữ và gia đình:

* Tình thần phóng khoáng và bình đẳng :

Ảnh hưởng nghề nông, nghề chân lấm tay bùn, gần gũi thiên-nhiên, nên nông dân Việt giàu tình cảm, bình-dị và phóng-khoáng.

Còn bức tranh nào hòa đồng giữa con người với thiên-nhiên hơn:

“Gió vào ve-vuốt má đào
Má đào quyện gió, lối nào gió ra?”

(Ca Dao)

Thiên nhiên mang tình người, lòng người
trải rộng vào thiên-nhiên

Vì sương cho núi bạc đầu,
Vì chưng gió thổi cho râu-rĩ hoa!

(Ca Dao)

Thiên nhiên, cây cỏ cũng lây nét lãng-
mạn, tình tứ của con người:

Vì mây cho núi lên trời,
Vì cơn gió thoảng, hoa cười với trăng.

(Ca Dao)

hay

Non xanh bao tuổi non già?
Vì chưng sương tuyết hóa ra bạc đầu!

(Ca Dao)

Đến vật vô tri cũng đượm nét nhân sinh:

Khăn thương nhớ ai, khăn rơi xuống đất?
Khăn thương nhớ ai, khăn vắt trên vai?
Khăn thương nhớ ai, khăn chùi nước mắt?
Khăn thương nhớ ai mà đèn không tắt?
Khăn thương nhớ ai, mắt ngủ không yên?

(Ca Dao)

Sự hòa-hài giữa con người với thiên nhiên
được thể hiện cụ-thể trong những ngày “Tết”, hội
xuân.

Các trò vui xuân như “đánh gòn”, “bắt chạch
trong chum”,... đủ chứng-tỏ văn hóa Việt khác với
văn hóa Trung Hoa. Ở Trung Hoa cho đến ngày nay,
vì cốt lõi tinh-thần gốc du-mục, nên “trọng nam khinh
nữ”. Xưa kia, Khổng Tử đã cho rằng: “Phụ nữ
khó cảm hóa, thân cận thì nhờn, mà xa lạ thì oán”.

Đối với Hán Nho không nhìn phụ nữ trên

con người toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính với
vai-trò nội trợ và sinh đẻ! Chính ở điểm này mà ta
thấy mặc dầu tán-tụng Khổng Tử là “*bậc thầy muôn
thuở*” (Vạn Thế Sư Biểu) mà không một lời nói
đến Khổng phu nhân!

Việt phong khác với Nho phong đã được
vạch rõ trong bài thơ “Đu Xuân” của nữ sĩ Hồ Xuân
Hương:

Tám cột khen ai khéo khéo trồng,
Người thì lên đánh, kẻ đứng trông:
Trai đu gối hạc khom-khom cật,
Gái uốn lưng ong, ngửa-ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phát-phới,
Đôi hàng chân ngọc đuổi song-song.
Chơi xuân mới biết xuân chẳng tá
Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!

“Tuy không lý thuyết thành giáo lý minh
bạch, nhưng những sinh-hoạt hỗn-nhiên như trò vui
đu xuân này đã nói rõ cho thấy nhân dân Việt
thường sinh-hoạt theo một nhận thức khác-biệt với
những giáo điều Nho học.

“Ta thử nghĩ liệu một cô gái con nhà gia thế
có bao giờ dám trèo lên cây đu mà nhô-nhún hờ-
hênh dẫu chỉ làm một mình ở nơi vắng-vẻ, nói chi
đến chuyện cặp đu với một chàng trai giữa nơi đông
đảo. . .

“Việt phong không chia cắt xã hội con người
thành giai cấp (quân tử, tiểu nhân), quý tiện giữa
đàn ông với đàn bà. . .

“Khi một cặp nam nữ rủ nhau đánh đu trước
công chúng thì đương nhiên không có phân-biệt quý
tiện giữa hai người và cả trong cái nhìn của công
chúng, khán giả tán thưởng trò vui. Một hội hè
đình đám là tổ chức vui chung. Ai muốn vui và
truyền vui cho người khác đều được tán thưởng...”

Ta thử nghĩ liệu một cô gái con nhà gia thế có bao giờ dám trèo lên cây đu mà nhô-nhún, hớ-hênh dẫu chỉ làm một mình ở nơi vắng-vẻ, nói chi tới chuyện cặp đu với một chàng trai giữa nơi đông đảo? Còn những chàng nho sinh có dám vượt vòng “lễ giáo của Khổng Mạnh” để du hý, phóng-túng động tình với một cô gái trên cây đu trước công chúng. Bởi khi đã được vào hàng “nho sĩ” thì đã được áp đặt lên quần chúng phải kính nể. Hán nho miệt thị phụ nữ, nuôi thái độ bắc bậc, kiêu kỳ đối với phụ nữ.

Đối với Hán Nho không nhìn con người phụ nữ toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính phân biệt họ với đàn ông. Hán nho lo sao thuộc-hạ-hóa cái sắc tính ấy, coi như một vật rừng. Thay vì có thể “vật ngã”, người Hán nho, thì phụ-nữ giúp đỡ nho xử những việc gia đình (nội trợ) và nhất là sinh đẻ cho kẻ sĩ con cái nối dõi tông đường (khi người vợ không có con là phạm tội thất xuất, người chồng tức vị nho sĩ có quyền đuổi về, dẫu chẳng biết về đâu?).

Ngược lại, Việt phong không chia cắt xã hội con người thành giai cấp (quân tử, tiểu nhân) thành quý - tiện giữa đàn ông và đàn bà, mà cũng chẳng tách con người lên khỏi cái sống chung với muôn loài.

Khi một cặp nam nữ rủ nhau đánh đu trước công chúng thì đương-nhiên không có phân biệt quý - tiện giữa hai người và cả trong cái nhìn của công chúng khán-giả tán-thưởng trò vui. Một hội hè, đình đám là tổ chức vui chung, ai muốn vui và truyền vui cho người khác đều được tán thưởng. Một nho sinh thâm nhuần tinh thần giai cấp không bao giờ tham dự một trò vui bình đẳng như vậy...

Trò vui trong các hội xuân vừa là cơ hội để

OK

Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà
Áo anh sút chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sút chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng,
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lách chồng, anh lại giúp cho:
Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo,
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới lại dèo buồng cau.

(Ca Dao)

Trai đã không e-ngại mượn cố “quên áo” để ướm tình, thì gái cũng mạnh-dạn:
Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm tám, mời anh xơi trầu.
Trầu này tằm những vôi Tầu,
Ở giữa đềm quế, hai đầu thơm cay.
Mời anh xơi miếng trầu này.
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng.
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương.

(Ca Dao)

Người khác động vật là có nhân tính. Xã hội người là một tổ chức có nhân tính. Nhờ nhân tính mà con người hình thành xã-hội. Nhân tính gồm bốn tính căn bản: “nhu yếu tính, tự vệ tính, tập đoàn tính và sắc tính”.

Để duy trì sự sống, đó là nhu yếu tính. Vũ trụ vốn là nguồn cung-cấp cho sự sống muôn loài, nhưng cũng là nguyên nhân gây tai họa cho con người như bão, lụt, động đất,..., cùng những đe-

dọa của các mãnh thú, nên con người phát huy tính thứ hai là “*tự vệ tính*”. Để đương đầu với những thiên tai và mãnh thú, con người cần sống trong tập thể để nương tựa nhau, đó là *tập đoàn tính (xã hội tính)* ; Sau nữa, con người cần có nhu cầu chung đụng nam nữ để sinh con cái, duy trì nòi giống, đó là *sắc tính*. Trong sắc tính, tiểu gia đình là đơn-vị căn-bản của quốc gia. Tiểu gia đình là miếng đất tiên khởi gieo hạt giống hạch-tâm-thể cho toàn bộ xã-hội. Đối với xã hội, tiểu gia đình là nơi truyền nối đạo thống, văn hóa, di-dưỡng phong tục, tập quán dân tộc, là nơi đào tạo căn bản tài năng, tư cách công dân, chuẩn bị sáng tạo, quan trọng nhất là khởi dựng của “*yêu thương*”. Có yêu thương mới xây đắp cho chính mình, gia-đình và xã-hội.

Yếu tố thứ nhất của xã-hội sinh-hoạt là “*hôn nhân*”. Đề cập tới hôn nhân là đề-cập đến xây dựng gia đình. Muốn xây dựng gia đình, công việc trước tiên là phải giúp cho nam nữ có cơ hội giao-tiếp, gần bó trước khi kết-hợp vợ chồng, nghĩa là nam nữ giữ **vai trò chính yếu, có quyền lựa chọn**. Có lựa chọn mới có trách nhiệm và trọn nghĩa vợ chồng.

- Ngay thời Nho học, **tinh thần phóng khoáng giữa nam và nữ** vẫn được cổ võ:

Những tục lệ vui xuân như hát đố, ném gòn, đánh đu, đều nói lên sự bình đẳng giữa trai và gái:

“*Hỏi nàng duyên nợ thế nào?
Gặp nàng muốn hỏi thấp cao đôi lời.*”
(Hát đối)

“*Tuy không lý thuyết thành giáo lý, kinh điển, nhưng những sinh hoạt hỗn nhiên như trò vui “đua xuân” (đánh đu trước sân đình vào đầu xuân).*”

mọi người vui hòa trong cuộc sống cộng đồng, giải tỏa bớt những căng thẳng tích góp trong những sinh hoạt thường nhật, vừa là cơ hội dành cho nam nữ gặp gỡ trao tình, đổi ý với nhau. Đây chính là chủ tâm của các vị trưởng thượng trong thôn ấp, mà cũng là tập quán truyền lại lâu đời. Nhiều hội hè như vậy đã rất nổi tiếng và thu hút du khách từ khắp nơi trong nước như Hội chùa Hương, Hội Phủ Dày, Hội chùa Lim, hội chùa Láng, v.v...

Ở tuổi thanh xuân, trọng tâm giúp cho trai gái có cơ hội gặp nhau là lẽ tự nhiên không có gì là nghịch với đạo lý:

*Đêm qua trời sáng trăng rằm,
Anh đi qua cửa, em nằm không yên.
Mê anh chẳng phải mê tiền,
Thấy anh lịch sự có duyên dịu-dàng.
Thấy anh, em những mơ-màng
Tưởng rằng đây đấy phượng hoàng kết đôi.
Thấy anh chưa kịp ngỏ lời,
Ai ngờ anh đã vội rời gót loan.
Làm em mê-mẩn canh tàn...*

(Ca Dao)

Đôi tình nhân nhớ nhau thắm-thiết:

*Nhớ ai, em những khóc thầm
Hai hàng nước mắt đầm-đầm như mưa.
Nhớ ai ngơ-ngẩn, ngẩn-ngơ.
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?
Nhớ ai bồi hồi, bồi-hồi,
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.*

(Ca Dao)

1- Hoài Nguyên, “*Việt Phong Khác Với Nho Phong*”, Những Vấn Đề Văn Hóa Việt, xb. 1994.

11.- Tinh thần tích-cực đấu tranh:

Hơn một ngàn năm bị Tàu đô hộ, với chính sách đồng hóa vô cùng thâm độc, người Việt vẫn là người Việt, nói tiếng Việt và giữ được bản-sắc dân tộc mình. Trong thời gian lệ thuộc, người Việt sẵn-sàng tiếp nhận tư tưởng ngoại lai, nhưng biết hóa-giải mâu thuẫn, để dung hóa. Nhờ vậy, tất cả tinh hoa văn hóa hay đạo học, bất kể xuất xứ từ đâu, từ Ấn Độ hay Trung Hoa, hoặc Tây phương đều trở thành chất liệu phong phú cho văn hóa Việt.

Tinh thần tích cực đấu tranh đã tạo nên sức sống kỳ diệu của dân tộc. Nếu người ta kinh sợ khả năng *đồng hóa* của nòi Hoa (Hán) thì người ta càng bội phục khả năng “*đề kháng*” của dân tộc Việt.

Tàu và Pháp dù ở địa vị thống trị, nhưng dân Việt vẫn coi nhẹ:

*Tham giàu, em lấy phải thằng Ngô,
Đêm nằm như thể cành khô chọc vào.*
(Ca Dao)

Hoặc: *Ba mươi tết, tết lại ba mươi
Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú khách.
Một tay cô cầm cái dùi rách,
Một tay cô xách cái chăn bông,
Cô đứng ra bờ sông, cô trông sang nước người,
Ồi chú chệt ơi là chú chệt ơi!*
(Phong Dao)



rồi thầm ước:

*Ước gì anh hóa ra vôi,
Em hóa trầu lộc, tốt tươi lại nồng.
Ước gì anh được làm chồng,
Em được làm vợ, tơ hồng cùng xe.*

(Ca Dao)

Ta thấy nội dung lời ca đều là những lời diễn đạt nam nữ ái tình, tuy chơi đùa mà vẫn có mực độ, nồng-nàn mà vẫn hồn-nhiên:

*Gặp nhau ăn một miếng trầu
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào!*

Nam: *Miếng trầu đã nặng là bao
Muốn cho đông liêu, tây đào là hơn!*

Nữ: *Miếng trầu kể hết nguồn cơn
Muốn xem đây đấy thiệt hơn thế nào?*

Nam: *Miếng trầu là nghĩa xướng giao
Muốn cho đây đấy duyên vào hợp duyên!*

*Rồi dần tỏ đậm-đà tình ý hơn:
Bây giờ mặt mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?*
(Ca Dao)

Nữ: *Mặt hỏi thì đào xin thưa
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào!*
(Ca Dao)

Những tình ý này khác với quan niệm hủ nho, “*Nam nữ thụ thụ bất thân*” hay “*Nam nữ bất đồng tịch, bất đồng sàng*” (nhất nhất trai gái không được thân cận nhau, không được ngồi chung một chiếu, một giường).

Việc xây dựng con người là xây dựng mọi mặt. Lịch sử Việt, những vị như Đinh bộ Lĩnh, Phạm Ngũ Lão, Mạc Đăng Dung, Nguyễn Huệ, . . . đều trưởng thành ngay trong sinh hoạt thường nhật, và

mỗi tuổi có một trọng tâm khác nhau.

Ở tuổi thanh xuân thì trọng tâm là giúp cho trai gái có cơ hội gặp nhau:

*“Trai khôn tìm vợ chợ đông,
Gái khôn tìm chồng ở chốn ba quân.”
(Ca Dao)*

là hợp lý vậy.

10.-**Tinh thần bao-dung, nhân ái:**

Nước là vật có thể thu nhận tất cả, bất cứ thứ gì ném vào nước, dơ hay sạch, mùi vị hay màu sắc nào cũng mặc, đều chấp nhận cả.

Tinh thần này, theo Phật giáo nói là “từ bi, hỉ xả”, đạo Thiên Chúa gọi là “bác ái”, với Nho học là “lòng nhân”,...

Nhờ thực-chứng tính chất dung-nạp không phân biệt (vô lượng thụ biệ), cùng sức nuôi dưỡng vạn vật của **nước** mà người Việt nêu cao lượng bao dung

*Thương người như thể thương thân”,
(Tục ngữ)*

hay: *Thương người, người lại thương ta,
Ghét người, người lại hóa ra ghét mình.
(Ca Dao)*

mà sẵn sàng: *Gặp người đói rách tả tơi,
Mở lòng đùm bọc, giúp người sa cơ.
(Ca Dao)*

Lòng nhân ái của người Việt không phải chỉ đối với tình đồng hương, nghĩa đồng bào “lá lành đùm lá rách”, mà còn áp-dụng cả đến quân thù xâm lăng đất nước.



Cho trắng trong, gió quạt, sáo diều du...

*Bản tiền gặp thời lên cũng dễ,
 Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay.
 Vai khiêng trời đất mong phò chúa,
 Giáp gột sóng trời khó vạch mây
 Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
 Gươm mài bóng nguyệt biết bao rầy.”
 (Phan Kế Bính dịch)*

13.- Tính tự nhiên (vi nhi vô vi) :

Nước tự do xuôi chảy một cách tự nhiên, không tranh lẫn, nhưng không gì có thể cản được.

Nước chảy theo cách tự nhiên có thể ví như tính cách “vi nhi vô vi” (chảy mà không cố ý chảy) trong Lão học. Nước nuôi dưỡng muôn loài, nước xuôi chảy theo bản tánh tự-nhiên, thấu- nạp, thích-nghi, dung-hóa...bốc hơi , âm thầm xuôi chảy, gặp chỗ sâu nằm im đó, có dịp bốc hơi thành mây, gặp điều kiện thích hợp, mây trở thành mưa, nước mưa thấm vào đất.

Sự hiểu nghiệm này được thần-thoại hóa qua chuyện Thánh Gióng với tinh thần “có việc thì đến, hết việc thì đi ”.

14.- Tính thăng hoa (bốc hơi) :

“Nước đi ra biển, lại mưa về nguồn...”

(Tản Đà Nguyễn Khắc

Hiếu)

Ngoài tính bất định hình, bất định thể, dung nạp, hòa tan, thích nghi, tự do, bình đẳng, v.v... nước còn có tính *bốc hơi (thoát xác)*, dứt bỏ tất cả. Cho nên ngoài óc thực tế, tâm hồn người Việt còn có khuynh hướng dứt bỏ danh lợi (như thánh *Tản Viên, thánh Gióng*), dứt bỏ dục vọng thấp hèn, hướng tới chân - thiện - mỹ, hướng tới những giá trị tinh thần siêu việt vĩnh cửu.

Và còn gì châm biếm hơn đối với những kẻ nịnh hót ngoại bang:

*Thằng cha phủ Vĩnh thế mà thâm,
 Nịnh bố cu Tây, công mẹ đầm.
 Đồi vú áp tai, đầu nghển-nghển,
 Hai tay bưng dít, mặt hầm-hầm.
 Cũng may cứng cánh nhờ ơn tổ,
 Nếu rủi sa chân, chết bỏ bầm.
 Chẳng kể mày đay, bằng tưởng lục
 Ngủi tay, tằm tằm miệng cười thâm.*

(Nguyễn Thiện Kế)

Hay mỉa-mai:

*Kìa hội thanh bình, tiếng pháo reo
 Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo.
 Bà quan tểch-hếch xem bơi trái,
 Thằng bé lom-khom ghé rạp chèo...*
(Nguyễn Khuyến)

12.- Lòng kiên-nhẫn

Các câu tục ngữ:

“Nước chảy đá mòn”,

hay *“Có công mài sắt, có ngày nên kim.”* đã nói lên tính kiên-nhẫn của người dân trồng lúa nước. Đức kiên-nhẫn ở đây là muốn nhắc-nhở đức nhẫn của người trí. Nhẫn để thăng-hoa (*bốc hơi*), không phải là trốn chạy hay ươn hèn. Nhẫn như Rồng tiềm-phục ở vực sâu, chờ thời-cơ để quật khởi, tung hoành.

Nhẫn được, tất tránh gây thiệt hại về tinh thần cũng như vật chất.

“Một câu nhin, chín câu lành”

(Tục ngữ)

hay *Chữ nhẫn là chữ tượng vàng,
Ai mà nhẫn được thời càng sống lâu.*
(Ca Dao)

Sống là tranh đấu. có tranh đấu tất gặp cam go, nên cần có kiên nhẫn:
*Dù đường trần khe-khắt hiểm-nghèo,
Dù gập-ghềnh, dù lấm hùm beo.
Cứ quả quyết, đường-hoàng ta tiến,
Đời thắm-đạm, ta càng vinh hiển.*
(Huy Thông trong Phong Hóa số 62)

Trong lịch sử Việt khôngthiếu những gương kiên nhẫn:

- Lê Lợi trải 10 năm gian khổ, ba lần phải rút về Chí Linh. nhiều khi khốn-đốn, vợ con bị giặc bắt, quân nhu khô cạn, quân lính phải đào củ chuối, và giết ngựa làm lương thực, nhưng vẫn kiên trì tranh đấu. Cuối cùng đánh bại được quân Minh, dựng lại nền độc lập cho nước nhà.

- Đặng Dung trì chí ôm quốc thù, trải bao nhiêu năm mài gươm dưới trăng:

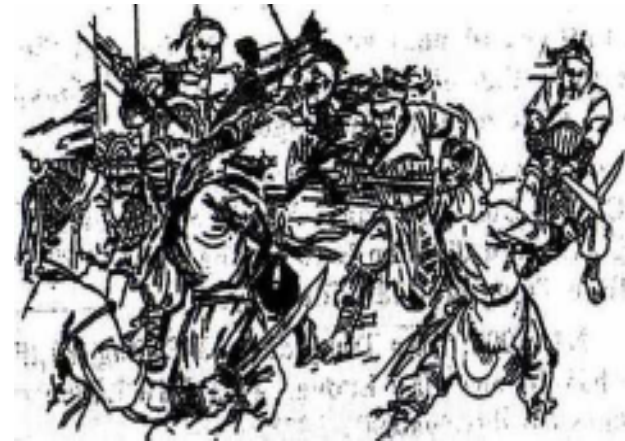
Thuật Hoài

*Thế sự du du nãi lão hà
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ diếu thành công dị
Sự khứ, anh hùng ảm hận đa.
Trì chủ hữu hoài phù địa trực
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch
Kỷ độ long tuyến đới nguyệt ma.*

Đặng Dung

Dịch:

*Việc đời bối rối tuổi già vay,
Trời đất vô cùng một cuộc say*



Truyền thống xâm lăng của Trung Quốc.

dùng cơm tối ở nhà.

Khác với cảnh khuê nữ đài các,

Êm đềm trường rủ màn che...

(Nguyễn Du)

hay *Khi gió gác, khi trăng sân*

Bầu tiên dốc rượu, câu thần nổi thơ.

Khi hương sớm, lúc trà trưa

Bàn cờ điểm nước, đường tơ họa đàn..."

(Nguyễn Du)

Y phục cũng vậy, nếu dùng những thứ mỏng manh dễ bị rách nát. mà cần những thứ vải thô nâu sòng mới có thể trải nắng dầm mưa.

Xa hơn nữa, “ *Có thực mới vực được đạo* ”, có ăn mới có sống, có sống mới hoằng dương được đạo pháp (*nhân năng hoàng đạo, đạo bất hoàng nhân*). Cụ thể hơn “*một tinh thần mình-mẫn chỉ có thể có được khi thân thể tráng kiện.*”

Vì tin tưởng vào chân giá trị nơi chính mình, người Việt có một tinh thần tự lập thật vững vàng.

*“Như Bình Trọng nhờn nhờn giữ một mực,
Tựa Lê Lai ngằn-ngật xung chín lần...”*

(Lưỡi Gươm Việt/Đạo Trường Ngâm)



Tự lắng trong, tự thanh lọc, tự bốc hơi, vượt-thoát thể lỏng trở thành thể khí, gợi lên hình ảnh tự lực, tự thắng những yếu hèn, thú tính, ích kỷ, đố kỵ,... còn ẩn tàng trong tâm trí. Nói cách khác, tự thắng là làm chủ những cảm thụ, những xúc-động, những tư tưởng hẹp hòi, cố-chấp. Tự thắng là tiến trình dẫn tới nhân chủ. Đó là điều kiện cần và đủ để nhân tính làm chủ tư duy và hành động.

Bàn tới tinh thần “*thăng hoa*” (*tự lắng, tự thanh lọc*) tức là nói đến “*thanh danh*”, hay tinh thần tự trọng. Nói đến “*thanh danh*” (*Danh thơm, Tiếng tốt*), khác với “*có tiếng tăm, có uy quyền bắt người khác suy tôn*”.

Sự sống thật là quý, nhưng biết chết nhiều khi còn cao quý hơn. Trong lịch sử đã có nhiều anh hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở:

*“Như Bình Trọng nhờn nhờn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngằn-ngật xung chín lần...”*

(Lưỡi Gươm Việt/Đạo Trường Ngâm)

Đức Bình Trọng thời nhà Trần bị giặc Nguyên bắt, giặc dụ hàng và hứa cho làm vua. Ông một mực trung kiên và khảng-khái nói: “*Thà làm ma nước Nam không thêm làm vua Bắc*”.

Lê Lai thời hậu Lê không ngần ngại thay vua Lê xông ra giữa chín lần gươm giáo, chết cho tương lai dân tộc sống, và còn nhiều gương hy sinh tương tự như Hoàng Diệu, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, . . .

Sống không những sống cho mình, mà còn cho gia đình, quốc gia và dân tộc; sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ vãng, và tương lai.

Cho nên, vì danh thơm (danh dự), người

ta có thể hy sinh tính mạng để bảo toàn.

*Con còn mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao
Ông ơi! Ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Chớ xáo nước đục đau lòng cò con.*
(Ca Dao)

Phải đi ăn đêm là rơi vào hoàn-cảnh khó khăn, lại gặp sự không may (cành mềm) nên lộn cổ xuống ao! Đành chấp nhận nghịch cảnh, nhưng khấn cầu “nếu có chết xin chết một cách trong sạch”, không làm nhục đến thanh danh gia đình, dòng tộc, vì

*Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.*
(Ca Dao)

Chính hương thơm trên bàn thờ là tượng trưng cho thanh danh (danh thơm, tiếng tốt), ánh sáng của đèn - nến tượng trưng cho những di huấn soi đường, tránh cho con cháu lạc vào những chỗ tối tăm; *giá gương* với *nhiều điều* là lòng son sắt gắn-bó với tập thể, làm gương cho mọi người noi theo.

Tất cả thanh danh một cuộc đời, những di huấn và lòng son sắt của tiền nhân, con cháu phải thờ phụng, lấy đó làm tâm niệm.

15.- Óc thực tế :

Ca dao Việt có những câu như :

“Ra đường võng lọng nghênh-ngang”

(Ca Dao)

nhưng oái oăm thay

Về nhà hỏi vợ: *cám rang* đâu rồi ?

đu bộc lộ hai nét đối nghịch giữa “*quân tử Việt*” và “*quân tử Tàu*”.

Khi nói “*quân tử Tàu*” là ngụ ý chê-bai kém thực dụng (*kiểu cách*). Tre và trúc tuy cùng họ, nhưng tre thực dụng hơn trúc. Vì vậy, người Việt lấy tre làm biểu tượng cho người quân tử Việt.

Thực tế cho thấy “tre” rất hữu dụng. Tre có thể dựng tường, làm vách, xà nhà, cột, làm rào chung quanh làng, và đan các gia dụng như rổ, giá, thúng, mủng, dầm, sàng, lạt buộc, v.v... trái lại trúc chỉ có thể làm cảnh để ngắm nhìn.

Trúc được nhắc đến nhiều trong văn chương bác học Trung Hoa (*Quân tử trúc, trượng phu tùng*). Trái lại, trong ca-dao (văn chương bình dân) Việt, ta thấy:

*Trúc xinh trúc mọc quanh đình
Em xinh, em đứng một mình cũng xinh.*
(Ca Dao)

Hay *Trúc xinh, trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.*
(Ca Dao)-

Trong đời sống hàng ngày, người Việt vụ lấy ích thực mà ít chú ý đến hào nhoáng. Tục ngữ có câu:

Ăn lấy chắc, mặc lấy bền,
(Tục ngữ)

hay: *Khôn ăn cái, dại ăn nước.*

(Tục ngữ)

Làm lụng nơi đồng ruộng không thể tùy ý nghỉ ngơi, mà đòi hỏi có giờ làm, giờ nghỉ. Mỗi sáng sớm, trước khi ra đồng làm việc, người nông dân phải ăn sao cho chắc bụng kịp đến trưa mới lên bờ dùng bữa, rồi sau đó đến bảy, tám giờ chiều mới

Tam mộc sần đình toạ, trứ hảo hề nữ tử.

Tiên Chúa ứng thanh, đọc lên:

Trùng sơn xuất lộ tẩu lai sứ giả lại nhân.

nghĩa là:

Ba cây gỗ họp trước sân, ngồi tỏ vẻ đẹp ấy là người con gái, (Ba chữ mộc là chữ sần, chữ nữ và chữ tử thành chữ hảo là đẹp.

Chồng núi ra tận đường, chạy lại là người đi sứ, là người quan lại. (Hai chữ sơn là chữ xuất, chữ lại với chữ nhân là chữ sứ.

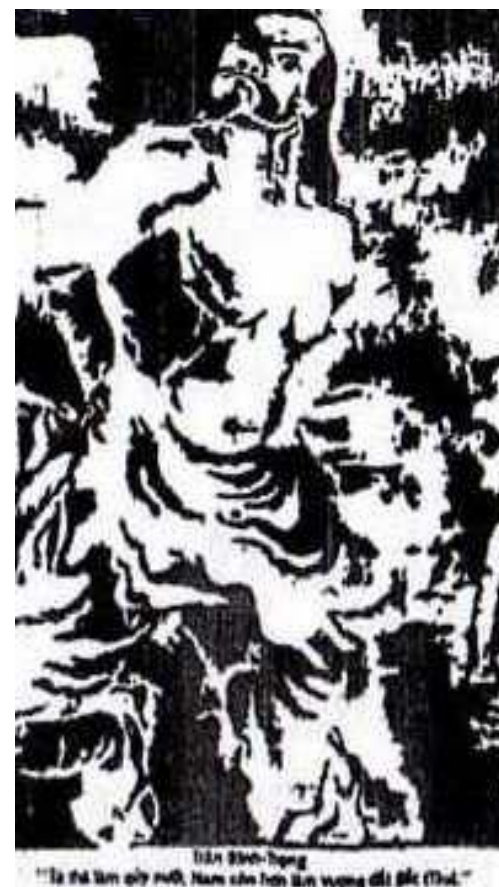
Sơn nhân bằng nhất kỷ, mặc phi tiên nữ lâm phàm, (Người ở núi dựa một cái ghế há chẳng phải là bậc tiên nữ tới chỗ phàm trần. Nhất kỷ tức chữ phàm, sơn nhân tức chữ tiên).

Ngài liền ứng lại:

Văn tử đối trường cân, tất thị học sinh thị trưởng. (Con nhà văn đội cái khăn dài, hẳn đấy là kẻ học sinh hầu bên trưởng. Chữ văn tử tức là chữ học, trường với cân là chữ trưởng.)

Đối đáp rất chỉnh, mà lại ngụ ý thâm trầm. Phùng công thấy vậy rất phục, muốn hỏi lai-lịch thì ngoảnh lại đã biến mất, chỉ còn thấy cây gỗ nằm ngang, hình ra bốn chữ: Mão, khẩu, công, chúa, và có một cây gỗ dựng viết bốn chữ “Thủy mã kỷ tẩu”, ý chỉ: Cây gỗ nằm ngang là chữ “mộc”, mộc với chữ “mão” thành chữ “Liêu”, chữ mộc với chữ “khẩu” thành chữ Hạnh. Chữ thủy với chữ “mã” thành chữ “Phùng”, chữ kỷ với chữ “tẩu” thành chữ “khởi”. Ý bảo họ Phùng khởi công làm đền thờ Ngài vậy.

Sau ngài lại xuất-hiện ở Tây Hồ, gặp buổi họ Phùng cùng hai bạn văn thơ lênh-đênh một chiếc thuyền, bỗng thấy khóm cây đào xanh tốt um-tùm, lên thuyền vào bên trong thấy có cái lầu



E/ Đạo Mẫu thờ Tứ Bất Tử, bốn vị Hoạt Thánh Vương (các ngài giáng trần bằng thân thể-tục, nhưng khi lên trời không để lại xác phàm.):

Thờ Tứ Bất Tử là để nêu cao chân-lý của Đạo.

1.- * **Thánh Mẫu Liễu-Hạnh** (Sùng Sơn Thánh Mẫu)

Theo dã sử, ngài hiệu là Liễu Hạnh Nguyên Quân, là đệ nhị Chúa Tiên, con gái thứ của Ngọc Hoàng Thượng Đế, bị giáng xuống trần đời Lê Anh Tôn (1557). Ngày giáng sinh Thánh Mẫu là ngày rằm tháng tám, dòng họ Lê, ở làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Truyện kể lại, khi Lê phu nhân mang thai ngài chỉ thích ăn hoa, đến khi sinh ngài có mùi hương ngào-ngạt, và hào quang sáng rực nhà. Ngài được đặt tên là Giáng Tiên. Khi ngài tới tuổi cập-kê, nữ công, dung hạnh đều mỹ-mãn.

Năm 18 tuổi, có Đào Lang người họ Trần ở thôn Vân Đình, nghe tiếng họ Lê có vị tiên nữ, muốn môi chước để kết bạn trăm năm. Lấy nhau được vài năm, bỗng một hôm, ngài từ biệt Đào Lang mà hóa, năm ấy ngài mới 21 tuổi. Ngài tạ thế vào ngày 3 tháng 3, niên hiệu Gia Thái, thứ 5 triều Lê Thái Tôn. Mộ ngài táng ở làng An Thái (triều Gia Long thứ 4 đổi xã An Thái thành xã Tiên Hương, xã ấy đến nay vẫn còn đền thờ tức Phủ Giày.)

Khi ngài mất, Mẹ ngài đêm ngày thương nhớ. Nhân một hôm đến chỗ thư phòng, xem lại sách vở và đồ dùng còn để lại, tự nhiên mê-man ngất lạng. Hốt nhiên một trận gió, ngài hiện lên ôm lấy mẹ ngài mà gọi: “Mẹ ơi, tỉnh dậy, con đây, mẹ đừng thương nhớ nữa!”

Trần phu nhân bàng-hoàng mở mắt, nhận

rõ con mình, nói: “Con ơi, đi đâu mới về ? Con quả là thần tiên bất tử đấy ư ?”

Ngài khóc mà rằng: “Con đây cam tội bất hiếu, con cũng muốn lưu lại để giữ thần hôn cho trọn đạo hiếu, nhưng vì số con ở gian thế có ngần ấy thời, xin mẹ yên lòng đừng có thương tiếc chi nữa.”...

Ngài từ khi tái hóa, do Ngọc Hoàng Thượng Đế cho phép vì kỳ tích giáng chưa đầy đủ, nên tái giáng làm phúc thần, nhận cúng dàng của nhân gian. Ngài biến hiện không thường, khi thoát hiện ra đàn bà, ngấm thơ dưới trăng, khi hóa ra bà lão chống gậy bên đường. Ngài lại thường qua lại hạt Lạng Sơn, thấy chùa Thiên Minh là một danh lam thắng cảnh, liền trụ trì ở đấy. Nhân hạ ngồi dưới cây tùng, gảy đàn mà hát:

Cô vân vãng lai hề sơn thiều nghiêu.

U diệu xuất nhập hề lâm yêu kiều.

Hoa khai mãn ngạn hề hương phiêu phiêu

Tùng minh vạn hác hề thanh tiêu tiêu.

Tứ cố vô nhân hề quỳnh trần hiêu

Vũ đàn trường khiêu hề độc tiêu dao,

Hy ta hồ sơn lâm chi lạc hề, hà giám trùng tiêu.

Dịch:

Bóng mây một mình qua lại với núi non chót-vót.

Chim buồn ra vào trong rừng cây cao đẹp.

Hoa nở đầy trên bờ nước, mùi thơm ngào-ngạt.

Thông reo muôn cửa động tiếng vi-vu.

Trông ra bốn bề vắng-lặng vẻ xa bụi rậm

Vỗ đàn tiếng vang một mình ta tiêu dao.

Than ôi, rừng núi vui thay, cái chi làm nhụt được chí cao vời.

Chợt Phùng Khoan tức trạng Bùng đi sứ bên Tàu về đến đây, bèn cất tiếng nói:



Tưởng nhớ công đức Tổ Tiên

nguy-nga, ngoài đề bốn chữ: “*Tây Hồ Phong Nguyệt*”, hai bên có đôi liễn:

*Hồ trung nhàn nhật nguyệt,
Thành ngoại tiểu càn khôn.*

Trước lầu có che một bức màn-mành, thấp thoáng bên trong có người mặc áo hồng lịch-sự.

Tiên chúa cùng với nhóm này họa thơ. Bài thơ còn được truyền tụng lại như sau:

Chúa Liễu xướng:

Tây Hồ biệt chiếm nhất hồ thiên,

Ba tao nhân Ngô, Lý, Phùng lần-lượt tiếp:

Tùng mục kiên khôn tận khoáng nhiên

Cổ thụ viễn trang thanh mịch-mịch

Kim ngư thoát thủy lục quyền quyền

Sinh lai hà xứ sở gian ốc

Hoạt kế thù gia nhất chích thuyền.

Cách trúc sơ ly văn khuyến phệ,

Phanh trà phá bích thấu trừ yên.

Khinh khinh quế trạo thủ trung đăng

Đoản đoản suy y thân thượng xuyên,

Phảng phất Động Đình du Phạm Lãi

Y-hy bích hán phiếm Trương Khiên.

Thiên tâm hạo đảng ám thâm thiển

Tứ cố vi mang diệt hậu tiên.

Khoản nãi vãng lai hồng liệu bạn

Ấu nha xuất nhập bạch lô biên

Sa trùng liệt hí vong cơ lộ

Vân ngoại nhàn quan suất tính duyên.

Ký khúc xướng ca văn thủy quốc

Nhất song bách nhãn phóng trần huyền

Giao đầu đối thoại ý hà cái

Thân thủ tương chiêu hí giáp tiền

Lạc phóng liên gian tàng thái nộn

Lam trâm sau để dưỡng ngư tiên
 Hoặc tương đạm tửu hoa từng chúc
 Thời chấm trường cao thụ ảnh miên
 Túy hậu tương khan phao thủy diện
 Dục tự lạc bộc phong tiền
 Yên hoa mục tử tân bằng kết
 Thượng uyển tiều phu cựu ước kiên
 Bao bất từ ngô quan bang thế
 Thám linh tiếu bí một long uyên
 Vong sơ mỗi tị thế đồ hiểm
 Điều trực tu tương lợi nhĩ huyền.
 Hàn chữ hạ lai do ái nhật,
 Trương An đông tận vị tri niên,
 Tam công khảng bá yên hà hoán.
 Bán điểm ninh dung tục lự khiến
 Vị thủy nhậm phù văn bá bốc
 Đào nguyên hào phóng Vũ lang duyên
 Nhân chung sạ giác tâm vi Phật,

Chúa Liễu Hạnh thúc kết :

Đào nguyên ưng tri ngã thị tiên.

Chúa Liễu xướng: Hồ Tây riêng chiếm một bầu trời.

Ba thi nhân họa:

Bát-ngát bốn mùa rộng mắt coi.
 Cõi ngọc xanh-xanh làng phía cạnh
 Trâu vàng biêng-biểu nước vành khơi.
 Che mưa nhà lợp vài gian cỏ.
 Chèo gió ai bơi một chiếc chài.
 Rượu thủng chó đua đàn sủa tiếng,
 Trời hôm bếp thổi khói tuôn hơi
 Mơn-mơn tay lái con chèo quế
 San sát tình đeo chiếc áo tơ.
 Thuyền Phạm phát-phơ chơi bể rộng
 Bè Trương thấp-thoảng thả sóng trời.
 Đò đưa bãi lác tại đồn-dã

Giọng hát bờ lau tiếng thanh-thơi
 Cò xuống đưa qua vùng cát đậu
 Điều bay sẽ liệng đám mây chơi
 Khúc ca trong đục ấm bên nước
 Quầng mắt xanh đen sạch bụi đời
 Đầu gối long hà lai-láng chuyện
 Tay soi tiền giáp lả-lơi cười
 Chốc sen ngả nón chứa rau búp
 Đáy nước chìm phao bắt cá tươi
 Có lúc kể hoa vầy tiệc rượu
 Họa khi tựa bóng đứng đầu mui
 Say rồi cởi áo quăng dòng mái
 Tắm đoạn xoay quần hóng gió phơi
 Trẻ mục yên hoa bày tiệc rượu
 Lũ tiều thượng uyển hẹn lời dài
 Bất cò cứ vững ngồi rình bụi
 Mò ngọc khen ai khéo lặn ngoi.
 Tay lưới thế thần khôn mắc vướng
 Lưỡi câu danh lợi nhẹ tham mồi
 Hạ rồi bến mát còn yêu nắng
 Đông hết thành xuân chứa thấy mai.
 Thú cảnh yên hà sang dễ độ
 Sóng lòng trần tục dạ hồ vơi
 Xe săn Vị Thúy tha hồ hởi
 Thuyền tới Đào Nguyên mặc sức bơi
 Chuông sớm giục thanh lòng Phật đó

Chúa Liễu Hạnh kết thúc:

Trăng tròn soi một bóng Tiên thôi.
 (Bản dịch của Phan kể Bính trong Việt Hán Văn Khảo)

Sau tiếp, Tiên Chúa dạo chơi Sóc Hương
 (Nghệ An), Hoàng Sơn, Khoa Lãnh, Thúy Khê,
 những kỳ sơn tú thủy, ngài từng du lịch. Ngài lại
 qua Phố Cát (Thanh Hóa), thấy có cây xanh tốt,
 bèn hiển linh, dân thôn lập đền thờ,

Triều vua Hiến Tông nhà Lê đi đánh Chiêm
 Thành, Tiên Chúa phù-trợ cho thắng trận, gia phong

= Chúa Bà núi Bà Đen Nam phần,...) đều là đặc-trưng cho năng-lực thiên-nhiên, là nguồn sống bất tuyệt, ấp ủ nơi hang suối, sơn thủy hữu tình.

Mẫu là nguồn gốc của tất cả hiên hữu. Chính mẫu nuôi dưỡng vạn vật, và muôn vật lại trở về lòng của mẫu.

Ngoài hai phương diện Địa mẫu và “Quốc Mẫu” còn “Cửu trùng Thánh Mẫu” và “Thủy Tiên Thánh Mẫu” là nói đến năng lực của nguồn sống tràn ngập trong vũ-trụ.

Tôn giáo của **đạo Nội** (Đạo Mẫu) là thuộc về tôn giáo sùng bái đức dưỡng dục, nuôi nấng chứ không phải đức sáng tạo nguyên thủy.

Trong văn châu Tiên chúa Liễu Hạnh:

*Bóng gương loan mẫu đơn một đoá
Gió lay màn hương xạ thoáng đưa
Có châu nguyệt điện Tiên xưa
Lánh miềm trần tục, phận ư Nam thành
Thánh giáng sinh vào nhà Lê thị
Cải họ Trần dấu khí thiên hương
Vốn sinh có vẻ phi thường
Giá danh đòi một, hoa vương khôn bì”¹*



1- Một trong 24 bài ca tụng “Chư Vị văn châu” ở Thư Viện Viễn Đông Bác Cổ, mà Maurice Durand đã phiên âm trong sách “Technique et Panthéon de Medium Vietnamiens” IV, XLV, Paris 1959 E.F.E.O



ngài là “*Chế Thắng Hào Hiệu Đại vương*”.

Triều vua Tự Đức, loạn lạc, sai sứ thần đến xin cơ bút về quốc sự. Ngài giáng bút như sau:

*Hoành Sơn một dải ra vào
Cuộc kêu vọng đế, cáo gào giả vương.
Cung trắng đã sẵn trời dương
Giang sơn lại mở một trường Xuân thu
Tên đâu ba mũi phục thù
Khen cho Khắc Dụng bày trò cho con
Ngọn cờ phát-phới đầu non
Thạch thành mào lại bon-bon chạy về
Dặm đường lai-láng máu dê
Con quay ngả trắng, ba que cuộc tàn
Trời Nam vận ở Viêm Bang
Chân nhân đâu đến những phường thầy tăng
Đồng dao lại có câu rằng:
Non xanh mà mọc trắng răng mới kỳ.
Bấy giờ quét sạch thủ ly
Ai ơi nhớ lấy thiên kỳ kẻ lắm
Đương khi sấm sét âm-âm
Ấy là khí số để găm trị bình
Vũ phu mà bức thư sinh
Long Ô chấp cả mấy anh Thủy Hoàng
Nực cười cho lũ bàng quan.
Cờ tàn mà lại tính đường đẩy xe
Thôi thôi mặc lũ thằng hề
Gió mây ta lại đi về gió mây.*

(Chúa Liễu giáng cơ bút/ Trích theo “*Lịch Sử Tư-Tưởng Việt Nam*”, trang 286/Tập I, của gs. Nguyễn Đăng-Thực, nhà xb. T/P HCM, năm 1998.)

Theo Thanh Hoa Từ, tác-giả “*Sự Tích Thánh Mẫu*” có viết: “Trong khoảng một trăm năm, ban phúc giáng họa không phải chỉ có một lần, tiếng tăm lừng-lấy, đức từ cũng mở rộng, người ta xưng Ngài là Thánh Mẫu...”

Ngoài ra, Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Chúa Liễu Hạnh là Tiên Thiên Thánh Mẫu, ngôi vị của ngài là “Hoạt Thánh Bảo Pháp Vương” hay Đệ Nhất Thiên Tiên Thánh Mẫu, giáng trần lần thứ hai vào triều Lê (thế kỷ thứ 17). Ngài được vua Lê Thần Tông sắc phong “*Mạ Vàng Công Chúa Thương Đẳng Tối Linh Thần*”. Đến đời vua Lê Huyền Tông, ngài hiển linh phù-trợ quận công Phạm văn Phái đánh tan giặc Xiêm nên lại được phong “*Chế Thắng Bảo Hòa Diệu Đại Vương*”.

Cũng vì là tiền thân của Đệ Nhất Thiên Tiên Thánh Mẫu, nên đức Vân Hương Thánh Mẫu đứng hàng đầu của Tứ Thánh Bất Tử, dù ba thánh Chử Đồng Tử, đức Phù Đồng Thiên vương, đức Tản Viên Sơn đều xuất hiện từ thời Hùng.

Thánh mẫu Âu Cơ (Chúa Thượng Ngàn = Vân Hương Thánh Mẫu = Cửu Trùng Thánh Mẫu = Chúa Liễu Hạnh = Thiên Y A-Na ở Trung Việt ¹

1-Sự tích tiên nữ Thiên Y;

“Giáng sinh ở núi Đại An, nay thuộc xã Đại An, tỉnh Khánh Hòa gần cù lao Huân, ngoài xa biển cả, quần sơn châu vể. Bể biển, trời rộng thực đúng là di tích của thần tiên linh thiêng vậy.

“Rồi thiên nữ phiêu lưu lên phương Bắc, kết duyên với một hoàng tử, sinh con đẻ cái. Tình vợ chồng đang vui vậy thì chợt trở về phương Nam quê cũ, rồi một ngày kia bỗng cưỡi chim về tiên cảnh.

“Ôi lạ thay! Tiên nữ ở đâu mà đến? Ban đầu ở bên sườn núi, nhờ ơn dưỡng dục tưởng đã trọn đời. Thế mà không có bỏ vượn hạc mà đi, cưỡi sóng từ Nam lên Bắc, vội vàng đi đâu?”

“Lại đến khi duyên đang tươi tốt, chợt dứt tình trăm năm để trở về quê cũ, thực cũng lạ lùng! Đến lúc cửa hang đã mở, cảnh đó người đâu, cưỡi gió bay đi, uy linh hiển lộ. Việc đi hay ở của thần, tuy quý thần cũng không tự chủ được sao? Như thế lại càng lạ vậy.”

(Văn bia soạn ngày 13 tháng 5, năm Tự Đức thứ 9 - Phan Thanh Giản) Nguyễn Đăng Thực, “*Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*” trang 295/Tập I, nhà xb. T/P HCM, 1998.

Thấy vẻ mặt Long vương nghiêm-nghị và lời nói có vẻ trách-móc. Nguyễn Tuấn cúi thưa: Con thấy cái gì nơi thủy phủ cũng rất đẹp, rất quý. Song sức không sao lấy mang đi hết được, nên con chỉ ước sao được quyển sách lụa bạch đặt nơi bàn thờ ở hậu cung, nhưng sợ không dám lấy, mà cũng không dám xin, e làm phật ý vương phụ. Sau một hồi suy nghĩ, Long vương mỉm cười: “Đó là quyển sách ước vốn không có chữ, song ai có lòng trong dạ sạch, trí sáng mà dốc sức nguyện cầu thì muốn gì được nấy.” Sách không có đầu có đuôi, nhưng gồm 5 (năm) trang (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Con thông-minh đức-độ, đủ sức gìn-giữ và xứng-đáng được dùng sách ấy. Ta bằng lòng cho con, nhưng ta phải giữ lại tờ hành “thủy” cho con út của ta, mà nó cũng là em, là bạn của con. Nguyễn Tuấn! Con khá dùng quyển sách, bày hương án làm lễ rồi tự tay Long vương cầm ban cho Nguyễn Tuấn. Tay cầm gậy, tay cầm sách, Nguyễn Tuấn cầm tạ Long vương, theo chân hoàng tử Long hầu đưa tiễn. Cả hai leo lên lưng cá voi ngồi mà trở về trần thế.

Một hôm để thử xem quyển sách linh ứng ra sao, Nguyễn Tuấn tắm gội, trai giới rồi để sách trước mặt, đặt tay lên mà dốc lòng khẩn cầu: - Ước gì có một cánh rừng ngay gần nhà. Vừa ước nguyện, vừa lật trang sách và đến một trang thì không đỡ thêm nữa, tiếp theo đó đất rung, núi chuyển và một cánh rừng rậm-rạp phủ quanh nhà. Vừa sợ-hãi vừa mừng vui, Nguyễn Tuấn định đi xem xét thì thấy khu rừng bít cả lối đi, bèn trở vào ngồi tĩnh trí đặt tay lên sách mà ước: - Ước gì có lửa đốt hết cây trên đường đi ra sông để lấy nước, tay giở sách đến một trang ắt là trang thuộc hỏa, tức thì lại không đỡ được nữa, mà lửa bùng-bùng nổi lên, đốt cháy cây cỏ để lộ đường đi rộng lớn

2.- Thánh Tản Viên:

Huyền thoại kể rằng: “Một hôm đi ra rừng, bà Man Thị thấy một trẻ sơ sinh nằm trên lá, được chim sẻ và hồ cho bú. Bà mang về nuôi, đặt tên là Kỳ Mệnh. Lớn lên, mẹ nuôi già yếu, Kỳ Mệnh ra rừng hái củi về bán lấy tiền nuôi mẹ cho tròn chữ hiếu. Một hôm ra rừng đốn củi, thấy một cây gỗ to, cành lá rườm-rà, ước được nhiều củi, liền quyết định hạ. Lấy rìu đốn gốc, suốt cả ngày, cây gần đứt thì trời tối. Kỳ Mệnh bỏ về nhà, định hôm sau ra chặt nốt. Hôm sau ra thấy cây liền gốc như cũ, Kỳ Mệnh lại chặt lần nữa; ngày tàn mà cây chưa đứt hẳn. Lại bỏ về như hôm trước. Song ngày hôm sau ra vẫn thấy cây liền gốc như cũ. Rất lấy làm lạ mà trời lại tối quá, bèn tìm đến hốc đá gần cây nằm nghỉ đợi sáng ra tiếp-tục công việc dỡ-dang. Nửa đêm thấy một bà già, tóc bạc phơ, y phục như sương tuyết, cầm một cây gậy chỉ vào chỗ cây đã chặt. Bà đi quanh gốc cây, chỉ đến đâu cây lành đến đó, Kỳ Mệnh bèn chạy ra níu lấy vạt áo bắt đền.: “Tôi nhà nghèo phải đốn củi bán nuôi mẹ, đã mấy ngày chặt cây không xong vì Bà đã ngăn-trở tôi, mẹ con tôi sẽ đói, xin đền trả công.”

– “Cây này là nơi ta trú ngụ. Ban ngày ta đi chơi, tối về thấy bị phá. Ta biết đâu là con muốn chặt. Con là người hiếu nghĩa lại kiên tâm trì chí, và thông minh. Ta cho con cây gậy này, con có thể dùng vào nhiều việc để cứu đời, vừa nuôi mẹ, nuôi thân được.” Gậy có đầu đen là đầu tử, điểm tới có thể làm cho kẻ ác đau khổ hay tiêu tán. Gậy có đầu đỏ là đầu sinh; chỉ đầu sinh vào vật nào mới chết, hay bệnh tật, có thể làm sống lại hay khỏi

- Ta tên cho con là Nguyễn Thông, con khá dùng cây gậy này cho có ích.

Khấu đầu làm lễ tạ ơn. Nhận gậy rồi,

Nguyễn Thông về. Giữa đường thấy một con rắn nước trắng, mà kẻ chặn trâu mới đánh chết. Nguyễn Thông bèn lấy gậy ra dùng để thử-nghiệm. Đem đầu gậy dỏ đặt lên đầu rắn, rồi rà đến tận đuôi, con rắn lành vết thương ngay, thở được mà sống lại. Ngóc đầu nhìn người cứu nạn, rồi vội trườn mình xuống suối bơi đi mất dạng. Nguyễn Thông mừng thấy gậy có linh nghiệm. Ra về, và từ ngày đó dùng gậy để chữa bệnh cho dân làng, đi săn thú rừng, phá ruộng, nhờ đó mà mẹ con sống ung-dung đầy-đủ.

Rồi một sớm kia, có đoàn người rất đông đi vào phía lều mẹ con Nguyễn Thông đang ở. Người đi đầu là một chàng trai quần áo trắng lóa như bạc dát. Mũ cấn ngọc, da ngăm-ngăm màu nước, môi thắm sắc san hô và mắt long-lanh tia sáng nhanh như lửa chớp. Chàng ta bảo tùy tùng đứng xếp một hàng ngoài ngõ, tiến vào trước mặt Nguyễn Thông tự giới-thiệu: “Tôi là con trai út Long vương, đi chơi quá bước lên trên cạn, chẳng may gặp nạn đến chết, may nhờ anh ra tay cứu mạng. Trình với vua cha, người cho tôi mang chút ít lễ vật tới tạ ơn anh cùng kính biểu mẹ già. Người lại có ý mời anh xuống thăm thủy phủ để người được gặp mặt, và để biết bậc anh tài.”

Nói rồi hoàng tử Long phủ ra lệnh cho bọn người dẫn lễ vật vào, mở nắp quả ra bày lên chõng tre. Từ những quả đó, thoảng bay mùi long duyên hương với các vị thuốc quý, trân châu, san hô, sáng lóa cả nhà. Vị hoàng-tử giới-thiệu từng món . Với các công-dụng và giá-trị diệu kỳ. Nguyễn Thông từ-chối cho rằng công không xứng với của. Song hoàng-tử ngắt lời: “Không phải thế! Đây mới chỉ là một phần nhỏ để đền ơn trong muôn một, vì anh đã cứu nhiều người trần thế mà không bao-giờ nghĩ đến công lao. Những vật này có thể trước là giúp mẹ già có

được đủ thứ cần-thiết khi anh đi thăm thủy phủ mà vắng nhà. Sau là giúp anh có đủ phương tiện cứu đời. Đức Long vương còn muốn tặng anh nhiều thứ quý nữa. Nhưng anh nên nhớ trước mặt người, anh chỉ nên xin quyển sách không có chữ nào. Anh mới là người xứng-đáng dùng quyển sách đó. – Nay anh xin phép mẹ già và gấp thu xếp việc nhà, ta vội-vã đi kẻo muộn.”

Nguyễn Thông đành cúi nhận cả phẩm vật lẫn lời mời. Xếp vội việc nhà, xin phép mẹ và xách gậy ra đi theo hoàng-tử Long cung. Gió cuốn mây bay đưa đoàn người đi nhanh. Tới biển Đông, hoàng-tử dang tay rạch nước ra làm đôi. Tạo nên một con đường đi xuống phủ Long vương. Được một quãng đã thấy cá voi, cá mập chờ sẵn, mỗi người ngồi trên lưng mà đi sau những loại cá mầu sắc lộng-lẫy tỏa ánh sáng ngời, mỗi bước đi là gặp một điều mới-mẻ lạ-lùng thích-thú đến say mê, Nguyễn Thông không hết lời khen ngợi.

Đến Long phủ, Nguyễn Thông đã thấy đức Long vương đứng chờ sẵn nơi thềm ngọc, áo mão huy-hoàng.

Theo lời giới-thiệu của hoàng-tử tiểu vương, Nguyễn Thông làm lễ triều kiến. Sau đó, đức Long vương ban yến và rất hài lòng về diện-mạo và đức-độ của Nguyễn Thông.

Long vương cho phép chàng tự-do đi du-ngoạn khắp nơi thủy cung và muốn lấy gì cứ việc tự tiện. . . Nhận Nguyễn Thông là con, và đặt tên là Nguyễn Tuấn.

Tuy vui, nhưng ở lâu nơi thủy cung Nguyễn Tuấn nhớ mẹ. Nhớ dương gian nên xin phép trở về. Long vương bằng lòng và thấy Nguyễn Tuấn trở về tay không, liền hỏi: “Thủy phủ của ta không có gì đáng cho người vừa ý mà lấy, vì sao? ”

lẫn nhau theo như ý của người cầm gậy.¹

3.- Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương:

hạt Vũ Ninh, làng Phù Đổng. Trong làng có lão ông, tuổi ngoài sáu mươi, sinh được đứa con trai, ba tuổi không biết nói, năm ngửa không biết ngồi dậy, bà mẹ nghe sứ giả đến, nói bỡn con rằng:

“*Sinh đứa con này chỉ biết ăn uống, mà không biết đánh giặc để hưởng phần thưởng của triều đình đền ơn bú mớm.*

“*Đứa trẻ nghe mẹ nói, đột nhiên nói lên:*

“*Mẹ gọi sứ giả đến đây, hỏi xem việc gì?*

“*Bà mẹ hoảng sợ, vui mừng, báo cho láng giềng biết con mình đã biết nói.*

“*Người trong làng cũng kinh lạ, mời đón sứ giả về nhà. Sứ giả hỏi:*

“*Em nhỏ bé mới biết nói, gọi ta đến làm gì?*

“*Đứa trẻ ngồi dậy bảo sứ giả rằng:*

“*Mau về tâu vua, đúc cho con ngựa sắt cao 18 trượng, gươm sắt dài 7 thước, một cái nón sắt, trẻ này cỡi ngựa đội nón đánh giặc, giặc sẽ tan, nhà vua không phải lo gì.*

“*Sứ giả phi ngựa về tâu vua. Vua vui mừng nói: “-Ta không còn phải lo nữa.*

“*-Đây là Long quân cứu ta, như lời ông lão nói trước đây.*

“*Rồi vua sai tìm sắt đúc ngựa, kiếm và nón. Sứ giả đem lại nhà đứa trẻ. Bà mẹ thấy mà cả sợ hỏi con. Con cười lớn mà rằng:*

“*Mẹ hãy lo cơm cho nhiều để con ăn, còn việc đánh giặc thì mẹ khỏi lo.*

1- Trích theo lời chú thích thơ “Đạo Trường Ngâm” trong tập viết tay ở quốc nội của Mãn Cầu, 1998.

đến bờ sông.

– Từ đó biết dùng sách ước, gây thân, Nguyễn Tuấn ngày-ngày đi hành đạo, cứu dân độ thế.



Chữ “Đạo”

Qua huyền-thoại này, ta thấy rằng:

* Nhân vật chính thay đổi tên theo thể sống: Lúc đầu không biết từ đâu đến, **vô danh**, sống giữa thiên nhiên, hòa với thiên-nhiên đến nỗi chim vui, cây che chở, thú rừng nuôi-nấng. Khi vào xã hội người mới định phận và **hữu danh**, mà danh lại thay đổi mấy lần theo thể sống. Song danh đã biểu-tượng rõ bản-chất NGƯỜI khác người thường: Một đời sống lạ: Kỳ Mệnh, một người trí hiểu biết đến thông được với thần; Nguyễn Thông, một người tài xuất chúng, ngang thần thánh; Nguyễn Tuấn dù với danh nào, Nguyễn Tuấn vẫn đứng trên căn-bản NGƯỜI mà hành-sử giữa thế nhân với thế nhân (*nhân bản, nhân chủ*) gặp tiên với bao vật lạ, vẫn giữ thế NGƯỜI mà bất đền công không sợ. Gặp thánh (Long vương) với bao nhiêu giàu sang vẫn giữ thế sống của con NGƯỜI, không quá mê tham mà vong bản thế trần. Gậy thần, sách ước trong tay sử-dụng mà không lạm-dụng, làm chủ nơi mình mà nên vô kỷ. Giúp đỡ mà không kể ơn ấy là vô công, đi hay về nhẹ-nhàng không lưu-luyến, không gấp vội như một bóng vô danh.

Tiên tự hiện-hữu ở lẫn thiên-nhiên. Tiên vốn có phép mầu-nhiệm, cây đã dẫn mà còn làm cho lành, lấy trí mà thử-thách, lấy tình mà điều-khiển. Biết rõ người tài đức thì trao cho gậy thần, chỉ bảo cách dùng êm-đềm mà người gan-dạ cũng tuân theo. Phép mầu của Tiên đã cho cả Rồng sống lại. Thế ra Rồng tùy thuộc vào Tiên vậy.

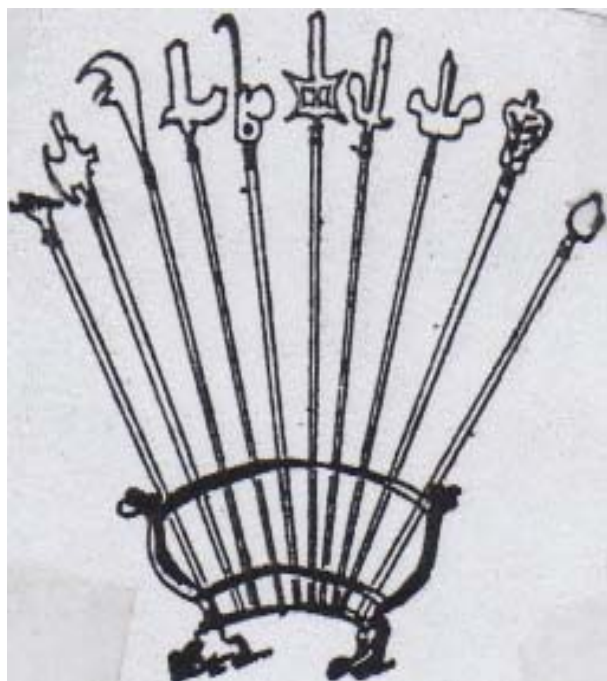
Long vương vốn tự hiện hữu, vốn hữu vi mà vô vi, mỗi việc mỗi suy-xét đắn-đo. Song suy-xét đắn-đo và làm tự-nhiên như nhiên, của cải giàu có là do thu vén xếp-đặt mà có cung điện, có kẻ phục-tùng, tuy thế chính bản thân còn phải quý trọng.

Sách ước mà chỉ trao cho NGƯỜI có đủ bản-lĩnh xử-dụng. Người đã biến chết ra sống được. Song khi trao sách lưu trang “thủy” tại sao?

* Về Tư Tưởng: Cả câu truyện xây-dựng trên tư tưởng âm dương học, căn-bản của Kinh Dịch. Âm dương là bản-thể của vũ-trụ. Thời vị là điều-kiện thiết-yếu cho âm dương vận-động; luật tương sinh, tương khắc với ngũ hành, tương quan, tương đối là điều-kiện đầy đủ để âm dương sinh thành vạn vật. Âm dương vốn là hai khí, là hai nguyên-động-lực tương-quan, tương-đối, tương thối, tương phản, tương sinh, tương khắc mà cũng bị tương hòa, tương hợp. Khi nào âm dương tương đối, cân bằng thì hòa-hợp mà yên bình. Khi nói âm dương tương thối, tương khắc mà chênh-lệch thì ly loạn.

Chi Tiết: Câu chuyện tỏ rõ những điều vươn lên cao, bày tỏ rõ ra, thuộc tượng *dương* là nơi Bà Tiên thuộc tượng *âm* trú ngụ. Ấy là dương hàm âm. Bà Tiên ngày đi xa vắng, đêm mới hiển-hiện. Đêm thuộc thái âm, hàm tráng âm, lực âm đang thời hoạt-động mạnh. Bà Tiên thuộc âm có gậy thần thuộc thiếu dương, cái mầm của hoạt-động tương-lai. Gậy thần theo truyện có hai đầu, đầu sinh thuộc dương và đầu tử thuộc âm. Cũng theo truyền-thuyết, gậy thần gồm chín đốt. Người điều-khiển gậy thần nắm đốt giữa, để có sự cân bằng tương-đối. Như thế mới làm chủ được luật tương sinh, tương khắc, tức là sự hiệu-nghiệm, của sức mạnh, của hành sự ngụ trong gậy đó. – Như thế gậy thần khi ở thế tĩnh là một thể nhất quán thuộc thiếu dương. Khi ở thế động thì gồm hai phần: tráng âm tráng dương, tương đối cân bằng sẵn sàng đi vào hành-động. Khi tác-động thì sức lực của cả chín đốt dồn vào có một đốt để hoặc tương thối, tương hợp hay tương phản mà chế hóa

nên nông dân Việt giàu tình-cảm, bình-dị và phóng-khoáng.



Những binh khí thời cổ xưa.

“Đến khi quân Ân kéo đến Trâu Sơn, đưa trẻ mới duỗi chân đứng lên, mình cao hơn mười trượng, nghễnh mũi hắt hơi, rồi tuốt gươm nói to:

“Ta là thiên tướng đây!

“Rồi đội nón, nhảy lên ngựa sắt, ngựa phi như bay, múa gươm xông đến trước giặc, quan quân theo sau dàn trận dưới núi Trâu Sơn. Quân Ân vỡ tan. Ân vương tử trận ở Trâu Sơn, còn dư đảng sụp lạy, mà kêu rằng:

“Thiên tướng, chúng tôi tất cả xin hàng.

“Thiên tướng phi ngựa lên núi Sóc Sơn, cởi áo mặc, cỡi ngựa bay lên trời, chỉ để lại vết chân ngựa trên hòn đá dưới núi.

“Hùng vương nhớ công lao, tôn làm “Phù Đổng Thiên Vương”, lập đền thờ ở vườn nhà trong làng. Đời nhà Ân trải 640 năm không dám đem binh sang quấy nhiễu nữa.

Sau có thơ rằng:

Vệ Linh xuân thụ bạch vân nhân

Vạn tử thiên hồng diễm thế gian.

Thiết mã tại thiên, danh tại sử.

Uy linh lẫm lẫm mãn giang san.

Dịch nghĩa:

Núi Vệ Linh cây xuân, mây trắng che phủ.

Vạn tử nghìn hồng đẹp cả thế gian.

Ngựa sắt ở trời, tên ở sử.

Uy linh lẫm-liệt ngập giang san.

(Lĩnh Nam Chích Quái truyện - Vũ Quỳnh hiệu đính)

- “Ngày nay đền Gióng tế chay, đền Sóc tế mặn, có lẽ là bậc thái thượng không thể lấy pháp môn tâm thường mà luận chăng? Cho nên lấy công đánh giặc mà nói, nên gọi là cứu quốc anh hùng... Đây là cái triết lý “Chỉ công vô tư, công thành danh thoái” trong tinh thần truyền thống của dân tộc. Nó là triết lý tự nhiên như hệ thống Lão Trang, nhưng có điểm khác biệt là nó công nhận tinh thần quốc gia dân tộc. Cho nên Đổng Thiên Vương đã hưởng ứng tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc mà bước vào hành động nhập thể hiện sinh, cũng chém, cũng giết, chỉ có khác không cầu mong gì vào kết quả của hành động.

4.- Thánh Chử Đồng Tử :

Đời Hùng vương có người con gái tên là Tiên Dung My nương, tuổi vừa 18, dung-mạo tú lệ, tính thích ngao du sơn thủy. Mỗi năm khoảng tháng hai, tháng ba, nàng sửa-soạn thuyền lênh-đênh sông, biển.

Lúc bấy giờ, làng Chử Xá có người tên là Chử Vi Vân, sinh được một trai tên là Chử Đồng Tử. Hai cha con vốn tính hiền lành, cửa nhà gặp tai biến nên khánh tận, chỉ còn một cái khố vải che thân. Cha con ra vào thay đổi mà mặc. Bị bệnh già, người cha bảo con rằng: *“Ta chết thì chôn lỗ cũng được, để khố lại mà dùng.”* Cha chết, người con không nỡ chôn lỗ, nên cứ để cả khố mà chôn. Chử Đồng Tử ngày ngày đứng dưới sông câu cá, mà trao đổi lấy thực-phẩm. Một hôm gặp thuyền của Tiên Dung, nghe thấy chiêng trống đàn sáo, nghi trượng cờ xí rợp trời, Đồng Tử bèn ẩn vào bãi cát có chòm lau sậy. Được một lát, thuyền của Tiên Dung qua đấy đậu lại, nàng dạo chơi trên bãi cát, truyền lấy mùng màn vây quanh khóm lau sậy để tắm. Dội nước, cát trôi, trơ ra thân thể của Đồng Tử. Tiên Dung cho rằng duyên trời, bèn truyền Đồng Tử đứng dậy, tắm rửa rồi cho mặc quần áo cùng xuống thuyền, và kết nghĩa vợ chồng. Đồng Tử cố từ không dám. Tiên Dung nói: *“Tự Trời tác hợp sao lại từ chối?”* Những người theo hầu đem việc tâu vua. Vua Hùng nổi giận nói: *“Tiên Dung không biết trọng lễ nghĩa, còn mặt mũi nào thấy được ta nữa.”*

Tiên Dung được tin, sợ hãi không dám trở về. cùng Đồng Tử mở chợ búa, lập phố phường cùng với nhân-dân buôn bán, dần-dần thành chợ lớn, nay là chợ Hà Loa.

Một hôm có một nhà buôn lớn đến mách với Tiên Dung: *“Nếu quý nhân bỏ ra một dật vàng*

cùng với lái buôn ra ngoài biển mua bán vật quý tất sẽ được lời nhiều.” Tiên Dung bèn bảo Đồng Tử làm theo.

Đồng Tử cùng với các lái buôn đi theo ra biển. Ở ngoài khơi có ngọn núi danh tiếng là Quỳnh Viên sơn, trên núi có am nhỏ. Thuyền buôn ghé đậu để lấy nước ngọt. Đồng Tử lên chơi trên am, gặp một vị tiên cùng đàm đạo. Đồng Tử thích-thú quên cả thời giờ. Trước khi từ biệt, vị tiên tặng cho Đồng Tử một cái gậy và một cái nón, bảo rằng: *“Linh thông ở nơi gậy này.”*

Đồng Tử trở về, kể lại cho Tiên Dung nghe, bèn thôi nghề buôn bán. rủ nhau chu-du khắp đảo.

Một hôm, trời đã tối, mà không gặp nhà cửa để trú chân. Họ dừng lại giữa đường, cắm cây gậy, úp nón lên trên, Đồng Tử miệng đọc thần chú, bỗng thành quách. lâu đài, thị-vệ la-liệt hiện ra trước mặt. Sáng ngày, ai trông thấy cũng lấy làm kinh-dị, tranh nhau đem hương hoa, ngọc thực đến dâng hiến và xưng thần. Văn võ bá quan, phân quân túc-vệ, biệt-lập như là một nước.

Hùng vương hay tin cho là con gái mình làm loạn, phát binh đi đánh. Khi quan quân đến, Tiên Dung cười rằng: - *Chuyện này không phải ta làm ra, sống chết ta đâu dám chống cự cha.*

Quan quân kéo đến đóng ở bãi Tự Nhiên, còn cách con sông lớn, trời lại sắp tối nên dừng binh.

Nửa đêm, hốt-nhiên thành quách của Tiên Dung nhất thời bay lên trời, đất chỗ ấy sụp xuống thành một cái đầm lớn, nên gọi là *Đầm Nhất Dạ (Đầm một đêm)*.

Qua sự-tích trên, ta thấy: Ảnh hưởng nghề nông, nghề chân lấm tay bùn, gần-gũi thiên-nhiên,

Những ý-nghĩa trên bàn thờ:

Sau một thời-gian dài điêu-linh trong khói lửa, xã-hội Việt đã đắm chìm ở trong nước, và tan từng mảnh trôi-nổi đó đây ở ngoài nước. Ngày nay tại hải ngoại, mặc-dẫu có nhiều nỗ-lực loay-hoay hàn gắn, nhưng vẫn ngày một vắng bóng những thờ phụng trong các gia-đình, và tất-nhiên cũng vắng luôn những hương lửa trên các bàn thờ đã từng rạng lên và thấm-nhuần các thế-hệ trong một không-khí từ nghiêm, ưu-ái, thấu suốt và thiêng-liêng.

Những tàn lụi tối-tăm này, nguyên-nhân trực-tiếp là ở những tan vỡ theo nhau:

- Tan vỡ những cơ-cấu đã dựng nên một cộng đồng xã-hội;
- Tan vỡ những cơ-cấu tộc thuộc, làng xã là những “nôi” nuôi-dưỡng và bảo-toàn;
- Tan vỡ những mái ấm gia-đình là những đơn-vị sinh-hoạt nối dõi và phát-huy truyền-thống.

Nguyên-nhân chính-yếu vẫn là bởi từ lâu đã thiếu hẳn những dẫn giải xác-thực về nội-dung những ngôn ngữ bằng hình tượng, bằng ngụ-ngôn chất-phác ở vỏ ngoài, nhưng thật hàm-xúc bên trong.

Nếu suy ngẫm về nội-dung một số ca-dao, ngạn ngữ, về nội-dung những tục-lệ về bánh chưng, bánh dầy, những tục kiêng kỵ trong ngày đầu năm... sẽ thấy rằng nếu không để tâm tìm hiểu thì tất-cả những gói ghém quý báu trong những cái vẻ thông-thường tưởng như cổ-lậu ấy sẽ trượt qua trí não không để lại một thâu lượm nào, hoặc có thì lại là những xuyên-tạc hồ-đồ!

Việc **Đền Hương** trên bàn thờ cũng vậy. Tuy có một không-khí tôn-nghiêm thần-bí. Cúng là cúng, đốt đèn thấp nhang là đốt đèn thấp nhang, khẩn

F/ Ý Nghĩa Thờ Phụng:

Khi đề-cập đến “*Thờ Phụng*”, ta thường liên-tưởng đến “*Đạo Lý*” hay “*Tông giáo*”.

“*Đạo*” có nghĩa là đường lối, như “*đạo làm người*”, “*đạo trời*”, “*đạo Lão*”, “*đạo Phật*”,... Còn “*Tông-giáo*” theo nghĩa thường là nhắm tới sự tôn kính mà quên đi ý nghĩa sâu xa của đạo.

Thực ra, ta phải gọi là “*Tông-giáo*” mới đúng nguyên nghĩa. Tông là lưỡi dao và nắm dao đều từ nguyên một thanh thép rèn nên. Nắm dao được rèn trước, theo đó lưỡi rèn sau. Nắm dao là hình ảnh cụ thể một cái “*tông*” trừu-tượng, và nguyên cả dao là hình-ảnh tập-thể tông-giáo gồm *giáo-thuyết* và *tổ-chức tín đồ*.

Câu ca-dao Việt thường nói:

“*Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống.*”

Xem “**tông**” tức là chọn cái nền-nếp sinh-hoạt trong gia-đình người con gái. Vậy “**tông**” là cái gốc tư-tưởng điều-hành mọi sinh-hoạt của những người cùng trong một tổ-chức, ngày nay gọi là “*căn-bản tư tưởng*” hay “*ý-thức-hệ*”.

“Thờ-phụng Tổ Tông” đã có từ lâu đời ở Việt-nam, trước khi có các tông-giáo khác (*Lão, Phật, Khổng, Thiên Chúa, Cao-Đài, Hòa Hảo, Tin Lành,...*).

Đối với quốc-gia thì có quốc miếu, mỗi dòng họ đều có nhà thờ họ, mỗi gia-đình Việt, bất kể giàu nghèo, sang hèn đều có nơi thờ-phụng Tổ Tông. Giàu thì có từ đường riêng, nghèo hay trung-bình, đơn-giản có một bàn cao đặt nơi gian giữa, chỗ danh-dự nhất trong nhà.



Đồ thờ tự tùy theo gia-cảnh mỗi nhà. Đối với gia-cảnh sung-túc, đồ thờ thường gồm có:

- Một án-thư kê trong cùng, trên án thư để khám thờ hay ỷ thờ.

- Thần-chủ hay bài-vị dùng để ghi tên húy (*tên vị được thờ*), tên thụy (*tên đặt lúc sắp mất*), chức tước nếu có, ngày sinh và ngày mất.

- Bát nhang đặt trước khám hay ỷ thờ, hai bên là hai bình cắm hoa.

- Nếu có sắc phong, bằng cấp, tưởng lệ, tất cả những thứ này được cất giữ trong một hộp gọi là “*hộp sắc*” đặt phía sau bát nhang.

- Tiếp án-thư là một bàn hình vuông, rộng và thường thấp hơn án-thư. Bàn này dùng để đặt cỗ cúng và một số đồ thờ như: mâm bồng để dâng ngũ quả, bộ ngũ đài có hai đài lớn hai bên: một dùng để đặt nước và một dùng đặt trầu cau, 3 đài nhỏ đựng 3 chén nhỏ để cúng rượu. Ngoài cùng là một hương án. Trên hương án có thể là bộ tam sự, ngũ sự hay thất sự (*Tam sự gồm có một lư hương hay đỉnh đồng và hai chân nến - Ngũ sự gồm tam sự cộng thêm đôi đèn dầu. Bộ thất sự gồm bộ ngũ sự cộng thêm một ống đựng hương và một ống đựng đồ gấp than bỏ vào lư-hương khi đốt trầm*).

Ngoài các đồ thờ kể trên, nơi thờ tự còn được trang-trí bức hoành-phi (*bức đại tự*) và câu đối. Nội-dung trên hoành-phi và câu đối ghi nhớ công đức của vị được thờ phụng.

Quan-trọng nhất là bát nhang, 2 chân nến hay đèn dầu là thứ không thể thiếu trên bàn thờ.

Lễ vật, phần căn-bản không thể thiếu là nhang, đèn, nước lã thật trong, hay rượu, trầu và cau.

- Nhưng nếu lấy quy-tắc “độc tôn” của mọi tông-giáo khác (*Đã theo tông giáo này thì không được tiếp-nhận một thờ phụng khác*). Ở điểm này, ta thấy ở việc “*Thờ phụng Anh Hùng*”, tư-tưởng bao giờ cũng cởi mở, sẵn-sàng tìm hiểu giáo-lý của mọi tông-giáo khác, và nếu thấy được thuyết-phục thì có thể theo.

Xét riêng ở điểm này, người “*Thờ Phụng Tiền nhân anh hùng lịch sử*” không là một tín-đồ tông-giáo, bởi không có tín ngưỡng tuyệt-đối, không là đối-tượng “*thần thoại hóa*” của thờ cúng.

Nhìn rộng hơn nữa, Việc “*Thờ Kính Anh Hùng lịch sử*” mới là một “*khâu*” văn-hóa trong hệ-thống đi từ *địa phương đến quốc gia*. Thấy những nét trong một nếp sống là thấy con người. Cao hơn nữa, và rõ-ràng hơn là những tư tưởng của con người. Tư-tưởng và những nét trong nếp sống không tan rã theo với cái tan rã của một cơ thể, mà đã in dấu và lưu-truyền ở thế-hệ sau, ở dân tộc.

“*Chết là thể phách, còn là tinh anh.*”

(*Kiều/ Nguyễn Du*)

Tóm lại, sự thờ-phụng Tiền Nhân qua biểu-tượng “*nhang (hương thơm), đèn (ánh sáng)*” là những nét đặc-thù trong văn hóa Việt, một nhân-tử-quan thật “*nhân bản*” (*người thờ người*), đúng như điều nhận xét của P. Mus “*Quay về dĩ-vãng không như một tập truyền bất động, nhưng là nguồn suối luôn-luôn hiện đại của mỗi luật tắc và cả đến tư-tưởng... nguồn của mọi sự thiện.*” (*Tourner vers la passé non comme tradition inerte, mais comme vers la source toujours actuelle et sans date des règles et des pensées même aux sources de tout bien comme de toute la réalité.*)

nguyện, vái lạy là khẩn nguyện vái lạy, đã mấy ai hiểu thấu được những vật, những việc ấy có những ý nghĩa gì, ngoài chủ-đích hồ-đồ: “*cúng kiếng khẩn nguyện để được phù-hộ...*” mà chẳng mấy ai thật sự tin, hoặc nghiêm-chỉnh hơn thì giảng-giải “*thờ cúng để ghi ơn công đức người xưa...*” Nhưng rồi liên-tiếp những khổ nạn, đói khát tràn ngập, chết chóc tan tành nhục-nhã trong khi những xã-hội khác yên lành thịnh vượng thì hơi ôi! Tiền nhân nào có công đức gì đâu, nếu không nói hẳn lên là còn có tội nữa!

Từ một tình-cảm là nhớ ơn đến sự cúng kiếng là một phô-bày có liên-hệ tất yếu nào đâu? Có gì buộc chặt rằng: có cúng kiếng là có nhớ ơn, và có nhớ ơn thì nhất-định phải cúng kiếng. Hơn nữa, diễn tả lòng nhớ ơn bằng một phô-bày cụ thể, tiền nhân nào có được gì đâu? Tuy chẳng mấy ai lý sự rạch-ròi như vậy, rồi mới dẹp bỏ việc thờ cúng. Nhưng chính bởi trong tâm trí người ta không có gì sáng lên về những sinh-hoạt tục-lệ ấy thì những tục-lệ phải chìm và tan dần trong bóng tối!

Thật ra, vấn-đề đặt lên chẳng những vì thế-hệ đã qua, mà chính là cho những thế-hệ đang sinh-hoạt, cho những thế-hệ sắp vào đời, và cho những thế-hệ sẽ ra đời “*Có thờ phụng thì họ được gì và không thờ phụng thì họ mất gì?*”

Ai cũng biết quan-trọng trên một bàn thờ không phải là những vật dâng cúng, và ngay cả hình tượng hay bài vị là mấu chốt của sự thờ phụng cũng chưa tiêu-biểu, chưa thể-hiện được sự thờ phụng. Bài-vị có thể thu vào trong một tập lưu-phả, mà thật vậy, một tập lưu phả còn đầy đủ hơn những bài-vị; còn hình tượng chỉ là những hình ảnh kỷ-niệm có thể treo chỗ này, chỗ nọ.

Thể-hiện việc thờ phụng là “*đền*” và

“*hương*”.

Có đèn sáng, hương cháy trên bàn, ấy là bàn thờ, và nơi đấy đang có việc thờ cúng. Bài-vị và hình-tượng cho biết việc đèn hương ấy hướng về ai.

Ta nên hiểu ngôn-ngữ không phải chỉ thực-hiện bằng tiếng nói, bằng chữ viết hay cử-chỉ ra hiệu. Nó còn thực-hiện bằng vật dụng. Một người được tặng một bó hoa, hẳn hiểu người cho hoa muốn nói gì; những trứng ung ném vào một chính-khách thì chính-khách hiểu trứng ấy nói gì.

Về *đèn, hương* - Ở đây ngôn ngữ biểu-tượng hóa trang rất dễ hiểu: Trong giờ phút hành lễ, cúng kiếng trang-nghiêm, tâm-hồn ta kính-cẩn hướng về tiền nhân. Ánh sáng và hương thơm tỏa trên bàn thờ toát lên một không-khí cảm-thông nghiêm-từ là những gì tiền nhân còn đang sống với chúng ta, trong thâm sâu tâm hồn chúng ta. Ánh sáng và hương thơm tiêu-biểu cho những gì thuần-túy nhất của tiền nhân còn lưu lại về sau.

- Hương thơm nghi-ngút khi lễ bái tượng-trưng cho “*danh thơm, tiếng tốt*”. Tất cả thanh danh một đời, những di-huấn và lòng son sắt của tiền nhân, hậu sinh phải thờ-phụng, lấy đó làm răn, cho nên những vật tượng-trưng ấy không thể thiếu trên bàn thờ.

Việc “*Thờ phụng tiền nhân anh hùng*” có phải là một tông giáo (*đạo*) hay chỉ là một phong-tục?

- Nếu coi việc thờ cúng có bàn thờ với hương, hoa, đèn, nhang, ảnh tượng, có lễ-nghi, có điển-sách là những đặc-tính của tông-giáo thì việc “*thờ cúng Tiền nhân anh hùng*” là một tông-giáo như các tông-giáo khác.



bờ cõi.

-Quan Đệ Ngũ, sắc phục đen là vị *Âm Dương phán quan*.

(Quan Đệ Ngũ còn danh xưng là Quan Lớn Tuần Tranh và sắc phục đúng màu là màu đen, nhưng vì dị-đoan sợ sui nên thay thế bằng màu tím).

-ng-nghiệm lạ-lùng với các điều nêu sau:

a- **Tâm linh:** Nêu cao nền minh-triết theo văn-hóa Việt. Tượng là số, số 2 là Đất, số 3 chỉ Trời. Cộng $2 + 3 = 5$, số chỉ tâm-linh.

b- **Ngũ Hành:** Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

c- **Ngũ Sắc:** Đỏ, xanh, trắng, vàng, đen (tím).

Thú tự hóa theo thiên-nhiên thì từ cao xuống thấp: (Tiên Rồng ở trên trời và mây)

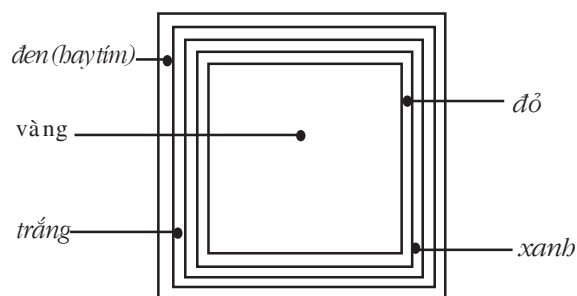
-Cao nhất là mặt trời, màu đỏ.

-Tiếp cận là mây xanh.

-Dưới là mây trắng.

-Dưới tiếp là màu vàng.

-Cuối cùng là mây đen (mưa)



- Ý-Nghĩa Nơi Bàn Thờ

Mới thoát nhìn lên bàn thờ, quý vị thấy ngay Tiên và Rồng. Đó là hai vật biểu-tượng cho nước Việt từ thời cổ-sơ. Trên thế-giới, nước nào cũng chỉ lấy biểu-tượng đơn, tại sao nước ta lấy hai? Xin thưa, đó là nền minh-triết nằm trong văn-hóa nông-nghiệp đề-cao nguyên-lý Mẹ đầy tình người và đức nuôi dưỡng của đất. Hơn nữa, còn nói lên thế quân-bình, không nghiêng-lệch đầy đủ âm dương, nam nữ (Vi duy tâm cũng chết; thời bá-vật đã giết chết bao nhiêu con nít hay trinh-nữ để tế thần; duy vật càng chết nhiều hơn, lấy quốc nội làm thí-dụ điển-hình, con người khác chi con vật!) Chỉ khi nào gạt bỏ những ý thức “Duy một chiều”, đi đúng con đường “nhân bản” (Đối lập thống nhất), lúc đó con người mới thực-sự an hòa., hay nói cách khác: “Vũ trụ - con người và xã hội” thống nhất.

Thiên - Địa - Nhân, tuy ba là một, một là

ba như trong bài thơ “Vịnh Tam Tài” của nhà Nho Trần Cao Vân:

*Trời Đất sinh Ta có ý không
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong
Ta cùng Trời, Đất ba ngôi sánh
Trời, Đất cùng Ta một chữ đồng
Đất nứt Ta ra, Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mênh-mông
Trời che, Đất chở Ta thông-thả
Trời, Đất, Ta đây đủ hóa công.*



Hội Đình Làng

Quan-sát từ trên xuống dưới, rồi qua trái sang phải: ¹

Thứ I: -Trên cao: Thờ Tam Tòa Thánh Mẫu:

Hình giữa là *Đệ Nhất Tiên Thiên Thánh Mẫu*, giáo chủ của đạo Mẫu. Ngài giáng trần hai lần: Lần thứ nhất: Với hiện thân là *Chúa Thượng Ngàn hay Âu-Cơ Thánh Mẫu*. Lần thứ hai: Với hiện thân là *Vân-Hương Thánh Mẫu hay Tiên Chúa Liễu-Hạnh*. Hai bên là hai thiên-sứ tháp-tùng: *Thủy-Hoa và Quế-Hoa* công chúa.

Hai bên có hai cháu đứng hầu: bên tả là *Thánh Cô Ba (Ba)*, bên hữu là *Thánh Cô Chín*.

Thuyền Rồng, kiệu võng là phương-tiện di-chuyển của chư Thánh Mẫu.

-Chính giữa: Thờ Đức Quốc Tổ.

Kế tiếp: Ngũ vị Tôn Quan, đó là năm vị Thánh trong hội-đồng các quan:

-Quan Đệ Nhất, sắc phục đỏ là vị quan tổng chỉ-huy.

-Quan Đệ Nhị, sắc phục xanh là vị giám-sát quan.

-Quan Đệ Tam, sắc phục trắng là vị quan trông coi sông, bể.

-Quan Đệ tứ, sắc phục vàng là vị quan trấn an

1- Xin xem họa đồ ở phần Phụ Lục.

Bàn thờ Tam Tòa Thánh Mẫu luôn luôn được bao phủ; ngoài chướng rủ, trong màn che. Khi có tế lễ, vị đồng đền lên nhang đèn, khấn bái kêu xin mới được phép vén lớp chướng rủ còn màn che vẫn để nguyên. Điều cấm kỵ đặc biệt không để tượng pháp lộ diện, ngoại trừ khi bao sái (lau chùi) tượng pháp và bàn thờ.

Muốn trở thành thanh-đồng phải qua hai giai-
đoạn: **Lễ tôn nhang** và **lễ trình đồng**.

- Lễ tôn nhang (hay nôm-na là lễ đội bát nhang)
là để tỏ lòng tin-tưởng nơi Đạo Mẫu, còn lễ trình đồng
có ý-nghĩa trình-diện trước Tú Phủ một tín-đồ chính-
thức, bằng một đàn lễ bốn căn, bốn mạng. Chủ yếu
của đàn lễ này là lễ tiễn căn (tiễn là đưa đi, căn là căn
mạng, xác thân của mình. Tiễn căn là tiễn đưa căn-
mạng của mình đi).

*Có nơi dùng chữ tiễn căn (dâng lên) thay
chữ “tiễn căn”.*

Ồ hay, tại sao đương còn sống (chưa chết)
mà đã vội làm lễ đưa căn mạng của mình đi?

Để phần trả lời được minh-bạch, chúng tôi
phải trình bày tóm-lược những nét chính về đàn lễ:

-**Thứ nhất:** Thiết-lập bốn phủ gồm: Thiên,
Địa, Nhạc, Thủy ngay trước bàn thờ.

-**Thứ hai:** Lễ vật của mỗi phủ gồm: một
mâm đựng trầu cau, các hạt ngũ cốc, một quả
trứng sống, v.v... Dưới một cấp là lu nước đầy,
có bịt lại bằng giấy và một cái gáo múc nước đặt
trên lu. Dưới sàn là một chậu thau đựng đất. Tất
cả đều được phủ kín bằng một giải lụa (vải) màu
sắc tùy theo từng phủ: Đỏ, xanh, trắng, vàng.

-**Thứ Ba:** Năm người hình nhân thế mạng: 4
cho 4 phủ và một tượng-trưng cho người trình đồng.
Mỗi hình nhân đều có một quyển sổ và màu sắc tương
ứng với phủ; quyển sổ đó ghi tất cả lý-lịch của người
trình đồng: tên, tuổi, địa-chỉ, v.v...

Do đó, lá cờ của bốn Đạo ngoại trừ màu vàng
được đặt vào trung cung, còn các màu khác cũng
theo thứ tự như vậy, cũng như màu sắc khăn áo của
các giá trong vấn hầu đều nhất loạt tuân theo thứ-tự
kể trên.

Hàng đệ I, từ Đệ Nhất Thiên-Tiên Thánh Mẫu,
Đức Vua, Quan Đệ I, Châu Đệ I, Ông Hoàng Đệ I,
Thánh Cô Đệ I, Thánh Cậu Đệ I là màu đỏ - Hàng Đệ
II khăn áo là màu xanh, v.v...

d- **Ngũ Đức:** Thánh Mẫu đã để lại cho con
cháu Việt:

1-Sinh ra trăm họ.

2-Thành-lập Tổ-Quốc Việt.

3-Ăn: bằng nền nông-nghiệp và chăn
nuôi thể-hiện trong đàn lễ, khi các quan giáng lâm
ngự đồng mở phủ. Ngư-nghiệp: giá Cậu Bơ quảng
chài bắt cá.

-Uống: Giá cô Sáu hái trà.

-Mặc: Giá cô Chín dệt gấm thêu hoa.

-Chữa bệnh: Giá cô Bơ.

4-Dạy bảo: bằng một đạo mà căn-bản
chân-lý là Hiếu, Trung, Nhân.

5-Giải-Thoát: Lễ tiễn căn trình đồng
(sẽ trình bày sau).

e- **Ngũ Đế:** Năm họ được làm vua sau 18 đời
Hùng: Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn (Quang-Trung)

*

E- Đường Hướng Giải Thoát:



Thực-trạng, quý vị cũng như chúng tôi, nếu tuổi từ 50 trở lên, ai cũng lo-lắng ưu-phiền khi phải từ-giã cõi trần một cách miễn-cưỡng. Lúc sống nào cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em, họ hàng bên nội bên ngoại, bạn bè, v.v... nào tài-sản, tiền bạc... nhưng khi nằm xuống chỉ còn đơn độc một mình. Ở quê-hương xứ-sở còn đỡ khổ, nơi đất lạ quê người niềm cô-đơn, quạnh hiu lại càng thấm-thía hơn, khi phải chôn chung-quanh những người lạ, lấy ai mà chuyện trò vì ngôn-ngữ bất đồng! Xin khẳng định, nếu Việt Cộng nường tay và nhân đạo một chút, chắc-chắn các cụ gia sẽ quay về quê-hương để gửi nắm xương tàn trong lòng đất mẹ.

Vì là Thánh cũng như bổn-phận của mẹ, nên Thánh Mẫu đã lo và sáng-tạo đường-hướng giải-thoát cho con cháu hậu thế khỏi phải ưu-phiền, thác-mắc khi phải trả thân-xác cho trần-gian. Phương-cách giải-thoát của Đạo Mẫu thật tế-nhị và êm-ả vô cùng. Xin đơn-cử những bằng-chứng thể-hiện trong đàn lễ *mở phủ*.

王大道興聖顯朝陳



HÙNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
Hay Đức THÁNH TRẦN.

(Ảnh cung-cấp nơi Đền Đức Trần-Hùng-Đạo
Đường Hiền Vương, Saigon)

Nhị sà là hai rắn, màu vàng và màu trắng. việc thờ hạ ban chú thần. Người xưa đã quan-niệm rằng: “Một ông thầy thuốc dở chỉ giết một bệnh nhân, chính-trị gia kém làm suy-vong cả một nước; nhưng một người làm văn-hoá sai sẽ tiêu-diệt cả nhân-loại”. Mỗi lo-lắng và quan-tâm đặc-biệt của các triết-gia trên thế-giới là cố gắng tìm kiếm được một nền minh-triết khả-dĩ có thể cứu-vãn được nạn diệt-vong của nhân-loại. Hiện-tượng các nước trên toàn cầu đầu-đầu cũng là lò thuốc súng, các dàn hỏa-tiến tâm trung, liên lục-địa các vệ-tinh, v.v... bố-trí khắp nơi, do kinh-tế chiến-tranh chủ-động; tương-lai không xa lắm sẽ đồng loạt bùng-nổ và thảm cảnh tương tàn sẽ vô cùng khủng-khiếp! Lý-do vì các triết hiện hữu chỉ duy một chiều:, không hiểu được toàn diện vấn đề, nên mất thế thăng-bằng, sẽ nghiêng về một bên, chắc sẽ sụp-đổ và kéo luôn cả sự sống của nhân-loại!

Thời-gian gần đây, nhờ các nhà khảo-cổ đã tìm được trống đồng Đông-Sơn, các triết-gia trên thế-giới đã nghiên-cứu và khám-phá ra nền minh-triết ẩn tàng trong trống, nhất là các hình vẽ trên mặt trống. Nền minh-triết này cấu-tạo bởi văn-hóa nông-nghiệp Việt, theo nguyên-lý *Mẹ Đây Tình Người*. Sự hòa-hợp không những giữa Người với Người mà còn luôn với muôn vật, minh-chứng các hình vẽ nai chà chơi chung với người, khác với các hình vẽ về xưa sâu-tằm trên khắp thế-giới, người cầm lao đuổi thú vật chạy chối chết.

Đến đây cũng xin nhắc quan niệm “*Tam tài*” của tư tưởng Nho học thuộc về chế độ xã hội “phụ hệ” với quan niệm Tứ phủ (Thiên Địa Nhạc Thủy, hay bốn vị vua Bà là Mẫu Cửu Trùng, Mẫu

-*Thứ Tư*: Vàng, bạc, nhà cửa, voi, ngựa, thuyền, chim, v.v.. (bằng giấy) đều được bày-biện tại bàn thờ Ngũ Phương, Ngũ Đế.¹

Lễ mở phủ là phần-vụ của Ngũ Vị Tôn Quan, quan Đệ Nhất mở phủ đệ I (thiên phủ), quan Đệ Nhị mở phủ đệ nhị (nhạc phủ), quan Đệ Tam mở phủ đệ tam (Thủy phủ), quan Đệ tứ mở phủ đệ tứ (Địa phủ), và quan Đệ Ngũ (Quan lớn Tuần Tranh) tán đàn.

Khi các ngài giáng-thế ngự đồng, làm lễ chư thánh bề trên, rồi ngự nghe tấu sớ. Kế tiếp, tẩy uế khai quang các phủ liên-hệ. Sau các Ngài khai hồ mở phủ, múc nước trong lu dội lên đất, bốc một nắm hạt ngũ cốc rắc trên đất ẩm, rồi lại cầm quả trứng nhẹ-nhàng đặt lên ổ. Hành-động này minh-chứng Thánh Mẫu đã truyền phán các vị Tôn Quan về dạy con cháu trồng-trọt và chăn-nuôi để lấy gạo và thịt mà ăn. Giai- đoạn thứ hai, các ngài chứng các hình nhân thế mạng bằng cách khai nhân, khai khẩu, khai nhĩ và phê vào các sổ của hình nhân. Sự kiện này chứng tỏ các Ngài đã chuẩn-y và chấp-thuận cho các hình nhân tạm thay thế người trình đồng đi làm việc tại bốn phủ. Các sổ này khác nào thẻ căn-cước, sớ-vụ lệnh hay giấy thông-hành và tên tuổi người trình đồng. Kể từ phút đó được ghi vào sổ sách của cả bốn phủ. Do đó, khi sống cố gắng tu thân tích đức, làm tròn bổn phận và nhiệm-vụ con dân cho đến lúc trả thân xác lại trần thế, vị có đồng sẽ tùy theo sở-thích, chọn một trong bốn phủ mà thay thế lại hình nhân thế mạng để làm việc.

1-Đồ hàng mã, vàng, bạc, giấy tiền phải đứt khoát loại bỏ; không những tốn tiền vô ích mà còn có hại cho đạo, vì mê tín dị đoan. Xin hãy suy nghĩ và nhận định ngay đến tiền giấy của miền Nam trước đây cũng còn vứt bỏ. Xin đề nghị bỏ tất cả đồ hàng mã và thay thế bằng nhang đèn, hoa quả, bánh kẹo là đủ.

Như thế hỏi còn ai sung-sướng bằng các thanh đồng: khi sống có lý-lẽ vững-vàng để mà sống và lúc nằm xuống có đường-hướng êm-ả để về châu Thánh Mẫu nơi tiên cảnh. Hơn nữa, *trên thế gian này mọi người đều thèm khát và mong muốn được đẹp như tiên và sướng như tiên.*

Cùng với mục đích trên, xin đề cập về việc phân ưu hàng ngày trên báo chí, đài phát thanh, v.v... Tại sao không cầu nguyện cho linh hồn người quá cố về miền tiên cảnh với Tổ Tiên Việt? Không những sung sướng mà còn đúng với câu “Sống gửi thác về”. Tự hậu, câu phúng điếu xin đề nghị như sau:

*“Trả nợ trần gian đau đớn xác,
Viễn du tiên cảnh thanh thoi hồn”.*

Vì đã được Thánh Mẫu lo trước cái lo của con cháu, cho nên các thanh đồng đâu còn phải ưu-tư, thắc-mắc về cái chết như các người khác không theo đạo. Các người đó, họ sợ chết là phải, vì không biết khi chết, hồn họ sẽ bơ-vỡ, lạc-lỡng về đâu hay sẽ bị quỷ sứ áp-giải, giam-giữ tra-tấn ở địa-ngục do một số thầy pháp hay tà giáo bịa-đặt để kiếm kế sinh-nhai, hay làm giàu bất chánh như câu “*buôn thần, bán thánh*”!

Sự-kiện trên đây không những giúp cho tinh-thần của các thanh đồng luôn luôn được thanh-thời mà còn là yếu-tố rất quan-trọng bồi-bổ cho sức khỏe của các thanh đồng được dồi-dào và sống trường thọ là lý đương nhiên. Hơn nữa, các giá trong vấn hầu, chú Thánh giảng lâm ngụ đồng cho ta thấy khi sống ở trần thế, các Ngài làm sao thì bây giờ cũng vậy, dù thời

gian đã qua đi hàng bao ngàn năm về trước. Chúng tôi xin lập lại: Đạo Mẫu không quan-niệm địa-ngục, chính Đức Thánh Tản-Viên được cất đặt với giáo vụ là **Xử dụng vạn năng cảm hóa và cứu độ chúng sinh** nhằm mục-dịch duy nhất hướng-dẫn linh-hồn siêu cảnh-giới vô ưu, hay cao hơn nữa nhập diệu cảnh giới vô sắc mà xuất du thường tại, dứt nghiệp hóa sinh để sống đời đời thoát tục. Đó là kết quả, khi sống tại thế tu thân tích đức được nhiều hay ít.

-Ngang bên tả: Trên là Tú Phủ Thánh Châu; dưới là Tú Phủ Thánh Cô.

-Ngang bên hữu: trên là Tú Phủ Ông Hoàng; dưới là Tú Phủ Thánh Cậu.

-Dưới cùng: Thờ chủ thần hạ ban, tượng-trưng quân lính của chủ Thánh.

Ngũ Đinh thần tướng là năm con hổ năm màu đỏ, xanh, trắng, vàng, đen, *con màu vàng phục ở giữa*.¹

Văn chầu Ngũ Hổ Tướng Quân

*Tướng ngũ hổ hiên ngang khí vũ
Mặt anh hùng đứng chủ sơn lâm.
Rong chơi nước trí, non nhân.
Bao nhiêu bách thú trước sân cúi đầu.
Luyện tiên cảnh, Bồng châu đi lại,
Sang Phật đài, tự tại Như Lai...*

1- Ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ tương đương với ngũ sắc Bạch, Thanh, Hắc, Xích, Hoàng, tác dụng với hiệu lực cụ thể tương đương với sức mạnh của ngũ hổ. Vậy ngũ hổ ở đây chỉ có ý nghĩa tượng trưng cho sức mạnh (Nam thực như hổ).

(Nguyễn Đăng Thục, “Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam”, tr. 268/Tập I, nhà xb. T/P HCM, năm 1998)

sự hòa-hợp dân-tộc đầy tình người theo nguyên-lý Mẹ chối-chang tinh-thần dân-tộc và nhân-bản.

* Không lai-căng, vọng ngoại, nhất-nhất đều Việt tính trong văn hầu:

-Lời Việt, khăn áo Việt, âm-nhạc Việt, văn thơ Việt, nghi-lễ Việt, v.v...

-Phong-tục và tập-quán được diễn *đi diễn* lại liên-tục qua các giá, thể-hiện từ cử-chỉ đến nghi-thức lễ lạy, không những lịch-sự mà còn nêu cao lòng cung kính. Tuy là Thánh, nhưng vẫn phải tôn-trọng tôn-ti trật-tự trong gia-đạo. Vì vậy chư Thánh giáng lâm ngụ đồng, việc giữ lễ trước tiên là dâng nhang và qùy lạy Vương Mẹ, Vua Cha. Khi uống nước, dùng rượu, ăn trầu hay hút thuốc cũng phải dâng lên bề trên trước rồi mới được hưởng, nhất là phải che miệng lúc ăn, uống.¹

-Việc làm cha mẹ vui lòng là một phần của chữ hiếu, cho nên *sau này* mới có chuyện một ông lão (Lão Lai) đã bảy mươi tuổi còn mặc áo đỏ nhảy múa trước mặt cha già trên chín mươi tuổi, để vừa làm trò vui cho cha mẹ, và chứng-tỏ cho cha mẹ biết con còn khỏe mạnh.

Tiếp, cánh trái thờ Nhạc Phủ (Rừng và đồi núi) thờ Chúa Thượng Ngàn (*là Thánh Mẫu Âu Cơ bay là Đức Vân Hương Thánh Mẫu, đứng điễn tích 50 người con theo Mẹ Tiên lên núi*)

-Hầu cận có hai Châu: Châu Lục và Châu Bé.

-Hội-đồng chư Thánh Châu.

-Hội-đồng chư Thánh Cô 12 vị: 6 cô một bên dâng hoa; sáu cô một bên dâng trái cây.

1- Căn cứ theo lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt, chư thánh nữ cũng biểu diễn như chư thánh nam, minh chứng là các nữ tướng của hai bà Trưng.

Địa Tiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, bốn phân khu hay cội trong vũ trụ hiện hữu của truyền-thống chế-độ “mẫu hệ”.

Tứ Phủ Công đồng thờ: *Ngọc Hoàng, Tiên chúa, Mẫu Thoải (Thủy) Mẫu Thượng Ngàn.*

*“Khấp tam giới Động đình Tứ phủ
Hội công đồng văn vũ bách quan.”*

hay: *“Đại căn từ vị Vua Bà
Cộng đồng Thánh Mẫu, tam tòa Chúa Tiên.
(Tứ Phủ Công Đồng văn)*

Tình “mẫu tử” chính là đức “hiếu sinh”, một tình yêu không giới-hạn, vô tư và là bản-nhiên của nhân-loại, đồng nhất với bản tính vũ-trũ.

Chính vì những đầu óc “chật hẹp”, “*duy một chiều*”, nên xưa nay nhiều người đã hiểu nhầm (ngộ nhận) về “Đạo Mẫu”. Họ thường nghe, và nói lại là “Đạo Đồng Bổng” và nhiều khi còn mạnh bạo nói lên với tính cách châm-biếm “Đạo đồng bóng quàng-xiên”. Họ đâu có ngẫm nghĩ xa-xôi:

Chữ “đồng” có nhiều nghĩa:

- Đồng là đứa trẻ ngây thơ, ngụ tâm-trạng hồn-nhiên trong-trắng như *đồng tử, nhi đồng*.

- Đồng là nơi ruộng đất trồng trọt.

- Đồng nói chung về tiền như đồng bạc, đồng công, đồng nợ, “đồng tiền liền khúc ruột”...

- Đồng là thứ kim loại, sắc đỏ

- Đồng là cùng, giống như. (*đồng bào, đồng bang, đồng chủng, đồng minh, đồng môn, đồng sự, đồng tâm, đồng song, đồng niên, đồng thanh, đồng nhân*,...

Chữ “bổng” :

- Vật khuất ánh sáng mà thành ra (cây cao, bóng cả),

- Cái hình soi vào mặt phẳng mà phản chiếu ra như *bóng người trong gương, chênh-chênh bóng nguyệt xế màn*, “*bóng hồng nhác thấy nẻo xa*”,

“*Người xinh cái bóng cũng xinh,
Người dòn cái tình tình cũng dòn.*”
(*Ca-dao*)

“*Quàng xiên*” do đọc chệch danh từ “*quàng then*” = tén ngưỡng ở xã-hội Thượng.

Đồng bóng quàng xiên do đọc chệch “*Đồng Bóng Quàng Then*” với xấu ý cho “*Đạo Đồng Bổng*” là *đạo bậy bạ!*

- Thật ra phải hiểu “*Đạo Đồng Bổng*” là Đạo chung của những người cùng một giống nòi, cùng một Mẹ (Quốc Mẫu), có cùng một hình dáng, tinh thần “*Con Rồng cháu Tiên*”, chứ không có “*quàng xiên*” như một số người vong bản đã cố tình bóp méo!

Bàn thờ của Đạo Mẫu tuy nhỏ và khiêm-cung thật, lại lập tại tư-gia tuy không to lớn, đồ-sộ, xây cất tốn kém cả trăm triệu, nhưng các “**đền thờ**” có những nét đặc-thù tràn đầy *ý nghĩa và* tinh-chất thuần-túy Việt .

Danh từ chỉ định nơi thờ tự cũng đã được người dân Việt phân-định rõ-ràng từ xưa:

-*Chùa dành cho Phật giáo.*

-*Nhà thờ thích hợp cho Thiên Chúa giáo.*

-*Đền có hai nghĩa:*

**Là chỗ vua ngự; nơi thờ thần thánh.*

**Báo đáp, như “Làm con trước phải đền ơn sinh thành” (Kiều).*

- *Miếu : Đền thờ thần, đối với quốc giáo Việt-Nam...*

Danh xưng “Đền” mang ý nghĩa làm người trung, biểu phải lo báo đáp công ơn của tiền nhân.

H- Đạo Mẫu, Di-Sản Tinh-Thần của Dân-Tộc Việt:

Với tất cả những điều đã trình-bày ở trên, sau khi nghiên-cứu, phân-tích kỹ-càng và lượng-giá đúng mức, chúng tôi xin phép được xác-quyết:

1-Công ơn của Đức Quốc Mẫu đối với non sông Việt cùng cực to-tát, ví như trời cao, biển rộng.

2-Chân-lý của Đạo Mẫu thật vô cùng vững-vàng, thuận ý trời, đất, hợp tình hợp lý từ bao ngàn năm xưa và mãi-mãi về sau, vì:

*Không ai thương mình thật tình bằng các đấng sinh thành (*khác máu tanh lòng, xin hãy nhận xét cẩn-thận*).

*Tôn thờ ai không bằng tôn thờ Cha Mẹ, Ông Bà, Tổ-tiên của chính mình trước đã.

3-Một nền minh-triết ẩn-tàng trong Đạo chưa được khai-quật và khám-phá đúng mức. Mặc dù đền đài của Đạo xưa kia đã bị quân xâm-lãng, ngoại nhân và con cháu bất hiếu hòa theo phá-phách làm sụp-đổ (*Triết lý, kinh điển v.v... của đạo, phần bị lấy đi, phần bị triệt hạ hủy hoại hay đốt bỏ!!!*), cộng với lớp bụi bao ngàn năm phủ kín-mít, tuy vậy những viên kim-cương, trân châu và ngọc-tỷ quốc-bảo không bị hủy-hoại, vẫn nằm trong đồng tro bụi.

4- Xuyên qua từ đàn sớ, tế-lễ đến vấn hầu, tất cả đều nói lên tinh-chất thuần Việt, tỉ như:

* Tôn thờ và cúng lạy chư vị anh-hùng liệt-nữ tiền nhân Việt, bao lớp người đã nằm xuống để bảo-vệ và giữ-gìn giang-sơn Việt cho đến ngày nay.

* Hồn thiêng sông núi Việt truyền thông và thấm-thấu vào lòng hiếu thảo của con cháu, hậu thế, sự trung-thành với Tổ-Quốc, luôn luôn treo cao gương ái-quốc tiếp-truyền từ đời này tới đời kia và

giống nhau trong một chủng loại. Ở thảo mộc và côn trùng thì rõ nhất. Có thể nói gần đúng là sinh vật, trừ người, chỉ có chủng loại không có cá vật. Ở người cũng có một tâm chung ai cũng như ai, tương đương với sinh vật. Bởi người cũng là một sinh vật nên đây chính là tâm sinh vật người. Từ tâm này trở lên, con người mới chủ động, tự chủ cuộc sống để xây dựng cái cá-nhân của mình. Đặc thù người vượt khỏi cấp sinh vật bắt đầu từ đây. Tùy theo trí thức (tư tưởng), tùy theo nỗ lực tự xây dựng trong liên đới với tập thể mà mức độ thành nhân khác nhau.

Tư-tưởng Việt rất quan trọng ngày “GIỖ”, giàu nghèo, sang hèn gì cũng không quên ngày giỗ, khác hẳn với Trung-Hoa và Tây phương để ý đến sinh nhật hơn là giỗ...

Sống người khác với sống vật như đã nói. Một con người chỉ hoàn thành tới mức nào đó “cái người ở nơi mình” khi đã mãn phần có nghĩa là khi đã giải quyết được tới mức nào đó những liên đới nhiều mặt với tập thể và tới đó thì trở thành bất tử. Bởi tới đó chỉ còn kết tinh lại tư tưởng (hay thái độ trong suốt cuộc sống) và sự nghiệp làm đuốc soi đường và làm gương cho hậu thế. Đuốc và gương ấy hình tượng lên là **đèn** và **hương** trên bàn thờ, nói tách ra làm hai cho dễ nhận, thật ra chỉ là một, một người thuần túy, người đã trút bỏ tâm-sinh-vật để thăng-hoa.

Như vậy đèn và hương trên bàn thờ mới chính là hình tượng Tổ Tông, một tổ tông đã thăng hoa trong vô hình, vô thể và vẫn tồn tại với hậu duệ, có nghĩa là cái sống tinh hoa, cái sống thật người luôn luôn bất diệt chuyển động liên-miên từ quá khứ vào tương lai trong bối cảnh (đồng thời cũng tạo ra bối cảnh) thiên-nhiên, nhân thuộc và xã-hội tiến hóa.

-Mười hai Thánh Cô còn tượng-trưng cho tất cả anh-thư liệt-nữ Việt đã có công-đức với non sông đất nước từ hai Bà Trưng, Bà Triệu cho đến cô Giang, cô Bắc, và nhất là những liệt-nữ vô danh.

Cánh Phải thờ Thủy Phủ (sông, bể) thờ Đức Lạc-Long Đế Quân (50 người con theo Bố Rồng xuống biển).

-Tiếp dưới thờ tam vị bất-tử: Đức *thánh* Chủ Đồng-Tử, đức *thánh* Phù-Đổng Thiên Vương và đức *thánh* Tản-Viên Sơn.

-Dưới thờ đức Thánh Trần (Hùng-Đạo Đại Vương).

-Hội-Đồng Thánh Hoàng.¹

-Hội-đồng chư *thánh* Cậu.

-Dưới cùng thờ chư anh-hùng liệt-sĩ Việt, đức Trần Bình-Trọng, Lê-Lai, chư liệt *thánh* Yên Bái, v.v...

Đến đây, ta cần khai triển rộng về “Ý Nghĩa của sự Thờ Cúng” hay ý nghĩa về “đền” và “nhang” trên bàn thờ. Trong bài khảo luận “*Từ Hương Lửa Trên Bàn Thờ*” trong cuốn Tết, xuất bản năm 2009,

“Vị biết lửa hương tìm chấp nối
Là hay vàng đá đã trao truyền”

(Thái Dịch LÐA)

Ai cũng biết, quan trọng trên bàn thờ không phải là những vật dưng cúng, mà thể hiện việc thờ cúng là “đền” và “hương”. Có đèn sáng và hương cháy trên bàn thờ, ấy là nơi đây có việc thờ cúng.

Đền và “hương” biểu tượng trong giờ phút hành lễ, tâm hồn ta kính cẩn hướng về tưởng niệm

1- 10 ông Hoàng, 12 Thánh Cô do “ba hồn bảy vía” = chỉ về nam giới (3 + 7 = 10); nữ giới có “ba hồn chín vía” (3 + 9 = 12)



ĐỨC CHỮ-ĐÔNG-TỬ ĐẠI TỬ
 Danh hiệu
 QUANG MINH CẢNH GIỚI HOẠT THÁNH VƯƠNG

tổ tông. Ánh sáng và hương thơm tỏa trên bàn thờ toát lên một không khí cảm thông nghiêm từ, là những gì Tổ tông còn đang sống trong thâm sâu tâm hồn chúng ta. Ánh sáng và hương thơm tiêu biểu cho những gì tiêu biểu nhất của người quá cố còn lưu lại về sau.

Đường đời không đi nữa, nhưng đèn còn đó góp sáng chung vào vốn trong xã-hội cho rạng tỏ hơn, vùng sáng rộng hơn, thấu triệt hơn để những thế-hệ sau khỏi vấp ngã và tiến mau hơn, giải quyết mọi nhu-cầu chính-xác hơn, cao rộng hơn.

Sự nghiệp là những công-trình kiến tạo nhiều loại khác nhau, mỗi người khác nhau và ở những mức-độ khác nhau. Ngay tư-tưởng, một công trình trí não cũng là một loại sự nghiệp, nhưng là thứ sự nghiệp ảo thể biểu-hiện bằng những phóng hướng, những hoạch-định trực đạo căn bản để sinh-hoạt hướng theo mà thực hiện... Tất cả những thực hiện, những tài bồi ấy là sự-nghiệp đích danh cũng tồn tại như tư-tưởng với gia-đình, với xã-hội và nhân loại tùy tầm quan-trọng và tùy tính-chất của chúng. Nếu là những đóng góp thuận chiều cho tồn tiến sẽ là những ơn ích đối với tập thể được lưu truyền mà thành danh, thành gương sáng. Một con người tự thể-hiện suốt cuộc đời là tự thể-hiện ở tư-tưởng và sự nghiệp của mình. Chỉ có bấy nhiêu là tinh-hoa và tùy hiệu-quả của tinh-hoa ấy tác động trong những điều-kiện của ngoại cảnh mà thành bất tử trong gia-đình, trong xã-hội hay trong nhân loại. Ở một sinh vật như cây cỏ, cầm thú thì sự thể-hiện cá-thể dừng lại ở mức phát-triển tối đa của cơ thể khi sinh vật trưởng thành. Ngoài những hình hài tiếp nhận của chủng loại và những dấu tích do hoàn cảnh thì cây cỏ, cầm thú không có cái TA nào hết, nên chúng đều tương tự; sinh vật nào cũng



Nếu như vậy phải chăng chỉ những danh nhân, những bậc siêu-quần mới đáng kính thờ? Tư tưởng Việt khoáng đạt, không công thức hằn như vậy. Danh nhân, siêu-quần là những thành-tựu theo công thức trên một thang giá-trị của một xã-hội. Thang này thường là một sản phẩm chính-trị. Do đó nhiều khi rời khỏi thang này thì những thành tựu theo công thức của nó không còn giá trị nữa. **Trong nhận thức Việt, giá trị một cuộc đời là đối chiếu với hướng tồn tiền của tập-thể.** Mọi sinh hoạt, mọi suy-tư đồng chiều với hướng ấy đều nhiều, ít có một giá trị. Thậm chí nhiều, ít trong giá trị này cũng khó có tiêu-chuẩn nhất định. Tiêu-chuẩn cũng thay đổi tùy theo tiến hóa ở mỗi thời có những nhu cầu khác nhau và đạt những trình-độ khác nhau. Thí dụ như thời cần thống nhất thiên hạ, dẹp bỏ những bờ cõi do lãnh chúa dựng lên thì chiều hướng có tài về quân sự đánh Đông dẹp Bắc là nhất. Nhưng thời mà vũ khí xử dụng vào chiến tranh có sức tàn phá ghê gớm, đẩy lui lịch sử về thời hoang sơ thì kẻ chủ trương dùng vũ khí để giải quyết những mâu-thuẫn và bế-tắc là một tội phạm, kẻ thù của tập thể. Trái lại, ân nhân của nhân loại và của các tập thể là những người tạo ra những hoàn-cảnh, những phương tiện, những phương-thức, những sức mạnh hòa-bình để giải-quyết mọi mâu-thuẫn, mọi sai khớp tiến hóa và văn minh. Hơn nữa tình hoa là một chuyện, bưng sáng để ai ai cũng thấy lại là chuyện khác. Trên bầu trời có phải tinh tú nào cũng thấy được đâu, và có phải cứ tinh tú nào sáng nhất là tinh tú có sức sáng cao hơn cả đâu. **Thành ra giá trị cuộc sống không thể đo bằng một công thức nhất định.**

Ranh-giới duy nhất để phân biệt có giá-trị và không có giá-trị là sự đồng chiều hay nghịch

chiều với tôn tiến của tập thể. Tập thể là tiền đề tối thượng và tôn tiến là định đề căn bản. Nhưng ở ranh giới này việc phân định ra lương thiện và bạo ngược cũng phải nhìn dưới nhiều góc cạnh khác nhau.



Bản thờ hạ ban
NGŨ HỔ
(Trích theo "Technique Et Panthéon
Des Médiants Vietnamiens" của Maurice Durand)

Nằm trong một hệ-thống thờ kính đi từ nhân loại (tôn giáo, triết học, khoa-học, văn học, nghệ thuật) đến quốc gia (quốc miếu, danh nhân, anh hùng liệt nữ) đến xã-hội (thánh sư, tổ sư các nghề nghiệp, những người giàu lòng từ thiện, giàu tình thần xã-hội) đến làng mạc (đình miếu) đến gia tộc, gia đình, **việc thờ cúng gia tiên là khâu căn bản**, giải tỏa bớt áp lực của những sai lầm, thiếu sót ở những khâu rộng hơn - càng rộng càng chứa chấp nhiều thiếu sót, sai lầm.

Hơn nữa không thể căn cứ vào kết quả lớn, nhỏ trước mắt mà định giá-trị cao thấp của một sự nghiệp bởi thường khi thanh-toán một tiêu sản đòi hỏi nhiều tài đức và công sức hơn là phát-triển một tích sản lên gấp 5, gấp 10. Bởi thuyền ngược nước, giữ thuyền không bị cuốn đi còn mệt sức gấp bội xuôi dòng thuận mái lao thuyền đi vun-vút. **Một dân nghèo trong áp bức ly loạn giữ được một gia đình đông đảo và lành mạnh còn khó gấp bội kẻ làm ăn thành triệu phú trong một xã-hội dân chủ và thịnh vượng.**

Như vậy, sao có thể nói chỉ những danh nhân, những bậc siêu-quần mới có tinh-hoa xứng đáng việc thờ kính. Trừ những kẻ phá nát cương thường, bạo ngược, làm tan rã gia đình và xã-hội, còn người dân không có sự nghiệp lớn nhỏ đều có tinh hoa lưu truyền hậu thế, không phổ-cập trong xã-hội thì cũng trong giới-hạn một tộc thuộc.

Nghiên cứu việc thờ kính trong các làng xã Việt mới thấy tư-tưởng Việt thật là khoáng đạt (Có làng đã thờ làm thành hoàng một ông ăn mày chỉ vì cảm phục ông là một người ung-dung, tự-tại bất chấp ngoại cảnh) và hiểu được quan-niệm về một cuộc đời như đã trình bày mới thấy được việc thờ kính gia tiên đã được xây dựng trên một căn-

thang.

Tới đây, chúng ta có thể kết-luận về tư-tưởng Việt trong truyền-thống thờ kính Tổ tiên như sau:

Một cuộc sống là một nỗ lực liên-tục để thể hiện một cái TA trong cộng đồng. Cái TA ấy thế nào phải đợi đến hết cuộc đời mới rõ, vì vậy ngày giỗ quan-trọng hơn ngày sinh. Chết không phải là hết... Chết là một kết toán đi vào bất tử trong giới hạn một gia tộc hay một xã-hội hay nhân loại, tùy theo kết quả những đối đãi khi sinh thời với môi-trường tập thể mà có tác động rộng hay hẹp. Lại tùy theo kết toán ấy mà bất tử ấy nằm ở vùng sáng hay vùng hủy diệt...

Định chế thờ cúng tổ tiên chính là để đề cao những cuộc đời bất tử đã xây dựng bằng những sự nghiệp trên chiều tồn tiến của dòng sống, và đấy cũng là một chỉ đạo cho mỗi thế-hệ kế tiếp biết chiều mà điều-chỉnh sinh hoạt sao cho trí thức đủ mạnh thấu suốt những u tối, hố bẫy trong cuộc đời và sao lòng phải phơi-phới thanh-thơi, trong sáng như nhật nguyệt.



bản trí thức rất chính xác. Xã-hội Việt tan rã ngay khi việc thờ kính tổ tiên rơi dần vào quên lãng mà gốc gác tình trạng này cũng bởi thiếu những dẫn giải tới tình lý khiến việc làm trở thành một sinh hoạt máy móc hay chỉ dựa trên những sự thật nửa vời, không thỏa mãn được tâm trí, rồi gặp những hoàn cảnh không thuận tiện thì người ta xa dần không đoái hoài!

Nhưng dầu cho đèn hương có là hình tượng tinh hoa của tiền nhân thì việc thờ kính cũng là thờ kính tiền nhân sao có thể nói việc làm này chính là vì những thế-hệ hiện tại và những thế hệ sẽ tới?

Đã biết cuộc đời của tiền nhân đúc lại chỉ còn là một tinh hoa biểu-lộ lên là tư tưởng và sự nghiệp mỗi người một khác thì biết ngay dầu là trước hay sau, thế-hệ nào cũng thế, giá trị thật người chỉ ở sự thể-hiện lên được cái tinh hoa tiềm ẩn trong thống nhất giữa thân-phận và hoàn cảnh. Hình tượng tiền nhân qua đèn hương trên bàn thờ là những tấm gương thân thiết và ưu-ái nhất là những bài học thân tình nhất. Lấy chính ngay con người của tổ tông làm tấm gương, làm bài học cho con cháu còn gì quý báu hơn? Ra đời rồi vào đời không phải chỉ tuổi thơ ấu mới bỏ ngỡ. Trưởng thành, mỗi bước trong sinh-hoạt khác nào một vòng quay của chân vịt một con tàu cộng với sức cản, sức đẩy của nước, của gió, cộng với nọ tính trọng lượng mang trong mình, nhất là những lực đẩy con tàu đi xiêu đi vẹo, quanh co, lạc-lỡng trong biển cả. Muốn tới bến, tới bờ, muốn cuộc hành trình có một ý nghĩa tất nhiên phải có một chủ đích đi tới phải có một hướng nhắm cho bánh lái liệu chiều điều chỉnh. Thân thể của tiền nhân, những hiểu biết của tiền nhân là những gương sáng để hậu

thế biết mà chọn lựa hướng đi của mình, chọn lựa lấy một chủ đích trong cuộc đời, nhờ đó mà tự điều-chỉnh ra khỏi những quanh co. Không nói thì ai cũng rõ chủ-đích ấy, hướng đi ấy là lý tưởng của một cuộc đời. Đặc tính của lý tưởng là phục vụ, đóng góp cho nhân quần, xã-hội - Cũng như tàu bè trên biển cả, từng đoàn tàu đi về những bến khác nhau, con người cũng từng đoàn hướng vào những lý-tưởng khác nhau và cũng nhiều thế-hệ kế tiếp nhau cùng nhắm vào một hướng. Chỗ khác nhau giữa tàu bè và con người là biển cả và bến bờ của tàu bè có giới hạn, còn tiến hóa của nhân quần xã-hội thì vô cùng cho nên kẻ có lý-tưởng thì cuộc sống không bao giờ nhàm chán, bởi việc đời luôn-luôn đổi mới, luôn luôn có những vấn đề mỗi thời một khác.

Nhưng tại sao một cuộc sống lại phải có chủ đích? Sống tự nó là chủ đích như kẻ đi dạo cảnh lang-thang cùng hoa cỏ, chân trời cá nước... chẳng thành-thời, hạnh phúc sao? Tàu trên biển cả là vật dụng chuyên chở thì phải có đích đưa hàng và khách đến nơi này nơi khác, chứ cá trong biển cả thì làm gì có đích là để phải bơi tới, bơi lui; cứ lang-thang kiếm ăn, vui đâu thì đến, buồn đâu thì đi, có sao đâu?

Hãy nhìn kỹ vào mọi sống nói chung và sống người nói riêng, rồi tự trả lời những câu hỏi sau đây:

-Hãy tìm sự khác biệt giữa cơ-cấu một sinh vật và cơ cấu một vật vô sinh. Có phải ở vật vô sinh như một tảng đá hay một cục sắt chẳng hạn thì tất cả chỉ là một khối lượng chồng chất đơn thể y hệt nhau, nọ tính và thụ động; còn ở một sinh vật, tập thể cũng như cá thể, tất cả là một tổ chức có phân công giữa những đơn thể dị biệt dẫu khời

chỉ là một tế bào - mà ngay trong một tế bào cơ-cấu tổ-chức phân công cũng rất phức-tạp, tinh vi. Sinh vật không ù-lì, mà có phản-ứng thuận nghịch với những thay đổi trong môi trường tùy theo những thay đổi ấy lợi, hay bất lợi cho sự tồn tại của nó.

Mỗi sinh vật đều có vấn đề tự tồn và mọi phân bộ trong cơ-cấu là được xếp đặt nhằm giải quyết một phần việc trong vấn đề ấy. Đấy không phải chỉ ở cơ thể một cá vật mà ở cộng đồng cũng thế, rõ nhất là ở các bầy ong, kiến, mối; nhưng cả đến một rừng cây cũng có việc cho khối lượng quần sinh và việc cho mỗi cây cối riêng. Sống là có chủ đích, mà chủ đích của sống là sống còn, tiến hóa (sống còn và tiến hóa là một, bởi tiến hóa là cái vui của sống còn và sống còn là các đích của tiến hóa).

Lang-thang sa đâu ấm đấy làm sao sống còn? Làm sao tiến hóa? Như vậy làm gì có chuyện sống là chủ-đích của sự sống, bởi đấy là đường dẫn tới tiêu-diệt chứ không phải giữ được sống mãi. Dựa vào xã-hội, vào tập thể, một số người rất ít có thể lang-thang, vơ-vẩn. Nếu số người ấy lên quá một mức có thể dung-túng thì đó là một tai họa phải giải quyết; sống mà là gánh nặng mà kẻ khác phải dung-túng hay phải giải quyết, đấy là hạnh phúc ư? Hơn nữa lang thang vơ-vẩn cùng mây nước, trời trăng, dẫu cho có được xã-hội dung-túng, nhưng lâu riết cũng nhàm chán, làm gì có sống vui, sống mạnh mà nói hạnh phúc? Hạnh phúc là phần thưởng cho những nỗ lực thành công từng chặng trên đường theo đuổi lý tưởng, không nỗ lực làm gì có thành công, lấy đâu ra hạnh phúc? Và ngay trong nỗ lực là một triển-khai sức sống, vui sống chứ không phải mơ-màng uể-oải? Không thể lằm nhĩ-ngơi để bồi dưỡng sức sống với uể-oải, mơ-màng, lang-

Cái phong ba khéo cợt phùng lợi danh...”

Chính thái-độ xu-phụ này đã sản sinh ra các từ ngữ Hán dân, Hán tộc, Hán học, Hán tự, Hán văn,...không có trong thời phong kiến!

Như chúng ta đã biết thời nhà Tần, Nho học và Nho sỹ bị diệt. Nho sỹ trải một thời thật khổ, không có chỗ dung thân. Thế rồi, Hạng Võ và Lưu Bang tranh thiên hạ của nhà Tần. Lưu Bang trọng dụng nho sỹ, Lưu Bang làm vua đất Hán Trung, nên gọi là Hán vương. Nho sỹ phò Hán vương, bày mưu thiết kế, phò trợ ân đức của Hán vương. Sau khi thắng được Hạng Vũ, muốn trấn áp lòng người, và hướng tất cả vào quyền lực nhất thống của Hán triều, người ta tuyên truyền dựng lên những ý niệm mới bằng những từ ngữ: *Hán văn, Hán tộc, Thiên tử thụ mệnh ư thiên,...*Tối hiện đại, trong các cuộc vận động cách mạng khôi phục danh phẩm của tập thể nhân văn Hoa Lục, ý niệm Hán tộc lại càng được khôi phục một cách hồ-hởi.

Khi tư-tưởng đã bị ngưng đọng ở mặt cụ thể của sự vật, thấy lãnh thổ dưới quyền có giới hạn, lại thấy cái thế có thể dùng võ lực để mở rộng lãnh thổ thì tham vọng hoang tít, muốn trùm bá khắp nơi là điều không tránh được, nên đã *trở thành truyền thống xâm lăng của Trung Quốc.*

Vai trò “*thiên tử*” trong Nho học và trong thời “*Phong Kiến truyền Hiền*” chỉ là một người, trước đại hội chư hầu, tuyên thệ lãnh nhiệm vụ chấp hành “*thiên lý*”, lấy đức hiếu sinh của Trời Đất, cho nên gọi là “*thiên tử*”. “*Thiên đạo mẫn thụ*”, ở người đức này gọi là “*lòng nhân*”. Chấp hành lòng nhân vào việc quản lý xã hội là làm chính trị, cho nên nói “*Nhân đạo mẫn chính*”. Cũng trong các đại hội, các thủ-lãnh chư-hầu phải tuyên

I/ Nguyên-Nhân Nào Đã Đẩy Đạo Mẫu Thành Tật-Giáo và Không Còn Hình-Thức Tôn-Giáo Cổ-Truyền ?



1- Ngoại Kích và Nội công:

a- Ba đối lực chính của Đạo Mẫu:

-Khởi đầu là Rợ phía Bắc sông Dương-Tử.

-Sau đến ba tôn giáo ngoại nhập: Khổng, Phật, Lão,...

- Và nội công (công kích) là lũ con cháu vong thân, vong bản, vọng ngoại.

b- Qua những trình bày trên, ta thấy:

-Đạo Mẫu gắn liền với lịch-sử Việt như hình với bóng, theo đà thịnh suy của quốc-gia Việt-Nam; chỉ khi nào hình mất thì bóng mới không còn.

-Đạo Mẫu là nguồn-gốc văn-hóa nông-nghiệp, xây-dựng trên *nguyên-lý Mẹ* đầy tình người, nêu cao tinh-thần hòa-hợp, không những đối với người mà còn đối với muôn vật và nét đặc-thù là **hiếu hòa**, khác với văn-minh du-mục đầy tính hung-dữ, tàn-bạo và thích chém giết.

-Là ánh sáng văn minh khoa học đã chỉ dẫn sự kết hợp âm dương chuyển động tạo thành dòng sinh và dòng sống. Hơn nữa hiện tượng lưỡng long châu nguyệt là hiện tượng dòng điện cao thế: hai dương một âm.

-Đạo Mẫu là hồn thiêng sông núi Việt, là mãnh-lực hun-đúc tinh-thần tự-chủ, tự cường, ái-quốc, bất-khuất, v.v... của dân-tộc Việt. Nhờ ảnh-hưởng của Đạo Mẫu nên quốc gia và dân tộc Việt đã sống khoảng thời gian trên 2,000 năm thật huy-hoàng và cực thịnh.

c- Thực-thi áp-lực triệt-hạ:

Chiến lược: Dùng vũ-lực để chiếm đất và đặt ách thống-trị.

Kế-hoạch: Tiêu-diệt tinh-thần ái-quốc và tiềm-năng vùng dậy của dân-tộc Việt để dễ-dàng đồng-hóa, băng-hoại, quên nguồn băng các tôn giáo ngoại nhập.

2- Nội Chiến vì Tôn Giáo ?

Phải hãnh-diện và vinh-dự được làm con dân Việt, vì nước chúng ta hơn các nước khác trên thế-giới, đã có một nền văn-hiến trên 5000 năm và một đạo do chính Thánh Mẫu Âu Cơ sáng lập lên từ thời khai dân lập quốc.

Hiện tượng: một quả trứng đội một tảng đá rất lớn cả ngàn năm mà vẫn không vỡ, đã làm những sử gia ngoại quốc khi nghiên-cứu về lịch sử Việt với nước Tàu đã phải sửng-sờ và vô cùng kinh-ngạc. Đây cũng là lời giải đáp, tại sao Tàu dân đông nước rộng mà không toại

nguyện được âm mưu thôn tính nước Việt-Nam để đồng hóa hay Tàu hóa.

Hơn nữa, mặc dầu Tàu đã bao lần sử dụng quân lực đông đảo, tàn bạo đánh phá nước Việt, nhưng chúng vẫn phải dùng ba tôn giáo ngoại nhập, tận lực tấn công đồng loạt, nhằm mục đích áp đảo và triệt tiêu tinh thần quật khởi trải dài gần 1000 năm.

Xin sơ lược chi tiết như sau về ba tôn giáo ngoại nhập khởi thủy:

** Khổng giáo:*

Trung Tín trong chính Nho là trung nghĩa và thành tín. Từ thời Tần về sau, “trung tín” trở thành “Tuyệt đối thờ vua” (Trung thần bất sự nhị quân” hay “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”).

Sang thời “Đế chế cực quyền”, cả một nền văn học Hán và Tống Nho đã đúc nặn ra một bọn bày tôi nô lệ, tranh nhau xu phụ cường quyền, ngược lại với tinh thần nho sỹ thời “Phong kiến truyền hiền” chỉ nhắm vào cái lý đương nhiên, hay thiên lý bằng-bạc trong trời đất.

Tinh thần xu-phụ cường quyền này ảnh hưởng sang Việt Nam, mà nhà Nho Cao Bá Quát đã diễn tả:

“Ngán nhẽ kẻ tham bề khoa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn.

Quần bao kẻ mang cái dầm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ...”

hay “Cánh buồm bể hoạn mệnh mang

** Đường lối tiêu diệt đạo cổ sơ (Đạo Mẫu) vô cùng thâm độc: sáng tác hay tạo dựng những sách vở, viết lên những chuyện hoang đường hết sức vô lý, như Đức Vân Hương Thánh Mẫu giáng trần quía ác độc, giết hại dân lành nên bị các tăng sĩ Phật giáo đánh bại, tha tội chết nhưng bắt buộc phải đi tu để học chữ “từ bi” của đạo Phật!!! Cả đến Ngọc Hoàng Thượng Đế (Ông Trời) có đức biếu sinh mà cũng đã thấm nhuần triết Phật, nên mới phê chuẩn: “Tứ phương lai cúng Phật” để trích giáng đệ nhị Tiên chúa xuống trần (40 năm) về tội khi dâng rượu vô ý sẩy tay làm rơi chén ngọc bể vỡ. Lời phê trên cổ nghĩa nơi chú thích: “4 phương trời, 10 phương Phật là 40 năm”. Hơn nữa từ kinh kệ, số sách cho đến cung cách lễ bái của đạo Mẫu nhất loạt đều rập đúng khuôn mẫu của đạo Phật!*

- Lại còn đầu độc và xúi giục các Phật tử còn nặng lòng tưởng nhớ tới Quốc Tổ Việt-Nam bằng cách chỉ dạy cách bày bàn thờ bằng chuông mõ thay cho chiêng trống. Dùng tăng sĩ Phật giáo tụng kinh Phật lên đức Quốc Tổ và v.v... Hy vọng một ngày trong tương lai Đền Hùng sẽ biến thành chùa Hùng Vương chăng???

** Lão Giáo: Đề cao và cổ động triết lý: cá nhân chủ nghĩa quên mọi người, dù ruột thịt hay đồng bào, chỉ biết sống cho chính bản thân mình, bằng những hình thức: Tu luyện trường sinh bất tử, nghiên cứu, bàn luận về số kiếp, bói toán và khai sinh ra đám phù thủy, gieo rắc bao điều nhảm nhí, dấy mê tín dị đoan trong quần chúng Việt!!! Rất may đạo này không ảnh hưởng tác hại như Khổng, Phật.*

thệ vâng theo thiên tử và giúp thiên tử thực hiện sứ mệnh ấy. Như vậy gọi là “trung thành” (trung nghĩa và thành tín). Họ trung thành với thiên tử cũng là trung thành với thiên mệnh mà thiên tử đã nhận lãnh.

Thiên tử với mệnh Trời sang thời Đế chế cực quyền thành một nhân vật huyền bí, sinh ra đã có “chân mạng đế vương”, chẳng những ai ai cũng phải thần phục, mà cả đến thần thánh cũng ở dưới quyền. Thiên tử thành một nhân vật tuyệt đối, ra đời ngay khi mới thành thai trong bụng mẹ! không còn là một chức vụ nhận lãnh trước một đại hội chư hầu!

Chữ “trung” trong Nho học, nội-dung là trung nghĩa tức là một lòng giữ chắc những điều đã giao ước. Cả thiên tử và các thủ-lãnh chư-hầu phải giữ lòng trung tín. Cho nên vua phải ra vua. bày tôi ra bày tôi, có nghĩa là ở chức vụ nào phải hành xử theo đúng những đòi hỏi của chức vụ ấy. Chính ở điểm này, Mạnh Tử mới nói: “Ta chưa từng nghe nói vua Trụ, mà chỉ nghe nói tên thất phu Trụ...” (Ông không nhận Trụ vương ở địa vị trên ngai vàng, mà nhìn ở hành vi thấy không phải là hành vi của một ông vua).

Với Hán, Tống, Minh và Thanh Nho,... sự tùng phục của bày tôi đối với vua là tuyệt đối. Vua là chủ-nhân tuyệt đối không những của lãnh-thổ dưới quyền, mà tất cả dân cư trên lãnh-thổ ấy đều thuộc quyền vua. Chữ trung bây giờ thành nghĩa trung quân, đem cả sinh mệnh mà thờ vua. Vua xét bày tôi phải chết, bày tôi không chết là bày tôi bất trung. Vua thưởng thị uy bằng chém giết và tàn nhẫn đến giết cả tộc thuộc, gia nhân và tới luôn quê hương làng mạc. Trung quân trở thành cái đạo mù quáng, gây nên một áp-lực

khủng-khiếp vào tâm khảm con người. Thậm chí, cũng cái đạo thờ vua này chi phối đến cả cuộc đời đàn bà, con gái. Người con gái giữ mình không phải để giữ-gìn sức khỏe cơ thể và tinh thần, mà vì mình chỉ là một món hàng giữa chợ, nếu đã “cũ” thì hết giá-trị. Đã lấy chồng là thuộc về một ông chủ (chồng chúa vợ tôi), dầu đó là một ông chủ ngu hèn, hay chết yếu thì cũng là xong một cuộc đời. Cái đạo thờ chồng là chính chuyên, cũng như cái đạo thờ vua là trung liệt, trung thần không thờ hai vua (hai hoàng tộc), gái chính chuyên không lấy hai chồng.

Bọn “nho nô” đã dựa vào pháp gia để củng cố uy quyền của vua và bắt buộc bầy tôi cùng nhân dân phải tuyệt đối phục tùng và trung thành với vua. Đồng thời chủ xướng sự thay đổi chế độ từ mẫu hệ sang phụ hệ đã làm đảo lộn cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của dân tộc nước Việt (cả lịch sử).

-Ảnh hưởng của chế độ phụ hệ đã làm vui sướng, hả hê từ vua chúa, quân thần cho đến các hàng khoa bảng hàn học, nên không những tích cực ủng hộ mà còn tôn thờ hết mình, vì nam giới được thay thế nữ giới nắm quyền chính từ gia đình cho đến triều đình.

-Sử kiện nêu trên phải chăng là những lý do khốc-bại cho nước Việt.

-Chế ngự tinh-thần quật khởi chống đánh quân Tàu (tự nhận là thiên triều).

-Mất 6 trong 9 quận, chỉ còn lại 3 quận (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam).

-Hơn 1000 năm bị lệ thuộc nước Tàu.

-Ngang nhiên chiếm ngôi vị quốc đạo từ thời Bắc thuộc cho đến thời Pháp thuộc.

*** Phật Giáo:** Không thể tung hoành như ở Thái Lan - Cao Miên, v.v... vì các nước này không có quốc giáo. Thấy Khổng Giáo quá mạnh nên phải cúi đầu thần phục để được sống còn và chờ đợi thời cơ. Minh chứng điển hình: Các tăng sĩ Phật giáo đã dùng Hán học làm chìa khóa mở cửa Phật học (Tĩnh Hoa Sử Việt, trang 151).

Độc hại nhất của Phật giáo thể hiện qua các yếu tố sau đây:

-Tiếng mõ đều-đều là âm thanh trầm buồn dễ dàng ru ngủ con người, đã khiến cho một số lớn dân tộc Việt không những mất tinh thần quật khởi chống đánh quân xâm lăng Tàu mà còn mất luôn hồn Việt!!!

-Hình thức cạo trọc đầu đi tu, thể hiện hành động dứt khoát bỏ cuộc sống trần tục, quên bỏ phận và trách nhiệm của con dân đối với quê hương xứ sở. Do đó mới có câu chỉ trích: “Trốn việc quan đi ở chùa”.

-Áp dụng kế hoạch “Bìm leo, đậu đũa” giống như chiến thuật “vết dầu loang” thực thi những quỷ kế chống đạo cổ truyền Việt:

*Tuyên truyền rĩ tai trong đại quần chúng không tin tưởng và chán ghét đạo cổ sơ (Đạo Mẫu) nhằm mục đích chiếm dân các đền đài thời xưa biến thành các chùa thờ Phật. Hành động này khác chi cảnh: Khách đến chơi nhà, dùng mọi âm mưu xảo trá, thủ đoạn đốn mạt biến chủ nhà thành quân gia, đầy tớ và khách trở thành chủ nhân ông!

Vì vậy có những ngôi chùa (có lẽ trước đây là đền thờ Mẫu) bên trong thờ Phật, đằng sau bày trái hai bên thờ Tổ Tiên Việt. Ngay đến các danh lam thắng cảnh, tả như động Hương Sơn nơi Tiên ngự, nay biến thành Chùa Hương !!!

bôi đen và lũng đoạn qua các hành-động:

1-Buôn Thánh Bán Thần: Lập các đền, điện tư-gia, tha-hồ đặt các điều bất chính, không những đầy tính-chất mê-tín, dị-đoan mà còn đầu-độc và lung-lạc tinh-thần con nhang đệ-tử để móc cho sạch hầu bao! Điển-hình câu: “*Hết sạch sành-xanh mới được manh áo đỏ.*”

2- Phá tổ-chức thống-nhất: Có chia-rẽ thì mới làm bá-chủ một cõi và mới kiểm-chác được. Vì vậy mệnh đền nào đền ấy làm, tự bày-biện bàn thờ cho đến nghi-thức lễ-bái. Tuy cùng chung Đạo, nhưng đền này dèm pha đền kia, con nhang đệ-tử đền này đối với con nhang đệ-tử đền kia như kẻ lạ và khịch-bác nhau! Chỉ vì thành-ngữ: “*Lính có cơ (cơ-đội), đồng có cánh (cơ cánh).*” Thậm-chí việc bác ghế hầu Thánh là một việc linh-thiên biến thành trò giải-trí và thú-vui đất tiền! Do đó tạo nên nhiều nghịch-cảnh: *trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.*

3- Điều-bộ lố-lãng: Lập đền là một công-đức lớn-lao, nếu thiếu tài thì phải có đức, nhưng một số đồng đền đã làm những điều chuống tai gai mắt, là đấng nam-nhi lại đóng kịch làm nữ nhi, lấy tên là cô này cô nọ, ăn nói và cử-chỉ ồng-ợ, đánh phấn, tô môi, vẽ lông mày, ăn trầu bôm-bẻm, v.v... y hệt như các cô, các bà!!!

4- Kinh-kệ và số sách:

Hoàn-toàn phó-thác cho đám *pháp sư* và thầy cúng bất-lương, đặt nặng hầu bao hơn là danh-dự và uy-tín của Đạo. Số sách chấp vá lung-tung, lấy của các đạo khác như: Phật, Khổng, Lão, v.v... Chúng tha-hồ bày đặt cúng lễ quái-đản; thường khi lại có sự a-tòng của một số đồng đền như loại kẻ trên, nào lễ dâng sao giải hạn, lễ bán khoán và chuộc khoán, v.v... Một điều hết sức bậy-bạ:

J/ Sơ Lược Những Nguyên Nhân Sẽ Gây Ra Thảm Cảnh Nội Chiến Về Tôn Giáo:

- *Nước Việt-Nam có quá nhiều tôn giáo, ngoại nhập gồm: Khổng, Lão, Phật, Thiên Chúa giáo (thế kỷ thứ 18) và Đạo Tin Lành (giữa thế kỷ 19), tân tạo gồm Cao Đài và Phật Giáo Hòa Hảo (đầu thế kỷ 19), đó là yếu tố gây nạn chia rẽ trầm trọng.*

- *Tôn giáo nào cũng mong muốn chiếm ngôi vị chủ đạo của nước Việt Nam. Do đó làm sao các tôn giáo tránh khỏi sự đụng chạm, tranh giành tín đồ và v.v... Ngoại trừ đạo Tin Lành, còn các tôn-giáo khác, số lượng tín đồ hàng triệu người, nếu chẳng may có sự xung đột hay đánh phá nhau thì non sông Việt sẽ điêu đứng và tan hoang như thế nào?!*

Tưởng rằng chưa xảy ra là điều thiếu sót, không theo dõi tình hình. Thực sự đã có những hiện tượng ngầm kình chống nhau, như kiểu chiến tranh lạnh giữa các tôn giáo ngoại nhập. Rất may nhờ trái độn là đạo thờ Quốc Tổ hay đạo “Thờ Cúng Tổ Tiên” nên không lộ diện được. Xin nêu những chứng cứ liên hệ: Khổng, Phật và Thiên Chúa giáo.

-*Cuối thế kỷ thứ XVIII, Thiên Chúa giáo xử dụng tân học lẫn át và đánh bại cật học của Khổng giáo. Khi chiến thắng đã ngang nhiên dùng danh xưng “công giáo” vì cho rằng Khổng giáo là quốc giáo của nước Việt-Nam.*

-*Khổng giáo bị mất dần ảnh hưởng, vì quá lỗi thời không theo kịp đà văn minh thế giới. Đó là cơ hội cực tốt giúp cho Phật giáo vươn lên. Tuy vậy phải đợi đến thời gian trước và sau khi nền đệ I Cộng Hòa bị sụp đổ. Phật giáo dám cả gan xây dựng và thiết lập nơi thờ Phật tại Sài Gòn, thủ đô của miền*

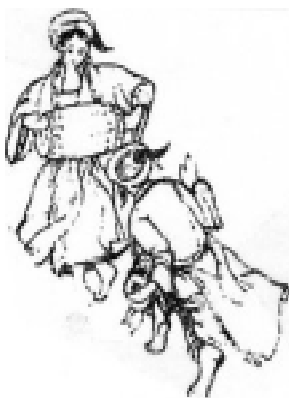
Nam, trưng bảg biệu “Việt Nam Quốc Tự” nhằm mục đích: dẫn mặt Thiên Chúa giáo và biểu lộ dã tâm mong muốn Phật giáo là quốc giáo của nước Việt Nam. Đồng thời cũng thay đổi cách xưng hô từ: chú tiểu, sư cô, sư bác, sư bà, sư ông, sư cụ thành: đại đức (đức đâu mà đại), thượng tọa (ngồi trên đâu ai?), hòa thượng, hòa thượng thượng thủ...

Một nhận định chính xác khác:

-Chính trị chi phối tôn giáo thì tôn giáo sẽ không còn.

-Tôn giáo thâm nhập chính quyền thì chính quyền sớm muộn cũng sụp đổ.

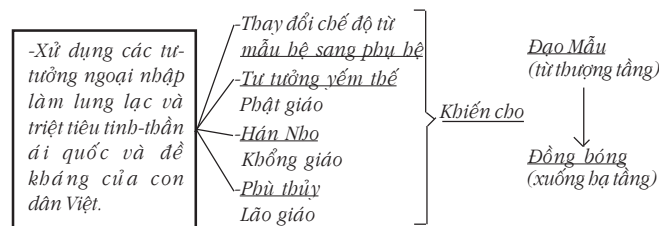
Chúng tôi xin phép ngưng trình bày thêm và dành phần kết luận sự việc sái quấy, công tội về các tôn giáo cho viện nghiên cứu ở tầm mức quốc gia và các thế hệ tương lai. Hơn nữa chúng tôi tự nhận có bốn phận và trách nhiệm: Thắp sáng niềm tin Tiên Tổ Việt đến lớp trẻ mà thôi.



K/-ÁP LỰC TRIỆT HẠ ĐẠO MẪU

1- Rợ Phương Bắc (Thời Thượng Cổ)

Các tư tưởng du nhập:



2- Nội Công:

Song-song với hàng-hà cuộc tấn-công và tàn-phá trong thời-gian trên 2000 năm của quân xâm-lãng và kẻ thù dân-tộc, nhằm mục-đích triệt-tiêu và bạch hóa Đạo Mẫu, một số đông con cháu Việt bất-lương lợi-dụng ``nước đục thả câu'', tiếp tay và toa-rập với ngoại nhân làm Đạo Mẫu càng ngày càng điêu-đứng và tồi-tệ thêm. Điển hình, các vua chúa và hàng quan quyền đời xưa biết hành động tiêu diệt Đạo Mẫu là vô lý, quá sai lầm nhưng vẫn phải nhắm mắt thực hiện. Vì nếu chế độ Mẫu hệ được trọng vọng trở lại thì uy quyền và ngai vàng của nam giới sẽ lung lay và mất đi. Tuy vậy trời đất vẫn ban đặc ân cho nữ giới sống thọ hơn nam giới và số lượng nhiều hơn. Nếu một quốc gia nào trong tình trạng trai thừa gái thiếu, chắc chắn nước đó sớm muộn cũng suy vong. Ngay cả tín đồ của Đạo Mẫu (Đồng đền, thầy cúng và pháp sư) cũng

thực là điều tối-ky, chúng tôi không dám làm vì hai lý do:

-Thứ nhất: Nơi đây có chư Thánh theo-dõi và chúng-kiến.

-Thứ hai: Mai hậu có dịp đi khâm-trực tại một *đền* khác, quý vị thấy mọi sự *đều* khác với những điều chúng tôi trình-bày tại đây hoàn-toàn tốt đẹp. Rồi một sự đã bất tín thì vạn sự sau đó, quý vị sẽ bất tin. *Đây chính là yếu tố khó khăn và bất lợi cho việc phục hồi và chấn hưng Đạo Mẫu.*

Hơn nữa, Đạo Mẫu là di-sản tinh-thần quốc-gia Việt, là của chung tất-cả con dân Việt. Do đó, ai cũng có quyền sửa-sai và bổn-phận tô-điểm thêm, *nếu thấy lầm lỗi hay đúng đắn.*



Hỏi chúng có tư-cách và uy-quyền gì mà dám cả gan ``*Hô thần nhập tượng*`` ? Phải chăng đó là lỗi của chư thanh-đồng đã không ý-thức và quá dễ-dãi, nên chúng mới thao-túng được? Chỉ có người nhẹ dạ hay bị rĩ-tai lôi-cuốn nên mới tin chúng. Đây là cách làm tiền của chúng, nếu nhờ cúng lễ dâng sao giải hạn, gia-chủ phải chi tiền cúng và tiền số riêng-biệt. Mỗi lá số in sẵn và bao chừng 50 xu, nhưng chúng tính từ 5 đến 10 đồng *tùy theo người giàu nghèo*, gia-đình có bao nhiêu người là từng đấy lá số, có khi làm số luôn cho các thân-nhân còn bên quốc nội!!! *Hơn nữa để dễ dàng móc tiền của thiên hạ, chúng còn tuyên bố: “Số sách phải viết bằng chữ nho mới có giá trị”. Đọc lên không ai hiểu, chỉ nghe loáng thoáng tên tuổi, địa chỉ, ngày tháng năm. Ấy thế mà cũng có người tin.*

Điều sai quấy thứ hai, nếu xét tư-cách và đạo-đức, chần-chần không ai nặng tội bằng chúng. Vậy kẻ đã có tội làm sao xin tội cho người khác được, có khi còn bị tội lây với chúng nữa. *Tốt hơn hết, đã là thanh đồng (cấp hai của đạo), nếu có điều gì muốn kêu xin với chư Thánh tại sao quý vị không tự làm lấy, cần gì phải nhờ tới thầy cúng để không những tiền mất mà còn mang tội nữa. Tại phần phụ lục sẽ trình bày hình thức và cung cách lễ bái cùng các số cầu an và cầu siêu.*

5- Hầu Thánh (lên đồng): Vì không thấu hiểu chân-lý của đạo nên làm sao có đức tin, như phần trên đã trình-bày, đa-số thanh đồng theo Đạo chỉ vì miễn-cưỡng, đổ thừa cho căn mạng, số.

nghiệp. Do đó nửa tin, nửa ngờ và luôn-luôn dẫu kín. Khi cầu được, ước thấy thì tỏ tin-tưởng lắm, còn lúc không được như ý thì chán-nản và buông-thả. Đây là những lý-do tai-hại mà tôi đã theo-dõi và thu-lượm trong ba năm trời. tại sao phải hầu vì:

-Thấy người khó chịu, đau ốm bất thường, làm việc gì cũng bị hư-hỏng và thất-bại, v.v...

-Trước khi mở tiệm buôn bán, làm ăn, v.v... hay đi đánh bạc khẩn cầu: buôn một bán mười, đông khách hàng hay được bạc, con sẽ hầu. (Lối này là cách mặc-cả với Thánh!)

-Đánh bài được, trúng số hay buôn bán phi-pháp, gặp may kiếm được nhiều lời, cho là Thánh độ, vội-vàng hậu tạ, v.v... và v.v....

Khi hầu còn bày nhiều cảnh chướng tai gai mắt, nặng phần trình-diễn hơn là tỏ lòng cung-kính đối với chư Thánh:

-Nào khoe-khoang khăn châu, áo ngự, v.v... đẹp và đắt tiền.

-Nào lộc lá nhiều để phát.

-Nào nhiều người tai mắt, giàu có tới khâm trực.

-Các giá ngự đồng thiếu trang nghiêm, luôn-luôn nhí-nhảnh và cợt-nhả với thanh đồng, đạo quan khâm trực, rồi lại còn làm duyên làm dáng trước ống kính!

Chú thích: Cấp bậc thứ tự theo đạo Mẫu được qui định như sau: Tôn nhang là cấp I, thanh đồng là cấp II, đồng đền là cấp III, pháp sư là cấp IV. Muốn trở thành pháp sư phải có đầy đủ yếu tố: đồng đền lâu năm, giàu kinh nghiệm về lễ bái và có tài đức.

Đã gọi là bác ghế hầu Thánh, nhưng lại hầu Thần hạ ban: thần hổ, thần rắn, hết ăn trứng sống, nằm dài trước bàn thờ, rồi lại uống rượu phun phì-phì. Muốn làm cho người hầu tỉnh phải đập vào mình và kêu mưa! mưa!

Đau lòng, nửa khóc nửa cười khi phải chứng-kiến cảnh hầu hết sức quái-dẫn này! Như thế mà lại có một số thanh đồng cho là hay và bất-chước!

Tệ hại hơn nữa, nhiều đền, điện *tại tư gia* bày bàn thờ thật khó mà giải-thích nổi, không tuân theo một hình-thức nào, tạo dấy vẻ khôi-hài và nhạo-báng. Khôi-hài ở chỗ Đạo thờ Thánh lại để thờ Phật, bất-chước đủ kiểu: từ lễ bái, số sách cho đến khi gặp nhau, lúc nào cũng niệm ` *Nam Mô A-Di Đà Phật* ' ngay lúc ăn mặn. Nhạo báng ngay ở cung-cách: trên thờ tượng Phật, dưới cúng heo quay và lễ mặn. Khách-quan nhận xét cho rằng: Định tâm dự Phật phá giới, bỏ chay hưởng mặn? Ấy vậy có nhiều vị tăng cũng tới đền chiêm-bái, thụ lộc và không nêu ý-kiến gì. Thật lạ-lùng khôn xiết!

Đến đây, chắc quý vị đã đặt câu hỏi trong *đầu*, tại sao chúng tôi dám cả gan phơi bày những điều không tốt cho Đạo với các luận-điều đả phá và chỉ-trích quá mạnh như vậy.

Nhờ ra phải che-dấu đi mới đúng.

Thưa không và mãi-mãi không. Việc trình bày nêu trên không phải là hành-động ` *vạch áo cho người xem lưng* ' mà chỉ thể-hiện điều nói thẳng, nói thực và nói hết. Nói dối, nói sai sự

người Nam (dân tự trị) đến với người Bắc (dân bảo hộ).

-Cuộc di cư gần một triệu người từ Bắc vào Nam khi hiệp định Genève được ký kết.

-Sau khi chiếm được miền Nam (30/4/75) con cờ hay bức bình phong với danh xưng “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam” không được dãi ngộ xứng đáng, trái lại còn bị âm thầm thanh toán, thủ tiêu. Sự chống đối đã nhen nhúa bộc lộ qua câu “Câu lạc bộ Kháng Chiến miền Nam” hay câu: “Vào với vàng vợ vét về.”

-Vấn nạn này cũng nhen-nhúa lan-tràn trong tập thể dân Việt tỵ nạn ở hải ngoại, bắt đầu bằng sự sáng lập các hội đoàn địa phương.

3/Các Đảng Phái Kinh Chống Nhau:

Đảng phái nào cũng tự nhận:

-Lập trường và hành động của họ mới thực chính nghĩa và hữu hiệu phục vụ dân tộc.

-Việc thu hồi được chủ quyền quốc-gia là công lao của đảng họ.

-Do đó đảng họ mới có đủ uy tín, tư cách và khả năng nắm chính quyền và lãnh đạo quốc-gia.

Dữ kiện nêu trên sẽ là nguyên nhân tạo cảnh: lục súc tranh công hay thập nhị sứ quân và thảm kịch tồi tệ sẽ diễn ra: chém giết nhau từ hải ngoại, lên tàu bay, trên phi cơ, xuống phi trường, tại nội địa, v.v... tại sao? Chỉ vì thiếu “hồn

J- Tại Sao Đạo Mẫu Trường Tôn Mặc Dầu Bị Nội Công, Ngoại Kích Thê-Thảm ?

Ba Nguyên-Nhân Chính:

Thứ Nhất:

-Chân-lý của Đạo: Quá vững-vàng, thuận trời, đất, hợp tình, lý, nhất là ẩn-tàng một minh-triết “Đại Ngã Tâm Linh”, không những cứu giúp dân-tộc Việt mà còn ngăn chặn được hiểm-họa tận diệt.

Thứ Hai:

-Bàn thờ gia tiên: Điều mà quân xâm-lăng và kẻ thù của dân-tộc coi *thường* và không bao-giờ ngờ tới. Cho nên có lệ-thuộc cả ngàn năm mà vẫn không thể đồng-hóa được hết dân-tộc Việt.

Thứ Ba:

-Lực-lượng nhân-dân: Mới thực đáng kể, vì được lũy tre xanh bao-bọc, vun-duỡng một nền văn-hóa nông-nghiệp thuần-hậu, các thuần-phong mỹ-tục tốt đẹp. Do đó nảy sinh những cứu-tinh của dân-tộc như: một mục-đồng Đình Bộ-Linh, một áo vải Lam-Sơn (Lê-Lợi), một nông-dân Bình-Định (Đại đế Quang-Trung), v.v...

Đây là một chứng tích cụ thể phải ghi lại cho hậu thế: chớ liệt vị anh hùng nêu trên, không bị khuyênh đảo và khống chế bởi hán học, vẫn còn hồn Việt nên mới dám chống đánh thiên triều chủ nghĩ (Tầu).

L/ Đạo Mẫu Sẽ Đóng Góp Những Gì Trong Tương-Lai Cho Đất Nước Và Dân-Tộc Việt ?

Khi đạo Mẫu đã được con dân Việt ý-thức và *quyết tâm* phục-hồi ngôi-vị nguyên-thủy là Việt-Giáo hay Chủ Đạo, sẽ:

a- Là chính-nghĩa thực-sự không vương một chút vọng ngoại, giúp chúng ta dễ dàng vượt thắng mọi trở-ngại để đi tới thành-công, trên các lãnh-vực: xã-hội, chính-trị, kinh-tế và quân sự.

b- Là chân-lý cốt-cán trong đời sống: Hiếu - Trung - Nhân. *Nếu đem so sánh với các đạo hiện hữu trên thế giới sẽ vượt trội không những về thời gian thành lập đạo mà còn hơn về triết lý nhân sinh vì con dân Việt là hoa Trời, ngọc Đất, gia đình Việt là vườn ươm tình người và tình nước.*

c- Là phép màu không những giúp chúng ta phục-hưng được non sông Việt mà còn sẵn-sàng cứu giúp nhân-loại khỏi thảm họa tận thế, khi các “duy” một chiều nghiêng lệch và sụp-đổ. Nền minh-triết ‘Đại Ngã Tâm Linh’ ẩn-tàng trong Đạo Mẫu sẽ hiển-hiện để giữ thế quân-bình và thăng-bằng cho thế-giới.

d- Là chất keo thiêng-liêng chứa trong bọc điều của Tổ Mẫu Âu-Cơ để hóa-giải, hòa-hợp và kết đoàn trăm họ. Hiện tại chúng ta phân-hóa và chia-rẽ trầm-trọng, chỉ vì chúng ta thiếu chất keo “*hóa giải*”. Nếu chưa hóa-giải được những hiềm-khích, hận-thù và tội-lỗi thì sao mà hòa-hợp được

để đi tới đoàn-kết và thống-nhất. Thời-gian đã minh-chứng điều nêu trên: hơn 24 năm, những tiếng kêu gào thảm-thiết bất tận, có đem lại kết-quả gì đâu! Càng kêu gọi đoàn-kết càng chia-rẽ trầm-trọng, và chúng ta đã làm một việc thiếu suy-xét: Chặt gạch làm tường mà không có hồ, vữa thì làm sao mà tường không đổ, nếu càng cao lại càng nguy-hiểm.

đ- Là thánh quyền mới có thể hóa giải, chế ngự và vô hiệu tất cả đại vấn nạn cho dân tộc Việt. Nếu không tiên liệu trước để có các biện pháp ngăn ngừa hay chống đỡ, đến khi bất thành linh xảy ra, thì quốc gia Việt sẽ phải hứng chịu những thảm họa vô cùng nguy hiểm trong cảnh nôi da xáo thịt, cốt nhục tương tàn, khác chi cảnh nội chiến!!! Xin liệt kê sơ lược những đại vấn nạn đang âm-ỉ chưa phát hiện rõ ràng:

1/Oán hận và trả thù

Khi thu hồi được chủ quyền quốc-gia, chắc chắn sẽ có những cuộc trả thù tập thể chưa từng có giữa Quốc - Cộng, vì hàng năm cứ đến ngày 30 tháng 4, từ chính quyền cho đến các gia đình nạn nhân đều tổ chức lễ tưởng niệm hay lễ giỗ cho các vị anh hùng tuần tiết hay người thân quá cố. Những hình ảnh các cuộc tàn sát tập thể sẽ diễn lại và mãi mãi sống trong tâm hồn con dân Việt!

2/Nạn chia rẽ Bắc - Nam

-Chính sách độc hại: “Chia để trị” của thực dân Pháp đã và đang âm-ỉ gây sự thù ghét giữa

được điều nêu trên, từ người lính cho đến hội-viên hay đảng-viên yên tâm, vững chí và hăng say làm tròn bổn-phận, vì họ tâm niệm và tin-tưởng rằng:

-Sinh mạng và công-lao của họ chắc-chắn sẽ được chư Thánh che-chở, thấu hiểu và ghi công. Điểm đặc-biệt của Đạo Mẫu là thờ phụng chư Thánh vô danh nhiều hơn chư Thánh hữu danh. Chư vị "*Thánh Vô Danh*" có thể là một người dân, hay một binh-sĩ khi đã tu-luyện đức hạnh viên mãn sẽ đạt tới cảnh giới vô-sắc, công đức *đối với* quần dân, phẩm-hạnh *đối với* Thượng-đế.

-Cấp chỉ-huy hay cấp lãnh-đạo của họ không dám lợi-dụng, lường-gạt như thời trước, sợ chư Thánh thường-xuyên theo-dõi, kiểm-soát và nếu làm sai quấy sẽ bị trừng phạt ngay.

Tóm lại, việc làm gì mà êm-ấm từ bên trong ra tới bên ngoài, thuộc cấp và cấp chỉ-huy, *dân chúng và chính quyền* đồng-tâm nhất trí, nhất là được ràng-buộc với nhau bằng một sợi giây thiêng-liêng cấu-tạo bởi hồn thiêng sông núi Việt chắc-chắn sẽ có hiệu quả và thành-công vô cùng.

Nếu theo Đạo Mẫu, chắc-chắn các nhà cách-mạng và chính-trị sẽ noi gương đức Thánh Phù-Đổng Thiên Vương, gạt bỏ hẳn quyền lợi cá nhân, không màng công danh phú-quý mà chỉ nghĩ và chu-toàn quyền lợi của dân Việt và non sông Việt. *Điều cần thiết phải tâm niệm: Trước khi hoạt động, quý vị nêu trên phải thực thi cuộc cách mạng bản thân, có nghĩa là phải nghiêm khắc với chính mình nhưng dễ dãi, hài hòa với tha nhân và đồng bào ruột thịt.*

Việt", nên đã đặt quyền lợi của cá nhân, đảng mình trên quyền lợi của quốc gia và dân tộc.

4/Ngoại Nhân Bóp Nát Cơ Đồ Nhà Nam:

Công cuộc đấu tranh quang phục quê hương, phần đông đều nghĩ: không thể tự lực cánh sinh mà phải dựa vào thế lực của ngoại nhân. Vì vậy, một số đảng phái sẵn sàng làm đầy tớ trung thành hay tay sai đắc lực, mới hy vọng được ngoại nhân siêu cường chỉ định về nắm chính quyền điều khiển quốc gia. Hơn nữa, đất nước được hưng thịnh hay suy vong đều tùy thuộc vào viện trợ. Quá khứ đã minh chứng bài học về viện trợ, xin liệt kê sơ lược như sau:

- Nền đệ I Cộng Hòa bị đảo chính và sụp đổ chỉ vì dám cãi lệnh, làm trái ý của chủ nhân ông.

-Nền đệ II Cộng Hòa cũng làm mất miền Nam chỉ vì mối lợi của quốc-gia Việt quá tầm thường, nếu so với quyền lợi to lớn của nước cờ thế giới.

Tóm lại đừng bao giờ quá tin tưởng và y lại vào viện trợ, vì không có một sự giúp đỡ nào của ngoại nhân mà không có hậu ý hay mưu đồ trục lợi và nếu không được toại nguyện họ sẽ đập đổ và bóp nát cơ đồ nhà Nam tức khắc!!!

Và đây là hai chìa khóa mà đức Quốc Mẫu đã cho chúng tôi để hôm nay xin thưa trước quý vị:

1- Chìa Khóa về Nhận Tội để Phục Vụ:

Ai trong chúng ta, từ bé tới lớn, chưa một lần phạm tội? Che mắt được tòa-án trần-gian, chú làm sao dấu nổi được tòa-án lương-tâm. Nói như vậy có nghĩa là luật-pháp chỉ buộc tội khi ý-định phạm pháp đã thể hiện trên hành-động cụ thể như ăn trộm, giết người, v.v... Hơn nữa, cho dù có bị phạm pháp quả tang, nhưng *“đa kim ngân phá luật lệ như thường tình”*. Ngược lại, với tòa án lương tâm, kẻ phạm pháp đã bị kết tội ngay khi ý-định phạm pháp vừa chớm nở và không có phương sách nào cãi để chạy tội được, ngoại trừ sớm biết ăn-năn hối-cải.

Nếu luận tội thì không tội gì to lớn bằng tội để nước mất, nhà tan, muôn dân lầm than, khổ-khổ. Vì câu: Nhân bất học bất tri nghĩa lý, cho nên nghèo, ít học, dân-giả, binh-sĩ tội ít. Giàu, trí-thức, chính-quyền, tướng tá tội nhiều. Xin nêu thí-dụ điển-hình *“một người dân và một cảnh-sát cùng phạm tội như nhau, quan tòa sẽ xử người dân một năm tù mà cảnh-sát bị phạt hai năm hay nhiều hơn, vì cảnh-sát viên đã học và biết luật còn làm bậy và phạm pháp”*. Muốn được hưởng khoan-hồng hay trắng án, không gì bằng biết ăn-năn hối-cải và thật tâm nhận tội. Chịu tội với Tổ-tiên, với lịch-sử, với các chiến sĩ đã nằm xuống vì chính-nghĩa, với đồng-bào quốc nội đang rên xiết trong gông cùm của loài quỷ đỏ và nhất là đối với hậu thế. Thời-điểm tốt nhất là khi tổ-chức các lễ lớn hàng năm như lễ Đức Quốc-Tổ, lễ đức Thánh Trần, v.v... đồng loạt quỳ và xin thề kể từ giờ phút đó sẽ đời công chuộc tội. Sau khi đã làm lễ chịu tội, tất cả các

thành-phần hải ngoại yên tâm vững chí mà hoạt-động. Những đòn báo chí (nếu có) bới lông tìm vết, vạch lá tìm sâu hay ngậm máu phun người sẽ hoàn-toàn vô hiệu và vô duyên. Trường-hợp sau khi đã nhận tội nhưng chứng nào vắn tắt ấy, tự bản-thân đã nói lên sự sảo-trá, gian-dối, lạc hồn, vong-bản.

2- Chìa Khóa Thứ Hai về hành-Động

Yếu-tố nghi-ngờ, suy bụng ta ra bụng người là một trở-ngại vô cùng lớn-lao, ngăn-cản hành-động tiến tới thành-công. Vì vậy, cho dù các công việc hay, các kế-hoạch có hoàn-mỹ đến đâu, chắc-chắn cũng sẽ rơi vào thảm-trạng thất-bại. Tính nghi-ngờ lẫn nhau đã tiêm-nhiễm và thấm-thấu vào tâm can dân Việt từ lâu, ví như con chim đã hơn một lần suýt chết, vì bị tên bắn, cho nên cứ thấy cây cong là bay mất. Xét kỹ lại thời gian trước và sau ngày mất miền Nam, chỉ vì vụ lợi và túi tham không đáy, đã khiến cho binh-sĩ nghi-ngờ cấp chỉ-huy thì còn đâu là tinh-thần chiến-đấu. Đoàn-viên nghi-ngờ đảng trưởng thì còn đâu là đảng nữa. Vì vậy, muốn mọi việc gặt hái được thành-công, điều-kiện tiên quyết phải làm sao đánh tan được lòng nghi-ngờ giữa cấp dưới với cấp trên. Trước đây đã đề cao câu: *“Cá nhân phụ-trách, tập-đoàn chỉ-huy”* nhưng quá-khú đã cho ta thấy câu đó không những lỗi-thời, vô-hiệu mà còn là bức bình-phong che-dấu những sảo-trá và mưu-đồ của những kẻ đứng sau hậu-trường giật giây! Vậy không gì bằng khẩu-hiệu khác: *“Tập-đoàn phụ trách, toàn dân đóng góp tài-lực và chư Thánh Việt-Nam hướng dẫn và điều khiển”*. Xin nhấn mạnh hai chữ Việt-Nam. Thực-thì

của nhóm Hưng-Thế-Nguyên hầu tổng-kết phần thuyết-trình, trước khi tiếp-nối phần giải-đáp thắc-mắc:

“Đất thiêng là đất Mẫu từ bao-dung, che-chở cho tất cả những người con ăn cơm nhà đi vác ngà voi, xênh-sang trong những tòa lâu-đài hùng-vĩ của kẻ khác, rồi tự cho mình là tiến-bộ, ngoảnh nhìn lại mảnh đất khô héo của Tổ Tiên, liếc xéo qua ngôi nhà nhỏ bé xiêu vẹo của dòng giống đã bị bao phen phong vũ tả-toi mà bĩu môi chế nhạo và cho rằng chỉ có ta là đã tìm ra chân-lý và cũng chỉ có ta là đã thức-thời cao kiến, biết đi theo cái đà thịnh-đạt của xã-hội nhân-loại. Nhưng dầu vậy lòng Đất Mẹ vẫn tha-thiết xót-sa, thương tưởng những bầy con lạc-lỡng mà vẫn bao-dung nuôi-dưỡng và thầm ước mơ một ngày kia chim bay lạc hàng ngàn dặm lại biết quay đầu về tổ cũ.

Đất Việt thiêng lắm! Đất Việt thiêng lắm! Đừng phải kiếm tìm đâu nữa mới có đất thiêng. Đúng như vậy đấy, hồi người anh chị em cùng chung máu mủ, hãy về đây, hãy về đây, ta cùng xây-dựng lại ngôi nhà siêu vẹo, thay cột, đổi kèo, tô đắp tường vách lở-loang, dồn nén mộng hờ cho kín-đáo, sơn lên những lớp sơn tốt để giữ gỗ lâu bền, rồi một ngày kia ta sẽ tự-hào gom-góp kỳ công xây-dựng lên tòa lâu-đài tinh-thần hùng-vĩ của dân-tộc Việt tọa-lạc trên mảnh đất thiêng của dòng giống Việt ngàn đời...”



Hơn nữa, trước sức mạnh liên-kết của loài quỷ-quái trên thế-giới đủ màu sắc: trắng, đỏ, vàng, đen...Nhất là mãnh lực của đồng “Đô la”; một đạo quân vô-tiền-khoáng-hậu, không có binh sĩ, tướng tá, vũ khí mà toàn là tổng thống hiện đang trấn ngự, bá chủ hoàn cầu trên mặt trận kinh tế!!! đang ra sức tàn phá và gieo tang tóc cho giang sơn Việt. Sức trăn không thể nào thắng được, vậy chúng ta phải kêu cầu uy linh chư Thánh Việt Nam giúp chúng ta tiêu-diệt chúng và mang lại tự-do, no ấm cho dân-tộc Việt. Hãy áp-dụng kinh-nghiệm của tiền nhân, mỗi khi đất nước gặp cơn nguy-biến như hiện tại, toàn dân đồng thanh khẩn: “**Non sông Việt đang nguy khốn và điêu-linh, Bố hãy về cứu chúng con**”. Đức Tổ Phụ Lạc-Long Đế Quân chắc-chắn sẽ hiện về dưới hình-thức người phàm trần, với đầy-đủ đức và uy-quyền để xoay đổi thời cuộc và dựng lại cơ-đồ Việt-Nam.

3- Chìa Khóa Thứ Ba Về Hồn Việt

Thưa quý vị:

Trước khi tiếp-tục trình-bày các tiết-mục sau, để thay đổi không-khí, chúng tôi xin bình một bài thơ “bảy chữ tám câu” với tựa đề: “**Mẫu Nghi Thiên Hạ**”, tâm thành kính dâng lên Đức *Đệ nhất* Thiên Tiên Thánh Mẫu của bốn giáo cũng như của nòi Việt để tỏ lòng biết ơn và kính phục.

Đạo hiếu khai-thông khắp nẻo đường
Mẫu từ bậc nhất, sánh tình thương.
Sáng ngời chính-nghĩa lu tà-giáo,
Chối-lợi uy-linh vững lập-trường.

Chân thực vẫn hơn điều nguy-biến,
Lý tài sao lại đạo cương-thường.
Muôn niềm tin-tưởng nơi Tiên Tổ,
Đời đạo tuy hai vẫn một đường.

Câu phá: Chúng tôi đã dùng lối trực-khởi, nói lên căn-bản chân-lý của các (đường) Đạo phải học chữ Hiếu đầu-tiên. Con người đã bất hiếu với cha mẹ thì mong gì hữu ích cho xã-hội và nhân-loại, vì vậy bất hiếu sao thành Phật-tử tốt, bất hiếu sao thành con chiên ngoan.

Câu thừa: Nói lên sự so-sánh về tình thương thật hợp lý vô cùng. Trên trái đất này hỏi còn ai thương mình bằng người mang nặng đẻ đau và sinh-dưỡng mình? Khác máu tanh lòng, xin nghĩ và xét cho kỹ.

Câu thực và luận: (3 + 4) và câu luận (5 + 6) xin miễn giải-thích vì nghĩa đã rõ-ràng.

Câu kết (7 + 8) Trải dài theo lịch-sử Việt, bao lớp anh-hùng, liệt-nữ tiền nhân đã lần-lượt nằm xuống để bảo-vệ và gìn-giữ Đất Mẹ, nơi đó chúng ta được sinh ra và lớn lên. Công ơn của tiền nhân khác chi trời cao, vũ-trụ rộng. Do đó, hỏi ai trên trái đất này đủ tư-cách và đức-độ để chúng ta tin-tưởng hơn là chính Tổ-tiên chúng ta? Vì vậy xin tất cả hãy đặt niềm tin nơi *Tổ Tiên*. *Tổ Tiên còn có nghĩa cả đen lẫn bóng: Quốc Tổ Việt Nam là Mẹ Tiên (Tổ Tiên).*

Nét đặc-thù không thể tưởng-tượng được của tín-ngưỡng cổ-truyền: Đạo Mẫu với lịch-sử Việt keo-sơn gắn bó như hình với bóng, cho nên phục-vụ và hy-sinh cho Đạo là phục-vụ và hy-

sinh cho giang-san và dân-tộc Việt. Còn các đạo khác thật khó nghĩ và nan giải vô cùng cho tín-đồ, vì giữ được đạo thì không còn nước. Do đó, đã có những lời thốt ra của miệng: *Thà cam chịu mất nước chứ không chịu bỏ đạo!!!*

Thành-thật xin lỗi quý vị, vì chúng tôi cứ phải nhắc lại hoài hai chữ Việt-Nam vì đã tù lâu, người ta chỉ lạm-dụng danh-từ đó mà thực-tế thì không bao-giờ đúng với nghĩa của hai chữ ấy!

Thưa quý vị:

Cây có cội, nước có nguồn, mỗi dân-tộc có một bản-sắc và một lịch-sử riêng. Đặc-biệt nước Việt của chúng ta có thêm một nền minh triết và một tôn-giáo riêng. Đó là niềm vinh-dự và hãnh-diện vô cùng to-tát. Hơn nữa nền văn-hóa nông-nghiệp thời cổ-sơ ẩn-tàng một tín-ngưỡng tích-lũy đặc-tính **Nguyên-Lý Mẹ** đã được các nhà khảo-cổ và triết-gia thế-giới khám-phá, phanh-phui ra và phần đúc-kết là do triết-gia Kim-Định, vì vậy chúng ta khỏi cần mất công và thời-gian trưng-bày chứng-tích để được công nhận.

Quý vị cũng như chúng tôi là những người thiếu-hiểu và thăm-thía nghĩa của hai chữ ly-hương, cho nên đều khao-khát trở về chân trời cũ, mong tìm lại nguồn nước xưa chan-chứa tình yêu và sức sống của mảnh đất sinh thành. Không lẽ chúng ta cứ mãi-mãi là cánh chim lãng-tử mãi-miết bay về phương trời vô định! Để tỏ lòng thành kính biết ơn nhóm đàn anh đã đi tiên-phong trong việc phục-hồi và phục-hưng Đạo Mẫu, chúng tôi xin trích đọc một đoạn trong bài ``Đất Thiêng``

lại, biểu tượng nên hòn núi cao. Dù nhang lớn cắm thành ba hướng, nhưng chân nhang phải chụm lại trong bát nhang (*ý nghĩa cùng nguồn gốc và không chia rẽ*).

2/ Việc phát lộc phải theo tôn ti trật tự trong Đạo. Trước khi phát lộc bất kỳ món gì cũng phải dâng lên cúng Mẫu. Vị được phát lộc đầu tiên là đồng điền sở tại (vị được vua sai, Mẫu cất lập đền thờ, kế tiếp là pháp sư, rồi đồng điền các đền khác, rồi đến tay nhang và hầu đồng. Sau nữa là cung văn và sau cùng là chư thanh đồng, thanh nhang và đạo quan khâm trực. Điều cấm kỵ là không được nhìn mặt phát lộc để tránh tình trạng quen biết phát nhiều, không quen biết phát ít hay lơ đi. Như vậy đâu còn Thánh cách nữa.

2- Lợi hầu: Loại hầu này nửa sai, nửa đúng.

Sai như đã trình-bày ở phần trên. Hối-lộ và mặc-cả với Thánh.

Đúng nếu cầu lộc, nhưng không ảnh hưởng và thiệt-hại cho người khác như xin cho công việc được vững-vàng, thêm tài thêm lộc, mua được nhà để ở, sắm xe cộ để có phương-tiện đi làm hay đi chơi, v.v...

3- An Hầu: Cầu bình-an, hạnh-phúc và mạnh-khỏe cho thân-nhân trong gia-đình nói riêng và cho bách gia trăm họ nói chung. Loại hầu này là căn-bản của bốn giáo, nói lên và đề cao được đạo NHÂN trong Đạo Mẫu, không oán-

1- Tay nhang ngồi bên trái có nhiệm vụ dâng nhang, mỗi nước rượu, v.v...

Hầu dâng có nhiệm vụ lên nón, khăn áo, v.v... cho vị hầu ngồi bên tay mặt.

IV.- Giải-Đáp Thắc-Mắc

Để thực-thi đúng nguyên-tắc thuyết-trình và trước khi đi vào tiết-mục này, chúng tôi xin thưa trình trước quý vị hai điều như sau:

Thứ nhất: Ông trưởng nhóm sẽ đọc quan-điểm của nhóm, trong đó gói-ghém tất cả chủ-trương và lập-trường cùng những ước mong của chúng tôi.

Thứ hai: Xin phép quý vị được tiên-đoán một số câu hỏi với hy-vọng trùng-hợp những thắc-mắc của quý vị:

Câu thứ nhất: Tại sao không gọi là Đạo Đồng Bổng lại đổi là Đạo Mẫu? Đồng bổng là gì? Có phải là đạo của ông đồng bà cốt không?

Xin thưa: Để phù-hợp với ý-nghĩa hơn nên phải cải đổi là Đạo Mẫu, vì Thánh Mẫu đã khai lập ra Đạo từ *thời gian 50 người con theo mẹ Tiên lên núi*.

Danh xưng Đồng Bổng cũng đẹp-đẽ vô cùng, có lẽ chỉ đứng sau danh-từ Đồng-bào, vì nó cũng là sản-phẩm nảy sinh trong bọc điều của Thánh Mẫu Âu-Cơ. Một trăm trứng nở ra một trăm con, tất-nhiên một trăm người con này phải cùng chung (Đồng) hình-hài bồng (Bổng) dáng. Như vậy, đạo Đồng Bổng có nghĩa là Đạo của những người cùng chung hình-hài, bồng dáng, hay nói cách khác là **Đạo Của Giống Dòng Bách-Việt**.

Đa số người Việt cũng như tôi trước đây bị đầu-độc quá lâu nên đã có những thành-kiến

quá sai lầm về Nội Đạo, thường xử-dụng hai chữ 'Đồng Bồng' để chế riếu và nhạo-báng. Đúng là mình lại *tự cười chê* mình thật đáng buồn!

Thưa quý vị, với những điều trình bày nêu trên đâu có gì khiến ta phải chỉ-trích và nhạo báng? Có chăng là phê-bình về việc hành-đạo của một số tín-đồ nhất là các đồng đền đã làm nhiều điều sai quấy để mang tiếng xấu cho Đạo. Hơn nữa, khi mà nhà đã không còn nóc, tất-nhiên phải chịu cảnh mưa gió giải-dầu! Đạo Mẫu đã bị triệt hạ, triệt tiêu gần 2000 năm và không còn hình-thức tôn-giáo cổ-truyền nên ảnh-hưởng trầm-trọng tới vấn đề hành đạo và giữ đạo.

Nhìn các tôn-giáo khác giàu mạnh và đông-đảo tín-đồ, nào kinh-diễn, nào giáo điều, nào kỷ-cương, v.v... lại thêm chủng nọ, viện kia không ngừng nghiên-cứu việc thay xấu tô tốt, nhưng việc hành đạo và giữ đạo đâu có được tốt đẹp cả. Khôn-khéo và hơn nhau chẳng qua là giỏi bưng-bít. Còn ông đồng hay bà cốt hoàn-toàn ở trong lãnh-vực tín ngưỡng khác mà chúng tôi không dám bàn-luận tới.

Câu hỏi thứ hai: Lên đồng chỉ là trò giải-trí hay thú vui đắt tiền, làm gì có thánh ngự mà chỉ có ma nhập mà thôi?

Xin thưa: Vừa đúng, vừa sai. Chúng tôi xin được trình-bày một cách tóm-lược: Bồn đạo không xử-dụng danh-tù lên đồng mà là hầu Thánh; Chữ lên đồng do miệng thế-gian bày đặt với ác ý. Để giải-thích và phân-tích điều sai và đúng, hầu Thánh gồm bốn loại như sau:

1- **Cưỡng hầu:** Bó buộc phải hầu, mỗi năm tối-thiểu một lần (vấn có nghĩa là một lần hầu Thánh) nếu không sẽ bị trừng phạt như gặp sui-sẻo, vận hạn, đau ốm, bệnh hoạn, tật nguyền, v.v... và có thể bị vật chết! Đây là loại hầu hoàn-toàn sai, gây bởi sự đầu-độc và ung-thối từ đời nọ tiếp đời kia mà đa số thanh đồng mắc phải chỉ vì chưa hiểu và thấm-nhuần chân-lý của Đạo. Tương-lai sẽ không còn loại hầu này và thay thế bằng loại Hầu Trình. Loại hầu thực tập này (*giống như luật sư phải có thời gian tập sự mới được hành nghề*) chỉ dành cho các đồng tân lính mới, sau khi đã thực hiện đàn lễ trình đồng. Lúc thực tập hầu Thánh sẽ được các vị: Đồng đền, pháp sư và cựu thanh đồng chứng kiến, theo dõi, nhận định từ cách-thức lễ bái, điệu bộ và cử chỉ khi dâng nhang, khai quang và làm việc, cho đến việc phát lộc và thưởng cung văn. Nhất nhất phải nghe văn và làm đúng, nhằm mục đích bổ khuyết những điều sai trái, thiếu sót, v.v... Sở dĩ có hiện tượng Đồng Đá vì khi tung khăn phủ diện, người hầu không biết phải làm gì!!! nên không dám tung khăn. Các thí dụ điển hình:

1/ Lễ lạy của Đạo Mẫu khác với các tôn giáo khác, chấp tay các ngón tay đan vào nhau, ý nghĩa đoàn kết thành một khối. lạy Tam Tòa Thánh mẫu trước rồi lạy Sơn Trang (Mẹ) tiếp lạy Thủy phủ (Bố). Sau cùng lạy Tứ Phủ Công Đồng (Khắp các nơi nêu trên đều lạy 5 lạy, vì là Thánh. Bao nhiêu lạy là bấy nhiêu vái. Điều cấm kỵ là lạy chư thần hạ ban (vì là súc vật).

Hình thức cắm nhang: Ba cây nhang phải chụm

nghiệm vô cùng như tránh được tai-nạn, lấy được lại điều hên trong các trường-hợp khó-khẩn hay rủi-ro, v.v...Mỗi được chư Thánh phát trong lúc hay sau khi làm việc xong.

3-Kế tiếp là **lộc hoa quả, bánh kẹo**: Nếu thanh-đồng đạo quan ý-thức và nhà có bàn thờ gia-tiên, nhận lộc mang về, dâng cúng bàn thờ gia-tiên trước và sau đó mới được hưởng. Vì lộc Thánh bằng gánh lộc trần. Sử kiện này nói lên ý-nghĩa của chữ hiếu: Đi thưa (*thấp nhang tại bàn thờ gia tiên*) về trình (*dâng lộc Thánh*). Do đó quý vị nào được chỉ-định phát lộc phải hết sức giữ ý-tử kẻo không mang tội. (*Thứ nhất: Tránh quay lưng vào bàn thờ khi phân-phát lộc - Thứ hai: Không được quăng ném, dù là một điều thuốc hay viên kẹo.*)

4- **Sau cùng lộc tiền**: Chữ tiền đi liền với chữ bạc đã có ý-nghĩa không mấy tốt. Tiền mới còn khả-di chấp nhận, nhưng tiền cũ thì bẩn vô cùng. Nó đã chuyển tay bao nhiêu người, chỗ sạch cũng có, nơi dơ cũng nhiều. Do đó điều tối kỵ là không nên trưng tiền lên bàn thờ, không những khó nhìn (*các Ngài đâu có cần tiền của trần-gian*) mà còn chứng-tỏ sự vô-lễ đối với chư Thánh. Tiền bạc nên bỏ vào thùng nhang đèn tại bàn thờ hạ ban.

Và bây giờ chúng tôi xin trình-trọng đón nhận những ý-kiến của quý vị.

trách hay trả-thù, hãy vị-tha và dùng đức-độ để cảm-hóa, vui-vẻ và tâm thành hầu Thánh để nguyện-cầu cho tất-cả con dân Việt được hưởng phước trời đức đất trong cuộc sống nơi trần-thế, cho dù một số đông vì chưa thấu hiểu chân-lý Đạo Nội nên chống-đối, bài-bác, nhưng họ vẫn là những người cùng chung máu mủ trong bọc điều của Thánh Mẫu. Tương-lai không xa lắm khi mà các thanh-đồng cố-gắng giải-thích và quảng-bá ý hay nghĩa đẹp về chân-lý của Đạo Mẫu chắc-chắn họ sẽ tỉnh-ngộ và hướng quay về nguồn cội và Đạo Nội. Quên quá khứ, quên nguồn gốc đâu còn là người Việt nữa.

4-Minh hầu: Loại hầu này là nấc cao nhất của bốn giáo và có thành-ngữ: ``Thánh Linh Nhập Thể``. Hầu Thánh cầu được sự sáng suốt từ thể-xác cho đến tâm-hồn, vì trần-gian đầy bụi bặm và tối-tăm. Xin đưa một thí-dụ điển-hình để giải-thích về loại hầu này. Con người ví như một bộ máy, chuyển-động được là nhờ bình điện thần. Nhưng nếu đôi khi được các luồng thánh điện cung-cấp tất-nhiên bộ máy sẽ hoạt-động mạnh-mẽ trên mọi phương-diện. Để bình-diện thần có khả-năng chứa đựng được Thánh điện, điều tối quan trọng là phải thường xuyên tu thân tích đức, nếu không bình điện sẽ bị nổ tung. Thanh-đồng hầu theo loại này có thể đôi ba năm mới hầu một vấn và trước khi hầu phải có thời-gian cả tháng để chuẩn-bị và dọn mình chịu lễ Thánh-linh Nhập-thể. Hơn nữa muốn hầu được thực đồng, thực bóng người bác ghế hầu Thánh phải tâm thành và có đức tin cao độ.

Một kỷ niệm với cố triết gia Kim Định, tháng 4 năm 1988, tôi biểu cụ Trần Hữu Phúc, chủ tịch hội Cao Niên và hội Đền Hùng hải ngoại 10 cuốn Đạo Mẫu. Cụ Phúc lại tặng triết gia Kim Định một cuốn. Chỉ hai ngày sau, triết gia điện thoại mời tôi tới nhà và ngỏ ý muốn mua sách. Chỉ hai ngày sau, nhóm chúng tôi gồm 4 người: Ông Tá, ông Phu, giáo sư sử địa Nguyễn Văn và tôi đến tậ xá của triết gia. Sau khi chào hỏi, tôi liền thưa ngay: “*Sách viết làm tốt làm đẹp cho đất nước, tôi không dám bán. Nếu linh mục cần, tôi xin biếu 50 cuốn.*”

Sau cuộc gặp gỡ và biếu sách chừng một tuần lễ, và 5 đêm liên tiếp, triết gia Kim Định dùng điện thoại, nêu các thắc mắc, đặt thành những câu hỏi liên quan tới cuốn Đạo Mẫu. Không lần nào dưới 1 tiếng, có khi trên 1 giờ. Đây là một câu hỏi điển hình trong hàng chục câu: “*Khi rước kiệu có hiện tượng kiệu bay, đúng hay giả tạo?*” Phần trình bày và giải đáp như sau: Ví như một chiếc xe hơi, tốc lực tối đa trên 100 miles/1 giờ, với nhiên liệu thường và bình điện thần, nay được thay thế bằng nhiên liệu cực tốt và bình điện Thánh, chắc chắn chiếc xe đó sẽ đạt tới tốc độ tối đa không tưởng tượng được. Với các vị khênh kiệu, nếu gặp tình trạng như trên, vì bất thành linh 2 yếu tố tâm linh: Đức tin và luồng Thánh điện gặp nhau và hòa hợp sẽ tạo lên sức mạnh phi thường. Do đó, đôi khi có hiện tượng kiệu bay trong đám rước là chuyện phải có. Xin lấy chính bản thân tôi làm thí dụ điển hình: 4 năm với 8 lần hầu Thánh trong các vấn hầu, trạng thái tinh thần của tôi lúc nào cũng cảm thấy: lâng lâng, nhẹ nhàng, vui vẻ, sảng khoái và v.v... Cho

nên khi mãn (vãn) hầu, quý vị khâm trực đều nói: Đôi lần làm việc của các giá, thân hình tôi có vẻ như muốn bay bổng lên trần nhà. Xin kể thêm 1 chuyện hết sức kỳ lạ, như quý vị đã biết, làm việc lao động cứ 2, 3 tiếng được nghỉ giải lao, lần nghỉ nào tôi cũng đi tiểu tiện, quen lệ thành tật. Ấy thế mà khi hầu Thánh, mỗi vấn hầu, thời gian từ 8 đến 10 tiếng. Tại sao tôi không buồn đi tiểu. Nếu đi thì vấn hầu sẽ bất thành. Chuyện này không phải riêng tôi, mà ngay cả các cụ già trên 70, 80 tuổi cũng quên luôn việc đi tiểu???

Câu hỏi thứ ba: Lộc lá mua sắm để phát chơi, chứ đâu có phải là lộc Thánh?

Xin thưa cũng như câu trên vừa sai vừa đúng. Nếu hầu vì cưỡng-bách thì đúng hoàn-toàn, trái lại nếu là an-hầu hay minh hầu thì sai. Vấn đề lộc được phân định bốn loại như sau:

1- Tốt nhất là lộc âm: Lộc âm được mạnh-khỏe, may-mắn, bình-an vô sự. Cầu gì được nấy, miễn là điều kêu xin phải thực đúng và không làm thiệt-hại cho người khác. Chư Thánh phát phần thưởng này cho các thanh-đồng đạo quan có đức-độ, ngoài đời xử-sự đúng lẽ, khi khâm trực giữ thái-độ và cử-chỉ thật nghiêm-trang, chúng tỏ lòng tôn-kính chư Thánh. Vấn đề khâm trực cũng rất quan-trọng vì vậy đã có câu:

“*Khâm trực không giữ nghiêm-trang
Tài lộc không được, tội mang vào mình.*”

2-**Thứ đến lộc mồi:** Được minh-mẫn, sáng-suốt từ thể-xác cho đến tinh-thần. Có thể là bùa hộ mạng, nếu biết giữ-gìn cẩn-thận sẽ linh-

cứu-giúp con dân Việt sớm thoát khỏi gông cùm
và cạm bẫy của các loài quỷ Đỏ, Trắng, Vàng, Đen
để nơi-nơi được no ấm, thanh-bình và hạnh-phúc
như câu:

“...Cho lúa ngập vàng đồng (no), nong vàng kén (ấm)
Cho trăng trong gió quạt sáo diều vu (thanh-bình)
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù (hạnh-phúc)...”
(Sinh Thành)

*Một lần nữa, chúng con kính lạy Tam Tòa
Thánh Mẫu chấp thuận cho phép cuốn Đạo Mẫu
được góp mặt với sách vở, báo chí hải ngoại và
quốc nội, nhất là được các cơ quan truyền thông
Việt đón nhận và sẵn sàng quảng bá rộng rãi.*

*Kính lạy Tam Tòa Thánh Mẫu
cùng chư Thánh thuộc Tứ Phủ Công Đồng.*

Kính chào quý vị,

Viết tại **Đền Đức Vua Bát-Hải**
Động-Đình cuối năm **Đinh-Mão, 1987.**
Phụng-thảo:
Thanh Đồng Tròn tức Quán-Đức-Me.

V- Kết Từ

Thưa quý vị,

Là người Việt, hỏi ai trong chúng ta mà
không hân-hoan vui-mừng và hân-diện. Vui
mừng vì nước Việt chúng ta có Đạo từ bao ngàn
năm xưa do Thánh Mẫu Âu Cơ sáng-lập lên. Tự
hỏi và tự trả lời: Có bao nhiêu nước trên trái đất và
có bao nhiêu quốc gia thành lập được Đạo? Một sự kiện
hiếm quý như vậy, tại sao?

- Dân Việt không chấp nhận ngay, cùng nhau
cố gắng sửa chữa, tu bổ Đạo cổ truyền của nước Việt
Nam để đạt được chân - thiện - mỹ hoàn toàn.

- Cứ phải chạy theo tư tưởng của ngoại nhân
để bị mang tiếng là vọng ngoại? Nếu nghiên cứu kỹ,
Đạo của họ chưa chắc đã đúng, hay hơn Đạo Mẫu của
nước Việt-Nam.

- Hân-diện vì tín-ngưỡng cổ-truyền của
chúng ta sẵn có một nền minh-triết vô song mà
các triết-gia trên thế-giới đang mong muốn áp-
dụng để làm cứu-cánh, hầu tránh cho nhân-loại
thoát khỏi nạn tận thế trong tương-lai. Hiện tại
các Đạo trên thế-giới chỉ *duy* về một chiều,
không *duy* tâm thì *duy* vật, sẽ nghiêng lệch và
việc phải đến là sự sụp-đổ.

Nghiên-cứu và nhận-dịnh về tôn-giáo,
chúng ta không thể nào chỉ xét về mặt nổi: giàu
mạnh và đông-đảo tín-đồ mà phải xét về chiều
sâu là căn-bản chân-lý. Hữu hình hóa tôn-giáo
ví như một căn nhà, chắc-chắn chúng ta không
thể nào chỉ quan-sát bên ngoài mà vội-vàng kết

luận tốt, xấu. Muốn cho việc lượng giá được đúng mức, điều tối quan-trọng là chúng ta phải khám xét nền móng của căn nhà đó, kể là phẩm chất đất nơi xây nền, rồi mới tới cột, kèo, mái và tường vách chung quanh. Nếu nền móng đã không vững chắc, kiên-cố lại xây cất trên đất xấu thì căn nhà đó càng vĩ-đại bao nhiêu thì lại càng dễ-dàng sụp-đổ bấy nhiêu cho dù có cố-gắng sửa chữa và tu-bổ cũng chỉ kéo dài thêm thời-gian mà thôi.

Không dám lộng-ngôn, mà chỉ trình lên điều hết sức thật, Đạo Mẫu với căn-bản chân-lý hiếu - trung - nhân quả vững-vàng, không những thuận ý Trời-Đất, hợp tình lý mà còn hàm-súc nguyên-lý Mẹ tràn đầy tình người, hòa-hợp muôn vật và nhất là được xây dựng trên đất Việt linh-thiên. Tóm lại, Đạo Mẫu là di-sản tinh-thần vô cùng quý-báu của dòng giống Việt, vì vậy chúng tôi đâu dám cả gan nhận và giữ làm của riêng được. Nếu đã là của chung thì tất cả con Tiên, cháu Rồng phải có bổn-phận và trách-nhiệm làm tốt làm đẹp cho Đạo. Hơn nữa xin khẳng định: chúng tôi không có khả-năng sáng-tạo cũng như không có cao-vọng xây-dựng một sự việc mới mẻ, những điều đã được trình-bày trước quý vị là những sử-kiện đã sẵn có trong Đạo. Công việc hiện-tại và tương-lai của chúng tôi là đào bới lớp bụi thời-gian của hàng bao ngàn năm bao-phủ dày đặc để cố-gắng đi sâu vào kho tàng tinh-thần bát-ngát của nền đạo-lý cổ-truyền, ngõ hầu tìm kiếm thêm được những điều hay mới lạ.

Trước việc làm hết sức trọng-đại, có tầm mức quốc-gia mà nhóm của chúng tôi quá nhỏ

bé, không những tài hèn, trí đoản mà còn thiếu thốn về mọi phương-diện, như vậy thì làm sao vượt thắng được mọi trở-ngại, khó-khăn để có thể đạt được mục-dịch mong muốn **phục-hồi Đạo Mẫu lên ngôi-vị nguyên-thủy Đạo Nội hay Chủ Đạo của nước Việt-Nam**.

Do đó, chúng tôi xin đặt kỳ-vọng vào quý vị, những bậc cao-minh, các hàng thúc-giả, hay các vị còn hồn Việt, nhất là thế-hệ trẻ (thấp sáng niềm tin cho họ), vì quyền-lợi tối linh-thiên của Tổ-Quốc đồng-tâm hiệp lực với chúng tôi, cùng nhau xây-dựng lại tòa lâu-đài tinh-thần hùng-vĩ của dân-tộc Việt, hiện đã bị đổ nát vì phải hứng chịu hăng-hà cuồng phong bão-táp trải dài trên hai ngàn năm. Vì ý-thức được tội lỗi đã làm và can-đảm chịu tội nên chúng tôi không dám xử-dụng điều mà nhóm Hùng-Thế-Nguyên đã viết: ``Tự-hào góp kỳ công...`` mà chỉ cầu xin đem di-sản tinh-thần dân-tộc Việt trao truyền cho lớp hậu-thế để tạ tội, mong rằng có thể xóa đi được phần nào những vết nhơ trên trang sử của thế-hệ chúng ta. Và đó cũng là câu kết luận buổi thuyết-trình ngày hôm nay của chúng tôi. Một lần nữa, chúng tôi xin thay mặt nhóm '*Phục-hồi và Chấn-hưng Đạo Mẫu*' cùng tất cả thanh-đồng đạo-quan hiện-diện nơi đây, tâm thành kính xin **Tam Tòa Thánh Mẫu** cũng như chư **Thánh Tiên Thần thuộc Tứ Phủ Công Đồng** phù-hộ độ-trì cho quý vị và quý quyến mãi-mãi được nhiều sức khỏe, may-mắn và sở cầu như ý.

Trước khi ngừng lời, chúng tôi cũng không quên thỉnh-cầu chư Thánh, Tiên, Thần Việt-Nam

Địa thị địa lai, Thiên thị thiên
 Âm Dương nhị khí cần tương liên.
 Thống thiên, thống địa, thống tam quang,
 Bao thiên, bao địa, bao kiên khôn.
 Khảm, ly, chấn, đoài dương tứ trụ
 Càn, khôn,坎, tốn thị vi thiên.
 Địa Mẫu bốn thị Mồ-Kỷ Thổ.
 Bao dưỡng tiên thiên dữ hậu thiên.
 Phụ quân bốn thị huyền đồng tử,
 Tha lung ngã á phối thành song.
 Thần dữ khí hợp hóa thiên Địa
 Khí dữ thần hợp sản hiền nhưn.
 Chơn khí vi Mẫu, Mẫu thị khí
 Chơn thần vi tử, tử thị thần.
 Âm Dương hội hiệp chơn tạo hóa.
 Tạo hóa thiên địa sản hiền thần,
 Tuy nhiên bất hội nhưn ngôn ngữ.
 Tam cửu, nhị bát thời thời hành,
 Tử mẫu bất ly hoài thai dựng
 Thân hoài hữu dụng thập niên chỉnh.
 Thập niên thai túc, quái hào định.
 Thai mẫn sản xuất lục hiền quân,
 Thiên hoàng, địa hoàng, nhân hoàng thị.
 Phục Hi, Hiền viên dĩ Thần Nông.
 Phục Hi năng hóa Thiên hợp Địa
 Âm Dương nhị khí, Bát Quái phân.
 Thần Nông hoàng đế trị ngũ cốc,
 Hiền Viên hoàng đế trị y khâm.
 Ấm thực, y phục từng thử khởi
 Lưu hạ hậu thế chiếu dạng hành.
 Tam thế chư Phật từng ngã xuất,
 Bồ Tát bất ly mẫu nhất thân.
 Các vị chư thần bất ly ngã
 Ly ngã hà sửa khứ an thân.
 Đông Tây Nam Bắc tứ hộ châu

VI/ Phụ-Lục

Tịnh Đán Tán

Thanh tịnh chi thủy, nhật nguyệt hoa khai,
 dương liễu chi đầu sái trần ai, nhứt trích tịch huyền
 đàn, trừ uế, trừ ương, tiêu tai giáng cát tường.

Thanh - Tuyên - Long - Biến - Hóa - Tịnh

Trần Đại Thiên Tôn



HẦU ĐỒNG

(Trích theo "Technique Et Panthéon Des Me'dians
Vietnamiens" của Maurice Durand)

Vô thượng Địa Mẫu

Dưỡng sinh bảo mạng chân kinh

HƯƠNG TẤN

Địa Mẫu ngự trên cõi tối cao, đặt quyền
Chân kinh để khuyên đời, dưỡng dục đời và bảo
toàn cho người đời.

*Hương nhiệt ngọc lư, tín đạt Cửu Thiên, Dao
đài chư Thánh lâm pháp diên, tam phần hiến chân
tiên, thành ý tinh chuyên, duy giám tại tâm kiên.*

*

*Địa Mẫu hóa sinh, phổ thiên tức tịnh,
Hà hải tịnh mặc, sơn nhạc thôn vân,
Vạn linh chân phò, triệu tập quần chân,
Thiên vô tạp khí, địa vô yêu trần,
Minh tuệ đồng thanh, Đại Đạo huyền huyền,
Hư không Địa Mẫu, vô lượng từ tôn.*

*(Chính do Địa Mẫu hóa sinh vạn vật. Sông
trong biển lặng, núi non mây ấp tươi nhuận. Muôn
loài phồn thịnh, thần tiên quy tụ. Khí trời trong
sạch, dưới đất chẳng có lòng dạ yêu tinh. Ngày,
đêm sáng tỏ, Đại đạo hoằng khai. Địa mẫu vô
hình vô tướng, nhưng lòng nhân vô hạn lượng.)*

ĐỊA MẪU CHƠN KINH

*Bàn Cổ sơ phân tự dương tôn,
Âm dương nhị khí phối thành hôn.
Vạn vật bốn phong điều hòa vũ
Khai đường tiên niệm Địa Mẫu kinh.
Thượng phụng cao chơn thân hoan hỉ
Hạ bảo vạn dân vĩnh khương ninh.*

Dã vô đại tai hạp đại nạn
 Thiên nam tín nữ hưởng khương ninh.
 Nhược hưởng bất thính Địa Mẫu thoại
 Ngũ cốc bất thấu ngật bất thành
 Nhược hưởng bất tính Địa Mẫu thoại
 Địa Mẫu đại nạn hươt bất thành
 Địa Mẫu thập ngoạt thập bát sanh
 Gia gia tụng niệm Địa Mẫu kinh
 Hương đăng cũng qua bài tề chỉnh
 Tổ hội tạc kinh thân biểu văn.
 Hữu nhân truyền ngã Địa Mẫu kinh
 Tử tôn vạn đại thọ hoàn ân
 Phu nhân truyền ngã Địa Mẫu kinh
 Đại đại nhi nữ mãn đường hưng.
 Nhơn nhơn truyền ngã Địa Mẫu kinh
 Nhữ nama nhị nữ hưởng yên sanh
 Nam nữ kỳ mậu kính Địa Mẫu
 Vinh hoa phú quý vạn vạn xuân.
 Xứ xứ lập đàn bả mậu kỳ,
 Địa mẫu hóa sinh hiển hiển linh.
 Tạ ân báo đáp hư không Mẫu
 Tốc tu Miếu Võ bả hương phần
 Tổ họ Mẫu tượng nhơn triều kính
 Tài toàn hiếu tử nhi nữ tâm
 Cấp tảo thành tâm bả công hân
 Mạt bả ngân tiền phóng tại tâm.
 Hư không lệnh Mẫu bả lệnh quả
 Thoát phàm thành thánh đặng thiên đình
 Đại trung, đại hiếu đại kết quả
 Đại từ đại sinh vĩnh trường sinh
 Địa Mẫu sắc phong liên hóa tặng
 Nam quốc quả thành đại la kinh
 Nam nữ tận thành đại la thể
 Cực lạc bửu điện vạn cổ danh
 Vô thường hư không Địa Mẫu huyền hóa

Xuân, hạ, thu, đông ngã tạo thành.
 Giang hà hồ hải bất ly ngã.
 Vạn quốc, cửu châu ngã trưởng thành.
 Lịch đại đế vương bất ly ngã,
 Đại tiểu hoàng cung ngã dưỡng thành.
 Thiên hạ ngũ nhạc tiên sơn cảnh
 Sơn lâm thọ mộc ngã trưởng thành.
 Thử dân bá tính bất ly ngã
 Ngũ cốc lục mễ ngã trưởng thành.
 Thất thập nhị dạng bất ly ngã
 Vạn vật thảo mộc ngã trưởng thành.
 Nhơn hươt tại thế ngật dụng ngã,
 Tử hậu hườn tại ngã hoài trung.
 Các phủ châu huyện bất ly ngã
 Am quán tự viện ngã thể thành.
 Đại tiểu hiền thần thị ngã tố.
 Chư Phật toàn thân ngã thành công,
 Hùynh kim bốn thị tứ phương bửu,
 Tượng hoài thế thượng đa thiếu nhơn
 Kim ngân tài bửu từng ngã xuất
 Khán lai bất ly ngã nhứt thân
 Các quốc vương tử bả ngã kính
 Luy đại đế vương bả ngã tôn.
 Quốc vương vị ngã động can qua
 Na cá kính ngã Địa Mẫu thân
 Lãng la thể đoạn từng ngã xuất
 Hoa mộc thể quả ngã trưởng thanh
 Toan diêm lạc khổ từng ngã xuất
 Tứ quý được miêu ngã trưởng thành.
 Thông toàn phủ thể từng ngã xuất.
 Cương đường cổ nguyệt ngã trưởng thành
 Thiên hạ nam nữ đa sinh bịnh,
 Địa mẫu vạn được tạo sanh thành
 Nam nữ khẩu trung vô tư vị
 Du Diêm vương thổ ngã tạo thành

Dạn dạn đô thị từng ngã xuất
 Vạn bang đô thị ngã trưởng thành
 Địa Mẫu tâm huyết đô phi tận
 Địa mẫu phí liễu vô biên tâm
 Lão nương vị nhi cánh vị nữ
 Nhi nữ vong liễu ngã đích ân.
 Ngật, cấp, xuyên, đài nương tạo hóa.
 Tạo hóa phát sanh ngã trưởng thành.
 Biến mại ngân tử nể môn dụng,
 Na cá đề niệm ngã nhất thịnh,
 Thế thượng chư vật bất ly ngã
 Vạn vật hườn thị nương sinh thành.
 Sinh lai thổ sản sinh nhất vật,
 Vô số bao tàng Lục Đạo hành
 Thế thượng chỉ tri thiên vĩ đại.
 Địa mẫu cảm thiên đại nhứt từng
 Thiên thượng nhứt điểm cam lồ thủy
 Địa hạ điền miêu ngũ cốc sanh.
 Tuy nhiên hạ đích thị hảo vũ
 Hườn thị Địa Mẫu cốt thể tinh.
 Long tàng thiên gian bất ly ngã
 Phong vân hườn thị Địa Mẫu sanh,
 Mẫu bất dữ long khởi phong vân
 Khán long hữu vũ hà xứ hành.
 Long dã vô xứ bả thân ẩn?
 Hồ lô thiểm điểm lậu liễu hình.
 Thuyết lai thuyết khứ đô thị ngã
 Thế nhân na tri ngã khổ tâm,
 Lao lực tâm khổ Địa Mẫu thọ,
 Hảo thể hảo ngật nhi nữ hành
 Địa mẫu trú dạ bất hạp nhân
 Hạp nhân chúng sinh hữu tai tình,
 Địa mẫu nhất thời đầu cá nhĩ
 Ngao ngư phiên thân nhất tảo bình,
 Dã vô Thiên lai, dã vô Địa,

Thế thượng thành liễu nhứt nhứt trường không
 Chư Phật siêu tẩu thiên nhai ngoại,
 Bồ Tát đào đích vĩnh vô cùng,
 Quân dân nhân đẳng tận giai vô,
 Thiên, Địa, thần, hiền tợ hỏa phần
 Vô Đông, vô Tây, vô Nam Bắc
 Vạn vật tận giai như khôi trần
 Tham thấu phát bút Địa mẫu ý
 Địa Mẫu quang minh độ thử thân
 Địa Mẫu phát bút linh chi hiện
 Địa Mẫu chân khí kết nguyệt thành
 Tính mạng bảo toàn tinh thần hạp
 Tinh thần khí hạp ngã tạo thành
 Tiên, Phật hiền thánh vong mẫu ý
 Khoa cường mại hội thành tài năng.
 Quân thần văn võ vong mẫu ý
 Vong liễu Địa Mẫu đại từ ân.
 Sĩ, nông, công thương vong mẫu ý
 Tương ân bất báo phần vô tình
 Bất phân chánh pháp đồ như ý
 Đoạ lạc vạn kiếp bất phiên thân.
 Yếu tri Địa Mẫu danh hạp tánh
 Hồng môn vị phán lão hỗn độn
 Thọ huyệt thập nhị vạn niên tải
 Cửu thiên lục bá khắc thời thân
 Xuất thế thọ liễu thiên vạn khổ,
 Bất liệu Địa Mẫu thiểm liễu không
 Anh nhi sá nữ vô nhất cá
 Tạo tại trường giang phóng bi thịnh.
 Nhược yếu mẫu tử trùng tương kiến
 Trừ phi Tỷ, Sứ lánh khai thiên
 Chân kinh nhất bá bát thập nhị
 Cú cú thuyết đích thị chân ngôn
 Gia gia đô bả Địa Mẫu kinh
 Ngũ cốc phong thái, lạc thái bình

Địa Mẫu hứa rằng: Nếu có kẻ gia tâm nghiên cứu, sưu tầm thấu đáo tâm lý của Mẫu và biên dẫn cho người đời, Mẫu sẽ độ cho kẻ ấy.

Nếu chư Tiên Phật, Thánh Hiền nào bỏ qua, chẳng quang khán chơn lý trong kinh Địa Mẫu này thì chớ khoe tài... chánh pháp chân truyền của Mẫu mà học đòi theo, thì sẽ bị đoạ đày muôn kiếp chẳng đặng tái sanh trở lại làm người...

Mẫu cho chúng con biết: Ngày 8 tháng 10 là ngày vía giáng sanh của Mẫu. Đến ngày ấy, nhà nào cũng phải tụng niệm kinh Địa Mẫu này, mới là con nhà hiếu nghĩa.

Nếu như có danh nhân, hiền sĩ nào tiên đắc truyền bá kinh Địa Mẫu này cho đầy đủ nghĩa lý. Mẫu sẽ hứa cho con cháu vị hiền sĩ thọ hưởng lộc hoàng gia thiên thu vạn đại.

Còn như nếu có kẻ thường dân nào mà vui lòng ấn tống tiếp thêm ra. Mẫu sẽ hứa cho kẻ ấy trở sanh ra đặng năm trai , 2 gái ngay thảo vẹn toàn kế hậu lửa hương đời chẳng tuyệt...

Mẫu chứng lòng người hảo tâm mà thôi.

Mẫu sẽ sắc tứ phong tặng và ban thưởng cho tòa sen vàng chín phẩm.

Nhất tâm thành kính.



Dưỡng sinh bảo mạng đại từ đại tôn.¹

Chú giải:

Hồi mới tạo thiên lập địa, ông Bàn Cổ xuất thế, sắp đặt ngôi thứ. Tôn vọng Địa Mẫu bậc tối cao, tối đại.

Âm Dương đủ hai khí, kết cấu cùng nhau sinh ra muôn vật, muôn loài. Do đó, phải kính Địa Mẫu trước hơn hết.

Trên thì cầu xin Hoàng thiên hoan lạc xá hết tội lỗi ;

Dưới thì khẩn nguyện Địa Mẫu vui lòng bảo hộ muôn dân bình an trường cửu.

Khi Trời Đất phân định, ngày đêm chia cắt. Đất làm âm, trời là dương , âm dương thống nhất. Nhật, nguyệt, tinh là ba ánh sáng bao trùm tất cả kiến, khôn vũ trụ.

Còn Địa Mẫu giữ trung-ương Mô Kỷ gọi là Đất. Mẫu bảo dưỡng muôn loài .

Phu quân của Mẫu vốn là vị Đồng Tử, trường sinh bất lão, huyền diệu cao minh vô cùng, kết bạn cùng nhau rất nên hòa nhã, Ngài thì điếc, Mẫu thì câm, nên sách có câu: “Thiên lung, Địa á.”

Thần là dương, khí là âm. Dương thịnh, âm suy, phối hiệp mới biến hóa ra trời đất. Khi trời đất định phân, dương khứ âm lai, khí thần giao cảm mới hóa sinh loài người hiền lành, chân chánh.

1- Theo “Địa Mẫu Chân Kinh”, Chánh văn và giải nghĩa, do bản xưa tại La Phú Sơn, triều Nguyên Động năm Mậu Tý. Sun Printing - 5248 Fruitridge Rd. Sacramento.

Chơn khí là mẫu. Chơn thần thì biến trở lại làm chúng sinh của Mẫu. Chơn thần là nhất điểm linh quang, ấy là dương khí. Âm dương hội hiệp gọi rằng đấng Tạo hóa. Tạo hóa ra thiên địa trước hết, rồi sau mới hóa sinh ra chúa thánh, tôi hiền. Thiên can và địa chi luôn luôn luân chuyển, sinh sinh hóa hóa chẳng dứt.

Tam cửu là 12 ($3 + 9 = 12$), ấy là thập nhị địa chi - còn nhị bát là thập can ($2 + 8 = 10$).

Tử với mẫu chẳng rời nhau. Thần với khí thành tựu thì hóa ra thánh thai. Thai nghén cưu mang như vậy cho đến 10 năm chẵn. Mười năm mới đúng quẻ hào đã định, vì trong bát quái có phân làm 8 hướng, mỗi một hướng chia làm 8 quẻ, mỗi một quẻ có 6 hào, gồm chung lại 64 quẻ, tẻ ra làm 384 hào. Đúng giờ mãn nguyệt tróc cơ thì trong thân thể của Mẫu xuất hiện ra 6 vị thánh đế minh quân dưới đây: Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhơn hoàng, Phục Hi, Thần Nông, Hiên Viên.

Đời Phục Hi hiểu rõ máy biến hóa ra trời đất, họa ra bát quái chỉ rõ 8 hướng trong乾坤 vũ trụ.

Đời Thần Nông tìm kiếm ra được năm giống lúa, sáu thứ gạo.

Đời Hiên Viên tìm ra cách chế tạo y phục, vật dụng cho người cần dùng truyền tiếp cho người đời sau chế biến thêm ra. Địa Mẫu phát lạc rằng: Đến ba kiếp Phật xuất thế, kiếp nào cũng ở trong thân Mẫu mà ra.

Chư vị Bồ Tát cũng vậy, chẳng có vị nào lìa khỏi thân Mẫu.

Nếu họ ra khỏi thân Mẫu rồi, họ nương ngụ ở nơi nào? Vì bởi khắp cùng Đông Tây, Nam Bắc thì đã có 4 bộ Châu của Mẫu bao trùm. Nào là sông rạch hồ biển đâu đâu cũng chẳng rời ra khỏi thân Mẫu.

Khắp trong thiên hạ có Ngũ Nhạc là năm tòa danh sơn thắng cảnh hơn hết, cùng là núi rừng cổ thụ ngàn năm cũng do nơi Mẫu vun dưỡng trưởng thành...

Cùng muôn loài cầm thú, cỏ cây cũng do nơi Mẫu vun dưỡng trưởng thành.

Còn các chư Phật mà đặng kim thân bất hoại thì cũng nhờ Mẫu chứng nhận công quả, mới đặng đắc thành chánh giác...

Vậy chúng con xét lại đó mà coi còn sót món nào ở ngoài thân Mẫu này được chẳng...

Trăm ban vạn sự cũng do nơi mẫu vun dưỡng trưởng thành.

Vì tình Mẹ thương con, dầu lao khổ thế nào Mẫu cũng chẳng sờn, sách có câu rằng: Phụ Mẫu ái tử chi tâm vô sở bất chí. Vậy mà chẳng thấy ai để lòng tưởng niệm đến Mẫu.

Khi nào trên Trời mưa xuống mọi giọt nước Cam Lồ thì dưới đất bèn hóa sinh ra các loài ngũ cốc đầy đồng lấp ruộng. Có ai biết gốc hạt mưa ấy bởi nơi đâu mà ra? Cũng bởi rút hơi nước ở trong cốt tủy tinh-vi của Mẫu đem lên không trung làm mây, rồi mây ấy đông đặc lại thành giá, giá ấy gặp một luồng quang chiếu liền tan ra rơi xuống thành mưa. Bởi vậy bão tố gió mây gì cũng do nơi mẫu vận hành...

THỊ NỮ BẠCH HOA CÔNG CHÚA
Phụng Tán

Kính kính kính
Khẩu tụng tâm suy, hoàn nhĩ thính
Tự tự trần châu, ngôn ngôn kim kính
Yếu nghi khắc cốt dự minh tâm
Chân thị bảo sinh tình vĩnh mạng
Nhĩ thần ngưng, nhĩ tính định
Triều ư tịch tứ thị vi cảnh
Kính kính kính.

THỊ NỮ QÙYNH HOA CÔNG CHÚA
Phụng Tán

Châm, châm châm,
Như châu như ngọc diệp như kim
Y tục bình, chính nhơn tâm
Linh nhơn đối kháng hữu dục kỳ lân,
Như cổ sắc như dao cầm
Linh nhơn kính thính khanh hồ kỳ âm
Giả nhi ước, đạm nhi thâm
Linh nhơn giả lý, tử tế tư tâm
Như nhả vịnh, như tụng ngâm
Khả duyệt khả lạc, nhi bất dâm,
Châm châm châm.

✱

KHAI KINH TÁN
Thánh Mẫu Vân Hương

Chúng cáo kim hưởng, lô tiết bửu hương,
Đệ tử kiên tường, nhứt niệm đạt Vân Hương, cung
kỳ thánh giá giáng đàn đường.

Vân Hương Thánh Mẫu tam vị, đại từ tôn.

Cung duy:

Thánh Mẫu Vân Hương dục tú, sùng lãnh
chung anh, ly trung Thánh nữ, Bích thượng thiên
tinh.

Từ kim khuyết dĩ vân du, tái tam giáng thế
hưởng trần hoàn, nhi hạc giá, thập nhị tùy hành,
đồng khôn đạo nhi hàm hoằng.

Mẫu nghi thiên hạ, thể thiên tâm, nhi biến
phú, tử dục thương sinh.

Lai hữu tự ư quảng cung, cố cố hóa, cộng
tri danh ư Nam quận, duy hiệu duy trình, hách quyết
thanh; trạc quyết linh, thiên cổ chi cung đình sắc
hoán. Hạn đại tai trừ đạo hoạn, lịch triều chi ba
cổn ân vinh. Bí quyết chân truyền, long diên hổ
hống, linh phù diệp pháp, quý phục tà kinh. Nhứt
phiến vi thành, đài đầu vô hạn chiêm y, thanh cao
tú tượng, phủ kỷ bất thắng chiến lật, tướng lãg
tâm kinh.

Ngưỡng kỳ trác giáng điện đình, thứ úy mộ
trừ chi vọng thiết.

Tuy tường phúc chỉ, vĩnh lưu bào xích chi
ân hoành.

Thực đệ tử đẳng bất thắng hân hạnh đỉnh
đại chi chí cảm tấu dĩ văn.

KHAI KINH THẦN CHÚ

Chí tâm quy mạng lễ
Tây Hồ chung tú, Nam phố phi anh.
Nữ trung liệt nữ, danh hạ thịnh danh,
Hà y điệu điệu, phụng thể khinh khinh.
Mẫu nghi thiên hạ, tử dục sinh linh,
Cần khai khôn hạp, thiên thanh địa ninh.
Công tà vệ chính, giáng bút thùy kinh,
Văn phong xứ xứ, hách hách quyết thanh.

VÂN HƯƠNG CHÁNH NHỨT VỊ

Thánh Mẫu Bửu Cáo

Chí tâm quy mạng lễ,
Linh tiêu hồng ngọc sứ, kim khuyết thể tiêu ban,
Bổn sinh thiên bang ngọc chi tư,
Hóa thâm tam chuyển
Bẩm đại địa tinh anh chi khí,
Phạm thể ngũ hành, vị thủy linh tràng.
Ba Khê tích nhị.
Long diên hổ hống, luân bí quyết ư tây lai
Phụng liễu loan nghi hách
Dịch thể Lê Trần tức phúc,
Hương hỏa huân cao,
Thiên thu sùng cát phương danh
Côn ba xán lạn
Trừ tà vệ chính, hộ quốc tỳ dân.
Đại hiếu đại nhân, đại bi đại nguyện
Đại thánh, đại từ

Vân Hương Chánh nhứt vị Thánh Mẫu,
thông minh linh ứng, Liễu Hạnh công chúa sắc
phong Chế Thắng Bảo Hòa Diệu Đại Vương, gia
tặng thượng thượng thượng đẳng tối linh tôn thần.

*

VÂN HƯƠNG ĐỆ NHỊ VỊ

THÁNH MẪU BỬU CÁO

Chí tâm quy mạng lễ.

Đế đình sắc hạ, thế giới vân du,
Phủ tư Giao quận, lĩnh lãm Nam châu
Đồng tử muội dĩ giai hành,
Linh thanh hách trạc,
Tổ tiên nương chi bộ chúng
Đức hóa châu lưu
Hộ quốc hữu công
Sòng Sơn tịnh hưởng
Tỷ dân ích lộc, miếu võ tăng tu
Chí linh chí hiển, hữu cam tất phụ.

Vân Hương đệ nhị vị Thánh Mẫu, anh linh
tịnh chính, Quế Hoa công chúa, sắc phong Diệu
Hóa Trang Huy, thượng đẳng tối linh tôn thắm.

VÂN HƯƠNG ĐỆ TAM VỊ

THÁNH MẪU BỬU CÁO

Chí tâm quy mạng lễ.

Phong tư diêm thể, sắc tướng nghiêm trang,
Kim khuyết tài ly, nhai hành nhị đại tử
Loan xa phần dục, bộ chúng trập nhị nương.
Bằng ngọc thử thân, bất lụy nhân gian chi hề cước,
Nguy nga Quỳnh võ, trường lưu quốc tự chi hình hương.
Khôn nghi đại trứ, Thánh đức chi chương
Chí linh chí ứng
Giáng phúc giáng tường

Vân Hương đệ Tam vị Thánh mẫu, anh linh
tịnh chính, Thụy Hoa công chúa, sắc phong Uyển
Nhã Trang Huy, thượng đẳng tối linh tôn thần...

*

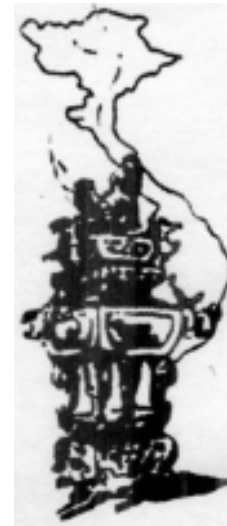
- 11- Mong muốn tìm kiếm được những tài liệu, sách vở và kinh điển của Đạo để nghiên cứu và phổ biến.
- 12- Mong muốn được sự trợ giúp của các hàng thức giả và các bậc hiền tài, dù không phải là thanh đồng, đạo quan.
- 13- Mong muốn con dân Việt, sớm lấy lại hồn Việt để trở về nguồn Việt.
- 14- Sẵn sàng mời quý vị có tài đức hơn để kèm lái và hướng dẫn.
- 15- Sẵn sàng nhường tên tác-giả cho tất cả quý vị cùng chung ước nguyện: Đạo Mẫu sớm được phục hồi lên ngôi vị nguyên thủy: Quốc Đạo của nước Việt Nam. Chỉ xin ấn tống đúng nguyên văn bản chính và phổ biến càng nhiều càng quý.



THƯỢNG NGÀN CÔNG CHÚA ¹

Phụng Thuật Thu Kinh Tán

Từ bi cứu thế,
 Hiển hách oai linh,
 Diển kinh thuyết pháp độ quần sinh
 Nguyệt dĩ thử công đức,
 Phổ cập nhứt thiết chư âm minh
 Thính giả siêu thoát, cộng đắc an ninh.
 Phước lộc vĩnh bảo, hướng trường linh đệ tử
 Khế thủ đốn thủ ngưỡng bạch
 Vân Hương Thánh Mẫu Tam Vị Đại Từ Tôn



1- Vân Hương Thánh Mẫu Tam Vị Đại Từ Tôn., Thiện Tín phụng sao (năm ?)

NGÀY VÍA ĐẢN TỬ PHỦ

Âm lịch	Ngày lễ
Ngày 9 tháng Giêng	Vía đức Ngọc Hoàng Thượng đế
Ngày 10 tháng Giêng	Sinh nhật thánh Động Đình.
10 tháng 2	Đệ Nhị thánh cô
14 tháng 2	Hóa kỵ Quan lớn Tuần Chanh.
3 tháng 3	Thánh Mẫu Phủ Dày (Mẫu chánh nhứt hiền thánh)
6 tháng 3	Mẫu chánh nhứt giáng sinh.
9 tháng 3	Sinh nhật mẫu Thượng Ngàn.
2 tháng 4	Mẫu đệ nhị hạ trần
10 tháng 4	Châu Khâm Sai
28 tháng 4	Đệ nhất Thánh cô
5 tháng 5	Đức thánh Phạm
23 tháng 5	Đệ Ngũ Tuần Chanh
1 tháng 6	Đức Quốc Mẫu
12 tháng 6	Mẫu Thủy cung Hàn sơn
24 tháng 6	Quan Bơ phủ Đệ Tam
4 tháng 8	Mẫu đệ tam hạ trần.
20 tháng 8	Kỵ đức Trần Hưng Đạo
22 tháng 8	Hóa kỵ đức vua Bát Hải
24 tháng 9	Vía Đệ Tứ thiên tiên
10 thán 10	Quan Hoàng Mười
2 tháng 11	Quan lớn đệ nhị

*

A- QUAN ĐIỂM CỦA NHÓM

- 1- Không đả kích và chống đối các tôn giáo du nhập.
- 2- Không tự cao, tự đại và có ý nghĩ làm thay đổi.
- 3- Không độc tôn và giữ độc quyền.
- 4- Không khẳng định những điều trình bày là phải, là đúng hoàn toàn, vì vốn hiểu biết về đạo còn nông cạn.
- 5- Không mưu đồ để làm lợi hay làm chính trị.
- 6- Chỉ cốt làm đẹp, làm tốt và làm sáng tỏ chân lý Đạo Mẫu.
- 7- Chỉ trình bày những điều xét lý luận vững vàng.
- 8- Mong muốn tất cả thanh đồng, thanh nhang và đạo quan chung lưng góp sức, mỗi nhóm gánh vác một chút để sớm phục hồi Đạo Mẫu.
- 9- Mong muốn nhận được ý kiến và phê bình xây dựng.
- 10- Mong muốn được sự hưởng ứng, ủng hộ và tham gia của khắp các nơi, xin bày vì đạo chung mà dâng hiến tất cả.

D/ Nhạc:

Nếu Có Ai Hỏi Tôi

N&L: Trần Mạnh Hòa

CHẠM CHÁI, NGƯỜI TRANG

Nếu có ai hỏi tôi, Rằng có tin đạo Phật? Nếu có ai hỏi, Rằng có tin đạo Hồi? Nếu có ai hỏi, Rằng có tin đạo Chúa? Tôi sẽ xin trả lời, Rằng có tin Thiên Chúa? Tôi sẽ xin trả lời, Rằng: "Tôi rất tin yêu!" Nhưng tại đây tâm tôi, Vẫn kính mến tôn, Rằng: "Tôi rất tin yêu!"

14 thì, Đạo Tổ Tiên nước nhà, Nền đạo lý cao xa,

21 Di bao ngàn năm trước, Hướng dẫn giống nòi ta. Nếu có ai hỏi tôi,

27 Sống sao cho nên người? Nếu có ai hỏi tôi, Sống sao cho thành,

34 Thánh? Tôi cũng xin trả lời, Rằng: "Nơi chỉ lên nhân!"

B/ Ăn Quả Nhớ Kẻ Trồng Cây

I/ Người xưa đã dạy: "Ăn Quả Nhớ Kẻ Trồng Cây", sự có thể hôm nay của tôi phải chăng nhờ vào công ơn của các **Đồng Anh, Đồng Chị** đã nhẫn-nhục chịu-đựng biết bao nhiêu lời châm-biếm, nhạo-báng, chỉ-trích đắng cay và thậm-tệ trải dài theo lịch sử Việt kể từ khi thay đổi chế độ từ mẫu hệ sang phụ hệ, qua bao lần Bắc thuộc, và nhất là sự đồng loạt đánh phá mãnh liệt của ba tôn giáo ngoại nhập: Khổng, Phật và Lão giáo, cùng lũ con cháu ăn nhằm phải bả độc của ngoại nhân đã trở thành bất hiếu, bất nhân, vong thân, vong bản và vong ngoại, nhưng vẫn sắt-son **giữ Đạo** cho đến hiện tại.

Nếu tôi không nói lên hay ghi lại, mặc-nhiên tôi trở-thành kẻ vô-ơn và tương-lai sẽ hành-động đúng nghĩa của câu "Ăn Cháo Đá Bát". Chữ có thể nêu trên nhằm hai phương-diện: **NHÌN ĐÚNG VÀ LẠY ĐÚNG**.

-52 tuổi đầu, mắt mới nhìn chính-xác: Đây là **ƠN CHA, ĐỨC MẸ**.

-2/3 tuổi đời mới được **LẠY ĐÚNG TỔ TIÊN MINH**.

Càng nghĩ lại càng tự sỉ-vả, vì 52 tuổi về trước mình đã làm những điều sai-quấy, điên-rồ: "MỒ CHA KHÔNG LẠY, LẠY ĐÓNG MỐT".

II/ Bốn vị ân-nhân mà tôi kính-trọng và tôn là *Đồng Thầy* :

-Thứ nhất: Ông Tá, người đã có công khởi xướng lập đền *Mẫu* đầu-tiên tại thành-phố Cựu-Kim-Sơn, khi vừa di-tản tới Hoa-Kỳ.

-Thứ nhì: Cụ Ninh, người đã dẫn giắt và chỉ dạy tôi rất nhiều về việc bày-biện bàn thờ và nghi-thức lễ bái vào thời-gian xoay lại hướng đền **Đức Vua Bát Hải Động Đình**.

-Thứ ba: Bà Bường, người có tâm tạo dựng lên Đền Đức Vua, chính nhờ đền này mà tôi mới biết, tin và tự-nguyện trở về với Đạo Mẫu.

- Thứ tư: *Vị ân nhân đặc biệt này (không chấp thuận cho phép tôi nêu danh tánh) đã ban công sức tối đa cho việc hình thành cuốn Đạo Mẫu, từ khi còn là bản thảo, góp ý, sửa chữa từng lời văn, câu thơ, v.v... cho đến lúc được phổ biến.*

Tự nghĩ, sức trần khó có thể trả ơn nổi, vậy con xin cúi đầu kính lạy Chư Thánh uy linh trong Đạo Mẫu ban đặc ân trọng đại cho vị ân nhân này.

Xin ghi-khắc công ơn của quý vị nêu trên cùng với lời nguyện thề: số tuổi trời còn lại trên trần thế, xin dâng hiến trọn vẹn cho Đạo Mẫu, quốc đạo của nước Việt-Nam như câu:

*“Sống trọn niềm trung dâng Tổ Quốc,
Chết tròn nghĩa cả hiến non sông.”*

*Thành kính tri ơn,
Thanh-Đồng Tròn, QđM*

C/ BÀN THỜ ĐẠO MẪU

*Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐE
TỬ VƯƠNG MẪU
THIÊN PHỦ*

NHẠC PHỦ *TAM TÒA THÁNH MẪU* **THỦY PHỦ**
Miền rừng núi *Miền sông biển*
QUỐC TỔ

Thánh Mẫu Âu Cơ - Thánh Phụ Lạc Long

<i>CHÚA</i>	<i>Tứ Phủ Công Đồng</i>	<i>YUA THỦY TÊ</i>
<i>THƯỢNG NGÀN</i>		<i>(Lạc Long Đế Quân)</i>
<i>(Thánh Mẫu Âu Cơ)</i>		<i>Đức Thánh Trần</i>
<i>Đức Văn Nương Thánh Mẫu</i>		<i>Tam Thánh Bát Tử</i>
	<i>Ngũ Vị Tôn Quan</i>	
<i>-Hội đồng thánh</i>	<i>Tứ Phủ</i>	<i>Hội Đồng ông Hoàng</i>
<i>chầu</i>	<i>Thánh chầu</i>	<i>ông Hoàng</i>
<i>-Hội Đồng Thánh</i>	<i>Tứ Phủ</i>	<i>Hội Đồng Thánh Cậ</i>
<i>Cô</i>	<i>Thánh Cô</i>	<i>Chư Liệt Sĩ Anh Hùng</i>
<i>-Chư liệt nữ Anh thư</i>	<i>Thánh Cậ</i>	

ĐỊA PHỦ
HẠ BẢN CHƯ THẦN
- Ngũ Đình Thần Tướng
- Nhị vị vương sà

1- Tiền thân của Đức Thánh Trần là Lạc Long Quân.

Ghi Chú: Quy tắc và hình thức để thiết lập bàn thờ:

a/ Cân bằng

b/ Tương xứng: Chức vụ lớn - tượng lớn - trên cao.

Chức vụ nhỏ - tượng nhỏ - bên dưới. Không đủ tượng có thể dùng bài vị lớn nhỏ theo chức vụ cao thấp.

c/ Ý nghĩa: Thiết lập đền thì vị chủ đền phải có khả năng thuyết trình về hình thức bày biện và tại sao?

E lúc sống cũng nhiều khi làm điều sai quấy, hoặc bầm vụn gian nan, nguyện ước chưa tròn; nên khi chết, hồn phách vẫn vơ, chấp chờn không định.

Ngưỡng mong:

Uy quang NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

Tứ Vương Mẫu

Đức vua Bát Hải

Đại Hùng Vi Diệu Hoạt Thánh Vương

Tam Tòa Bảo Pháp Hoạt Thánh Vương

Quang Minh Cảnh Giới Hoạt Thánh Vương

Sơn Địa U Linh Hoạt Thánh Vương

Đại Lực Bảo Quốc Thượng Thánh Vương

Đại Thánh Nữ tử, Hữu Bảo Pháp Vương

Chư Thánh, chư Tiên

Ngũ vị Hoàng tử

Khâm sai Công chúa

Bạch Hoa Công chúa

tiếp dẫn vong linh về hầu Tiên Tổ.

Ngày_____tháng_____năm_____

Chúng con cúi đầu kính lễ

E- Thơ

Thành kính dâng lên

CHÚA THƯỢNG NGÀN

*Ngay giữa không trung tỏa sáng ngời,
Hào quang ngũ sắc rực màu tươi.
Nguy nga kiêu vông từ từ hiện,
Lộng lẫy quần tiên lớp lớp mời.
Tẩy uế bụi trần vương chốn chốn,
Khai quang tám tối phủ nơi nơi.
Chúa về cứu giúp cho trăm họ,
Thoát khỏi trăm luân, bước phước trời.*

Tâm thành kính dâng

THÁNH CÔ ĐÔI

SƠN TRANG CẢNH

*Tiên cảnh sơn trang ngập núi đôi,
Sườn non thấp thoáng Thánh Cô Đôi.
Trăng treo đỉnh núi lung linh tỏa,
Nước chảy cuối ghềnh róc rách trôi.
Giáng thế giúp trần vui khổ hận!
Ngự đồng trợ đạo bớt đơn côi!
Đêm xuân vun bón cho nguồn cội,
Cố quốc điểm tô gắng đắp bồi.*

Kính dâng

Chữ Ông Hoàng

Ông say, say chí anh hùng,
Say men chiến thắng lấy lòng bốn phương.
Ông say (sưa) ngắm lại quê hương,
Bạch Đằng cuộn sóng, sông Hương phẳng lờ.
Hoàng hôn sương tỏa mịt mờ,
Chim quay về tổ, vật vờ thông reo.
Thuyền ai không bến buông neo,
Bụi trần phủ kín, bọt bèo lênh dênh!
Gian truân lên thác xuống ghềnh,
Vui tuôn nước mắt, buồn tênh lại cười.
Lo chi kiếp số con người,
Hữu sinh hữu tử luật trời riêng ai.
Bao phen nghiêng ngửa chương đài,
Tìm đâu thấy bóng bình hài người xưa
Mấy hàng tơ liễu đông đưa,
Lăn tăn mặt nước bóng dờ vờ xa.
Nước non vẫn nước non nhà
Bồng lai tiên cảnh khó nhòa cố hương?

Thanh Đồng Tròn

F- Sơ Cầu Siêu

Cung duy

Cần khôn khái đạo
Vạn vật hóa sinh
Nhân từ vô lượng
Đồng thể uyên nguyên

Hôm nay ngày ____ tháng ____ năm ____
nhằm ngày ____ tháng ____ năm ____
Chúng con là _____ cùng gia
quyển, nguyên quán tại Việt Nam, hiện
ngụ tại _____ thị trấn _____
tiểu bang _____, Hoa-Kỳ quốc.

Trong niềm báo đáp, dưỡng tính tu tâm,
ăn năn hối cải, tam bảo vun bồi, cửu
châu tuân thủ, tụng kinh niệm Mẫu.

Khấu đầu cúi xin:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
Tam, Tứ Phủ Công Đồng

Đoái thương gia bộ cho ____ chúng con
là _____ sinh quán tại _____
mãn phần ngày ____ tháng ____ năm ____
nhằm ngày ____ tháng ____ năm ____
được:

Tạ đức Rộng Tiên
Ấm phần linh thể

Chúng con trộm nghĩ, người đời tuy:
Ơn Trời tựa Đất
Tiếp nối Tổ Tiên
Nhân linh ư vạn vật



SỚ CẦU AN

Khâm Duy

*Càn Khôn khai đạo
Vạn vật hóa sinh
Nhân từ vô lượng
Đồng thể uyên nguyên*

*Hôm nay ngày ____ tháng ____ năm ____
nhằm ngày ____ tháng ____ năm (âm lịch).*

*Chúng con _____ ngụ tại ____ thị
trấn, tiểu bang _____, Hoa Kỳ quốc,*

Kính lễ khấn đầu

Cúi xin Quốc Tổ

Hùng Triều Thập Bát Hùng Vương

Ngọc Bệ Hạ

Đảng triều hùng liệt

Chư Thánh, Chư Tiên

Anh Hùng dân Tộc

*Đoái thương gia hộ cho tổ tiên quá vãng
của chúng con*

Tựa đức Rộng Tiên

Ấm phần linh thể

Chúng con trộm nghĩ, người đời tuy

Ơn Trời nhờ đất

Tiếp nối tổ tiên

*E lúc sống nhiều khi lầm lỗi, hoặc bầm
vạn gian nan, nguyện ước chưa thành - Nên
lúc chết, hồn còn chưa định.*

Ngưỡng mong

Uy quang Quốc Tổ

Chư Thánh chư Tiên

Dẫn quy hồn phách

Điều lý Tam Tài

Nhân sinh giác ngộ

Tựa về cội gốc
Phúc tuệ viên thành
Âm Dương lợi lạc

Đoái thương con cháu tại trần

Nhân thân phù thế
Bọt trong biển khổ
Tục lụy tái tê
Sóng cồn cửa bể
Aô ảnh chấp chờn...

Ngoài những bậc đại hiền, đại trí, hạng
bình thường chúng con trồng cây nơi Quốc Tổ,
chư Thánh, chư Tiên, chư vị Đại Anh Hùng dân
Tộc che chở.

Tước bàn thờ uy linh:

“Hương thơm hoa đức báo đền
Đèn soi để tránh gai chông...”

Ngưỡng mong Quốc Tổ, chư Thánh, chư
Tiên, chư vị Anh Hùng Dân Tộc

Uy linh nhân từ
Truyền quang giác ngộ
Nhân chủ, nhân sinh
Tinh thần vững mạnh
Thể chất kiện khang
Gia phong bền vững
Phúc lộc tràn đầy

“Cây có gốc mới xanh cành tươi ngon
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu”
Cẩn tấu.

Sớ tuyên đọc tại_____ ngày___tháng____
năm_____

Chúng con thành tâm, trăm lạy dâng sớ.

SÁCH THAM KHẢO

1- Trần trọng Kim, “Việt Nam Sử Lược”,
Sống Mới xuất bản, 1978.

2- Kenneth Scott La Tourette, “The Chi
nese Their History and Culture”, The
MacMillan Co., NY, 1964.

3- Maurice Durand, “Technique Et
PanThéon Des Méiums Vietnamiens” École
Francaise D’extrême-Orient, Paris, 1959.

4- Kim Đình “Kinh Hùng Khảo Triết”,
Thanh Niên Quốc-Gia xb., 1984 tại Hoa-Kỳ.

5- Nguyễn Ngọc Huy, “Quốc Triều Hình
Luật” quyển A, 1989.

6- Franz Schurmann & Orville Schell,
“Imperial China”, The Colonial Press Inc.
Clinton, Massachusetts, 1967.

7- Phạm Việt Châu, “Trăm Việt Trong
Vùng Định Mệnh”, xb tại HoaKỳ 1997.

8- Trần Đại Sỹ, “Biên Cương Nước Cổ
Việt”, Diễn văn đọc trong dịp khai giảng
niên khóa 1992-1993 tại viện Pháp Á.

9- Hoài Nguyên & Đình Khang Hoạt ,
“Vấn Đề Văn Hoá Việt”, 1994, Hoa-Kỳ.

[]

MỤC LỤC

Thay Lời Tựaiii

I.- Phần Nghi-Thức 1

II.-Vào Đền 3

II-1/ Đạo Mẫu vì thiên kiến
sai lầm nên bị lu mờ. 3

II-2/ Nguyên nhân và động lực
trở về với Đạo Mẫu. 4

III.- Nội Dung19

A- Đạo Mẫu là gì ? 19

B- Chân Lý Đạo Mẫu21

* Ý nghĩa chữ Hiếu22

* Ý nghĩa chữ Trung24

* Ý nghĩa chữ Nhân25

C- Lịch-sử Đạo Mẫu 31

D- Nguyên lý Đạo Mẫu. 36

E- Tứ Bất Tử Trong Đạo Mẫu. 81

F- Ý Nghĩa Thờ Phụng103

G- Đường Hướng Giải Thoát 116

**H- Đạo Mẫu, một Di sản Tinh Thần
của Dân Tộc Việt 125**

**I- Nguyên Nhân đã đẩy Đạo Mẫu
thành Tọa Giáo 139**

**J- Sơ Lược Nguyên Nhân sẽ gây
ra nội chiến 147**

K- Áp Lực Triệt Hạ Đạo Mẫu149

L- Đạo Mẫu sẽ Đóng Góp.....	156
IV.- Giải Đáp Thắc Mắc	167
V.- Kết Từ	175
VI- Phụ Lục	179
A-Quan Điểm của Nhóm	197
B-Ăn Quả Nhớ Kẻ Trồng Cây	199
C- Bàn Thờ Đạo Mẫu	201
D- Nhạc: Nếu Có Ai Hỏi Tôi.....	202
E- Thơ, kính dâng:	203
-Chúa Thượng Ngàn	
-Thánh Cô Đôi	
-Chư Ông Hoàng	
F- Số cầu an và số cầu siêu.....	205
F- Sách Tham Khảo	209
Mục Lục	211

